

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

ĐOÀN THU TRANG

**TỘI PHẠM HÓA VÀ PHI TỘI PHẠM HÓA
TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2011

MỤC LỤC

Trang

| | |
|---|----|
| <i>Trang phụ bìa</i> | |
| <i>Lời cam đoan</i> | |
| <i>Mục lục</i> | |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI PHẠM HÓA VÀ PHI TỘI PHẠM HÓA | 11 |
| 1.1 Khái niệm tội phạm, tội phạm hóa và phi tội phạm hóa | 11 |
| 1.1.1 Khái niệm tội phạm | 14 |
| 1.1.2 Khái niệm tội phạm hóa | 17 |
| 1.1.3 Khái niệm phi tội phạm hóa | 19 |
| 1.2 Sự cần thiết, vai trò, mục tiêu, ý nghĩa của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa | 22 |
| 1.2.1 Sự cần thiết của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa | 23 |
| 1.2.2 Vai trò của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa | 25 |
| 1.2.3 Mục tiêu của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa | 27 |
| 1.2.4 Ý nghĩa của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa | 29 |
| 1.3 Các yếu tố tác động đến quá trình tội phạm hóa và phi tội phạm hóa | 31 |
| 1.3.1 Yếu tố chính trị - xã hội | 31 |
| 1.3.2 Yếu tố văn hóa – lịch sử | 35 |
| 1.3.3 Yếu tố tâm lý | 37 |
| Chương 2: QUÁ TRÌNH TỘI PHẠM HÓA VÀ PHI TỘI PHẠM HÓA TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ Ý NGHĨA CỦA QUÁ TRÌNH ĐÓ | 41 |
| 2.1 Sự thể hiện nội dung tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 | 41 |
| 2.1.1 Sự thể hiện nội dung tội phạm hóa và phi tội phạm hóa tại phần chung trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 | 41 |
| 2.1.1.1 <i>Nội dung tội phạm hóa</i> | 44 |
| 2.1.1.2 <i>Nội dung phi tội phạm hóa</i> | 45 |
| 2.1.2 Sự thể hiện nội dung tội phạm hóa và phi tội phạm hóa tại phần các tội phạm trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 | 48 |
| 2.1.2.1 <i>Nội dung tội phạm hóa</i> | 48 |
| 2.1.2.2 <i>Nội dung phi tội phạm hóa</i> | 56 |

| | | |
|---------|--|-----|
| 2.2 | Sự thể hiện nội dung tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2009 | 69 |
| 2.2.1 | Nội dung tội phạm hoá | 69 |
| 2.2.2 | Nội dung phi tội phạm hóa | 73 |
| 2.3 | Các quan điểm về quá trình tội phạm hóa và phi tội phạm hóa ở nước ta hiện nay | 78 |
| | Chương 3: TÌNH HÌNH TỘI PHẠM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY VÀ PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TỘI PHẠM HÓA, PHI TỘI PHẠM HÓA TRONG THỜI GIAN TỚI | 83 |
| 3.1 | Tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay | 83 |
| 3.1.1 | Thực trạng tình hình tội phạm ở nước ta trong giai đoạn 10 năm qua | 87 |
| 3.1.2 | Một số đặc điểm tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay | 96 |
| 3.1.2.1 | <i>Sự hình thành các tổ chức, băng, nhóm tội phạm có chiều hướng gia tăng</i> | 96 |
| 3.1.2.2 | <i>Tính chất các loại tội phạm ngày càng nghiêm trọng, phức tạp, hậu quả của tội phạm ngày càng lớn</i> | 97 |
| 3.1.2.3 | <i>Tội phạm sử dụng thành tựu của khoa học - công nghệ vào quá trình phạm tội ngày càng nhiều, số người phạm tội là người có trình độ học vấn cao ngày càng gia tăng</i> | 98 |
| 3.1.2.4 | <i>Tội phạm ngày càng gắn với tệ nạn ma túy</i> | 98 |
| 3.1.2.5 | <i>Tính xã hội của tội phạm ngày càng thể hiện rõ nét, thể hiện những đặc trưng riêng của nền kinh tế thị trường phát triển</i> | 99 |
| 3.1.3 | Nguyên nhân của tội phạm | 99 |
| 3.1.3.1 | <i>Nguyên nhân khách quan</i> | 99 |
| 3.1.3.2 | <i>Nguyên nhân chủ quan</i> | 101 |
| 3.1.3.3 | <i>Các quan điểm chủ đạo trong phòng, chống tội phạm</i> | 102 |
| 3.2 | Phương hướng giải pháp tiếp tục thực hiện tội phạm hóa trong pháp luật hình sự nước ta | 104 |
| 3.2.1 | Tội phạm hóa trong lĩnh vực Kinh tế | 104 |
| 3.2.2 | Tội phạm hóa trong lĩnh vực Công nghệ thông tin | 109 |
| 3.2.3 | Tội phạm hóa trong lĩnh vực Môi trường | 113 |
| 3.3 | Một số đề xuất về phi tội phạm hóa | 124 |
| 3.3.1 | Phi tội phạm hoá Tội đầu cơ (Điều 160) | 124 |

| | | |
|-------|---|-----|
| 3.3.2 | Phi tội phạm hóa một số tội liên quan đến hoạt động mại dâm | 126 |
| 3.3.3 | Hợp pháp hóa một số tội liên quan đến đánh bạc và cá cược | 128 |
| | KẾT LUẬN | 130 |
| | DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 132 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, việc nước ta gia nhập và được công nhận là thành viên đầy đủ của Tổ chức thương mại thế giới WTO thực sự là một bước chuyển về mọi mặt của một đất nước đang phát triển. Đạt được thành tựu đó là nhờ quyết tâm cải cách chính trị, hành chính và sự đồng thuận của cả dân tộc trong công cuộc đổi mới.

Hội nhập, chúng ta có nhiều cơ hội bên cạnh đó là không ít thách thức, mà một trong những thách thức ấy là việc phát sinh hàng loạt các loại tội phạm. Việc đấu tranh phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ quan trọng hơn bao giờ hết của tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân. Tội phạm hóa và phi tội phạm hóa là một chủ trương, đường lối, định hướng với mục đích phòng, chống tội phạm và cũng là một trong những mục tiêu cơ bản trong cuộc đấu tranh đầy cam go này.

Ý nghĩa của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa được thể hiện ở khả năng đảm bảo sự thống nhất giữa ý chí của giai cấp cầm quyền với pháp luật nhà nước, giữa pháp luật và áp dụng pháp luật đó. Trong cuộc đấu tranh với tội phạm không thể thiếu chính sách về tội phạm và hình phạt, việc không hiểu đúng chính sách về tội phạm và hình phạt sẽ làm giảm đi hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhận thức không đúng chính sách về tội phạm và hình phạt có thể dẫn đến sai lầm trong công tác lập pháp, trong thực tiễn thi hành pháp luật. Không hiểu đúng chính sách về tội phạm hóa và phi tội phạm hóa sẽ làm cho việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng trở nên gò bó, cứng nhắc và dẫn đến tùy tiện, không đạt được mục đích răn đe, ngăn ngừa tội phạm.

Trong sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN) Việt Nam của dân, do dân, vì dân, việc đảm bảo quyền công dân –

quyền con người là nhiệm vụ trọng tâm và có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện đường lối nhân đạo với mục tiêu dân chủ, nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

Xuất phát từ thực tế đã nêu, và nhận thấy quá trình thực hiện tội phạm hóa, phi tội phạm hóa vẫn đang không ngừng diễn ra trong các lần pháp điển hóa Bộ Luật Hình sự để dần hoàn thiện pháp luật, giữ vững niềm tin của nhân dân vào các chính sách của Đảng và Nhà nước trong công cuộc đấu tranh, phòng, chống và trấn áp tội phạm và nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của vấn đề tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong công cuộc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nên tôi đã chọn đề tài: ***“Tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999”*** làm Luận văn Thạc sĩ để làm sáng tỏ thêm một vai trò của chính sách về tội phạm và hình phạt trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu

Đây là một trong những chính sách về tội phạm và hình phạt có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Tuy nhiên, thời gian qua trong khoa học pháp lý chưa có công trình nghiên cứu riêng về chính sách này. Thời gian gần đây đã có một số công trình nghiên cứu chung và đề cập tới vấn đề tội phạm hóa và phi tội phạm hóa với tính chất là một tổng thể như: *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay của GS – TSKH Đào Trí Úc và tập thể tác giả* (1994), Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội; *Sách chuyên khảo sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)*, PGS – TSKH Lê Cẩm (2005), Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội; *Một số vấn đề cơ bản về chính sách hình sự dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng* (2002) của PGS, TS. Hồ Trọng Ngũ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, *Tội phạm hoá và phi tội phạm hoá trong luật hình sự Việt Nam*, Lô Văn Lý, Luận văn thạc sỹ Luật, Trường ĐH Luật TP HCM năm 2000, *Tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ Luật hình sự*

1999 và ý nghĩa, GS – TSKH Đào Trí Úc, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 8 năm 2001...

Các công trình nghiên cứu của các tác giả chủ yếu dưới dạng bài viết đăng trên các tạp chí khoa học pháp lý chuyên ngành hoặc một phần trong các các giáo trình giảng dạy, hoặc một phần trong sách chuyên khảo...Luận văn của Lô Văn Lý về chính sách này cũng đã nghiên cứu quá trình tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Luật hình sự Việt Nam từ trước lần pháp điển hóa Bộ Luật Hình sự năm 2009. Chính vì vậy việc nghiên cứu chính sách hình sự trong lĩnh vực ***“Tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ Luật Hình sự 1999”*** là thực sự cần thiết có nghĩa về lý luận và thực tiễn đặc biệt là trong điều kiện đổi mới hiện nay ở nước ta.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài sẽ tập trung nghiên cứu các vấn đề pháp lý cũng như cơ sở thực tiễn của quá trình tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 so với Bộ Luật hình sự Việt Nam năm 1985 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1999 ngày 19-6-2009 so với Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999. Trong nội dung trình bày sẽ cố gắng đưa ra những nhận xét, đánh giá xu hướng của quá trình tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ luật hình sự Việt Nam 1999 và những đề xuất đối với xu hướng này trong tương lai

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để phục vụ mục đích nghiên cứu nêu trên, những nhiệm vụ nghiên cứu sẽ là

Về mặt lý luận: Qua việc nghiên cứu chính sách về tội phạm và phi tội phạm hóa trong Bộ Luật Hình sự 1999 và trên cơ sở đó đề xuất một số ý kiến về lý luận đối với việc tội phạm hóa và phi tội phạm hóa đối với một số hành vi góp phần hoàn thiện việc triển khai thực hiện chính sách về về tội phạm và hình phạt hiện nay nhằm bảo đảm chính sách hình sự ngày càng phù hợp nguyện vọng của nhân dân và có những tác động tích cực của quá trình tội phạm hóa và phi tội phạm hóa đối với công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền, trong chính sách nhân đạo đối với quyền con người tại Việt Nam.

Qua việc nghiên cứu, xác định vị trí vai trò của chính sách tội phạm và hình phạt trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, phân tích làm rõ các khái niệm và nội dung cơ bản của chính sách tội phạm về hình sự hóa, phi hình sự hóa. Trên cơ sở này, đề xuất một số giải pháp cho việc hoàn thiện chính sách về tội phạm và hình phạt hướng tới hoàn thiện chính sách tội phạm và hình phạt theo yêu cầu của tình hình mới.

Về mặt thực tiễn: Qua việc nghiên cứu sẽ phân nào nêu lên tính nhân đạo của Pháp luật Việt Nam trong nhiệm vụ bảo vệ quyền con người - mục tiêu quan trọng nhất của các nhà lập pháp Việt Nam trong quá trình thực hiện tội phạm hóa và phi tội phạm hóa đối với một số hành vi. Vì vậy luận văn sẽ phân tích, bình luận từng tội danh được tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ Luật Hình sự năm 1999 sau đó đưa ra các số liệu cụ thể về tình hình tội phạm của nước ta từ đó đưa ra các kiến nghị, đề xuất về tội phạm hóa, phi tội phạm hóa trong thời gian tới.

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những chính sách hình sự liên quan đến tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ Luật Hình sự 1999 cụ thể là khái niệm, sự cần thiết, vai trò, mục tiêu, ý nghĩa của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong chính sách hình sự của nước ta. Luận văn còn kết hợp

với việc thống kê quá trình tội phạm hóa và phi tội phạm hóa đối với các tội phạm cụ thể qua hai lần pháp điển hóa Bộ Luật Hình sự 1999 đồng thời nghiên cứu các số liệu về tình hình tội phạm của nước ta trong những năm gần đây và nêu ra một số cơ sở lý luận và đề xuất đối với chính sách hình sự này trong thời gian tới nhằm nâng cao tính dân chủ, phù hợp với tiến trình hội nhập của Việt Nam trong thời đại mới.

3.4. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là những hành vi được các nhà làm luật tội phạm hóa, phi tội phạm hóa trong quá trình hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự, các số liệu, các quan điểm của các nhà nghiên cứu pháp luật và một số đề xuất về tội phạm hóa và phi tội phạm hóa đối với các tội phạm cụ thể nhằm mục đích hoàn thiện chính sách pháp luật để chính sách pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành một bộ phận không thể tách rời trong cuộc sống của người dân để đảm bảo mỗi người dân Việt Nam luôn ***“sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”***

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và nhà nước ta về quyền công dân, quyền con người cũng như đảm bảo pháp luật phải phù hợp với cuộc sống, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội và bảo đảm chính sách nhân đạo. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng, tiếp thu, kế thừa các thành tựu khoa học của chuyên ngành pháp lý, các nhà chuyên môn, nhà khoa học, các luận điểm nghiên cứu của các nhà khoa học, các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết chuyên ngành pháp lý được đăng trên các tạp chí.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tiếp cận Đề tài “*Tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999*” luận văn vận dụng các nguyên tắc, phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mac – Lênin, của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được vận dụng trong luận văn là:

- *Phương pháp phân tích*: Phương pháp này thể hiện trong luận văn là những lý giải, phân tích những điều luật được các nhà làm luật tội phạm hóa, phi tội phạm hóa một phần hay toàn bộ trong Bộ Luật Hình sự 1999. Các nhận xét, đánh giá, đề xuất đối với việc thực hiện tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong chính sách pháp luật của các nhà nghiên cứu khoa học luật hình sự Việt Nam qua đó rút ra được sự cần thiết, vai trò, mục tiêu, ý nghĩa của chính sách hình sự này trong đời sống pháp luật, trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền của Việt Nam.

- *Phương pháp so sánh*: Luận văn sử dụng phương pháp so sánh để đưa ra các kiến giải và nhận định về tình hình tội phạm qua các năm từ đó rút ra được các biểu đồ, sơ đồ về tình hình phạm tội để rút ra được những kết luận về thực trạng, giải pháp và các đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật.

- *Phương pháp thống kê xã hội học*: Phương pháp này được thể hiện thông qua những tài liệu, số liệu cũng như các báo cáo của các cơ quan điều tra về tình hình tội phạm của nước ta trong thời gian vừa qua để làm cơ sở phân tích, nghiên cứu nhằm tìm ra nguyên nhân, giải pháp. Bên cạnh đó, phương pháp này còn được thể hiện ở việc sưu tầm các số liệu tìm được trên mạng Internet cũng như các tổng hợp thống kê liên quan của các cơ quan hữu quan như Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao, các báo cáo của Quốc hội, các báo cáo trong các hội thảo khoa học về chính sách pháp luật, các báo cáo của các ngân hàng về tình hình tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng, các báo cáo của

Viện Khoa học quản lý môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường để rút ra các kiến giải về tội phạm hóa, phi tội phạm hóa trong một số lĩnh vực.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số phương pháp tiếp cận khác như: Lịch sử, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch... đồng thời sử dụng các văn bản pháp luật của Nhà nước như: Bộ luật Hình sự các năm 1985, 1999, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1999 ngày 19-6-2009, Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị quyết, Chỉ thị, Nghị định, Chương trình hành động... làm tài liệu nghiên cứu.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận văn

Đây là đề tài nghiên cứu về “Tội phạm hóa, phi tội phạm hóa trong Bộ Luật Hình sự 1999” nên đề tài đã cố gắng tập trung giải quyết các nội dung sau:

- Phân tích và tổng hợp một các cụ thể và chi tiết nhất các hành vi được các nhà làm luật tội phạm hóa và phi tội phạm hóa qua hai lần pháp điển hóa và sửa đổi bổ sung Bộ Luật Hình sự.

- Phân tích để thấy rõ được sự cần thiết, vai trò, mục tiêu, ý nghĩa của việc thực hiện chính sách hình sự liên quan đến quá trình tội phạm hóa, phi tội phạm hóa một số hành vi trong công cuộc hoàn thiện pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền để đưa pháp luật vào đời sống nhằm giáo dục người dân ý thức pháp luật, hướng người dân thực hiện “Sống, là việc theo Hiến pháp và pháp luật”.

- Đề xuất tội phạm hóa và phi tội phạm hóa đối với một số hành vi nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự Việt Nam và nêu lên các nhận định về xu hướng tội phạm trong giai đoạn tới với mục tiêu góp phần cảnh báo để các nhà làm luật có những điều chỉnh chính sách hình sự phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng đưa ra những mục tiêu, chính sách lớn phát triển, đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền với mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Để làm được những mục tiêu, chính sách lớn, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp luật bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân cũng như các nghĩa vụ cơ bản đối với đất nước nhằm tạo hành lang pháp lý ổn định, lành mạnh, khuyến khích sự phát triển năng lực cá nhân, sức mạnh của tập thể, khai thác tối đa tiềm năng con người.

Sự phát triển của toàn cầu hóa và hội nhập góp phần làm cho nền kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển. Bên cạnh những tác động tích cực đối với kinh tế, xã hội, toàn cầu hóa và hội nhập còn làm nảy sinh những tiêu cực trong đời sống xã hội: sự xuống cấp về đạo đức, sự mai một những giá trị tinh thần, làm gia tăng những loại tội phạm chưa có trong lịch sử pháp luật Việt Nam. Chính những tác động về mặt xã hội này đã khiến các nhà lập pháp phải nghiên cứu để sửa đổi Bộ luật hình sự Việt Nam nhằm mục đích điều chỉnh một cách tốt nhất, triệt để nhất những hành vi gây nguy hiểm đến xã hội và quyền con người.

6.1. Về mặt lý luận

Trong các công cụ hữu hiệu Nhà nước ta sử dụng để đấu tranh với tội phạm chính là Pháp luật hình sự. Khả năng tác động đến hiệu quả của cuộc đấu tranh với tội phạm phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó phải tính đến việc đánh giá đúng đắn và xác định càng chính xác, càng cụ thể càng tốt những hành vi nguy hiểm cho xã hội vì thế phải đòi hỏi phải phân hóa cao độ các loại hành vi trong các đạo luật và đồng thời phải bảo đảm thường xuyên theo dõi, bổ sung, sửa đổi kịp thời những quy định về hành vi nguy hiểm cho

xã hội. Quá trình sửa đổi, bổ sung để từng bước hoàn thiện Bộ luật hình sự thường được thực hiện theo hai xu hướng:

1. Quy định bổ sung những hành vi mới được coi là tội phạm hoặc gia tăng mức độ hình phạt cho một số hành vi được coi là nguy hiểm cho xã hội.

2. Loại bỏ một số hành vi được coi là tội phạm hoặc giảm thiểu các biện pháp và mức độ nghiêm khắc của hình phạt đối với một số hành vi khác.

Trước đây theo quan niệm phổ biến thì tội phạm hóa hay phi tội phạm hóa là những vấn đề thuộc thẩm quyền của nhà lập pháp. Về mặt khoa học pháp lý, vấn đề tội phạm hóa hay phi tội phạm hóa được hiểu một cách khái quát là việc nhà lập pháp chọn khuynh hướng đưa vào hay loại ra các hành vi khỏi phạm trù hình sự.

Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, đặc biệt trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, bất cứ lĩnh vực hoạt động kinh tế nào cũng xuất hiện những biến đổi xã hội làm giảm, làm mất tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi nào đó đồng thời làm gia tăng tính nguy hiểm cho xã hội hay nhu cầu tội phạm hóa những hành vi khác. Chính vì lẽ đó cần rà soát tất cả mọi lĩnh vực để xác định những hành vi cần tội phạm hóa, phi tội phạm hóa.

6.2. Về mặt thực tiễn

Ý nghĩa thực tiễn của luận văn ngoài việc đưa ra những đóng góp về việc đổi mới chính sách hình sự phục vụ cuộc đấu tranh với tội phạm là những kinh nghiệm được đúc rút từ thực tiễn thi hành Bộ Luật hình sự và cả những đạo luật hình sự trước đây. Đồng thời luận văn cũng có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho học sinh, sinh viên trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng, cho các nhà hoạt động thực tiễn và cho tất cả những ai quan tâm đến vấn đề này.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về tội phạm hóa và phi tội phạm hóa

Chương 2: Sự thể hiện nội dung tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 và thực tiễn đánh giá

Chương 3: Tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay và đề xuất tội phạm hóa, phi tội phạm hóa trong thời gian tới

Chương 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI PHẠM HÓA VÀ PHI TỘI PHẠM HÓA

1.1. KHÁI NIỆM TỘI PHẠM, TỘI PHẠM HÓA VÀ PHI TỘI PHẠM HÓA

Pháp luật hình sự là một trong những công cụ sắc bén, hữu hiệu để đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Nhiệm vụ của pháp luật hình sự là nhằm bảo vệ các lợi ích của con người, của xã hội và của nhà nước, đồng thời góp phần bảo vệ hoà bình và an ninh của nhân loại khỏi sự xâm hại của tội phạm cũng như ngăn ngừa việc thực hiện tội phạm mới của những người đã thực hiện tội phạm nào đó và ngăn ngừa các thành viên khác trong xã hội thực hiện tội phạm (TP), đồng thời giáo dục các công dân có ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

Để thực hiện được nhiệm vụ này, trong điều kiện nền kinh tế xã hội luôn có những biến động, thay đổi thì việc xác định loại hành vi như thế nào sẽ bị ghi nhận trong pháp luật hình sự là tội phạm (gọi là tội phạm hóa) và ngược lại, loại trừ khỏi pháp luật hình sự hiện hành loại hành vi nào đó (phi tội phạm hóa) luôn là một đòi hỏi lớn đối với nhà làm luật vì nếu thực hiện tội phạm hóa (TPH) hoặc phi tội phạm hóa (PTPH) một hành vi phạm tội nào đó không phù hợp thời điểm, không phù hợp quan điểm, quan niệm của xã hội, không phù hợp mục tiêu phát triển của đất nước sẽ dẫn đến tính chất răn đe của pháp luật bị xem nhẹ, tính nhân đạo của pháp luật bị lạm dụng và không đạt được mục tiêu phòng chống và ngăn ngừa TP

Trong từng giai đoạn phát triển của lịch sử, TPH và PTPH là hai quá trình trái ngược nhau nhưng rất cần thiết trong chính sách về pháp luật hình sự. Đánh giá đúng tính chất nguy hiểm hoặc không còn nguy hiểm cho xã hội của từng loại hành vi vi phạm pháp luật để từ đó xác định có cần thiết sử dụng chế tài hình sự - loại chế tài mạnh nhất, nghiêm khắc nhất để áp dụng với chủ thể của hành vi là việc làm hết sức cần thiết.

Để quản lý xã hội bằng pháp luật thì bất kỳ một chính sách pháp luật (CSPL) nào do nhà nước soạn thảo ra đều nhất thiết nhằm vào một hoặc nhiều mục đích nhất định căn cứ vào hướng triển khai chính sách tương ứng trong đời sống xã hội. Chính sách hình sự (CSHS) bao gồm một phạm vi rộng lớn rất nhiều vấn đề mà khoa học pháp lý về tư pháp hình sự của nước ta có nhiệm vụ phải làm sáng tỏ về mặt lý luận bản chất của chúng. Trong khoa học Luật hình sự các vấn đề của CSHS từ lâu đã được các nhà nước quan tâm, ở nước ta vấn đề này hiện còn nhiều quan niệm khác nhau về CSHS.

Theo quan điểm của GS.TSKH. Đào Trí úc, CSHS là một bộ phận của CSPL, bởi vì đó là những định hướng, những chủ trương trong việc sử dụng pháp luật hình sự và lĩnh vực đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm [21, tr 17].

Còn theo TS. Phạm Thư thì CSHS là những định hướng, chủ trương, đường lối có tính chất chỉ đạo, chiến lược của Đảng và Nhà nước để giải quyết các vấn đề hình sự trong việc sử dụng pháp luật hình sự vào lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm. CSHS là một bộ phận cấu thành của CSPL nên CSHS sự vừa gắn bó hữu cơ với chính sách pháp luật vừa mang những đặc tính chung của CSPL và nó có mối liên hệ chặt chẽ với đường lối, chính sách xã hội chung của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển của xã hội [34; tr 56].

Hoặc theo một sách chuyên khảo hiện nay, TS. Phạm Văn Lợi và tập thể tác giả quan niệm về CSHS, căn cứ các yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước như sau: “CSHS trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền là một phần của chính sách xã hội nói chung, đồng thời là CSPL trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói riêng và bao gồm tổng thể bốn chính sách - chính sách phòng ngừa tội phạm, chính sách pháp luật hình sự, chính sách pháp luật tố tụng hình sự và chính sách pháp luật thi hành án hình sự - với tính cách là những phương hướng có tính chất chỉ đạo, chiến lược của Nhà nước trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm nhằm đảm bảo thực hiện tốt đường lối xử lý về hình sự, góp phần đưa các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền vào đời sống thực tế, giáo dục công dân ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tiến tới xây dựng thành công nhà nước pháp quyền ở Việt Nam [21, tr 24].

Trên cơ sở này, theo quan điểm của chúng tôi, CSHS là *chính sách của nhà nước trong lĩnh vực tội phạm và hình phạt với mục đích hoàn thiện và tăng cường năng lực cho pháp luật hình sự phục vụ cho việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.*

Đối tượng nghiên cứu cơ bản của chính sách hình sự bao gồm các vấn đề: TPH và PTPH; hình sự hóa (HSH) và phi hình sự hóa (PHSH); việc áp dụng các quy phạm pháp luật có tính chất đánh giá hoặc lựa chọn (tùy nghi); chính sách phòng ngừa TP; chính sách pháp luật hình sự; chính sách pháp luật tố tụng hình sự; chính sách pháp luật thi hành án hình sự và đường lối xử lý về hình sự.

TPH và PTPH là đối tượng nghiên cứu quan trọng đầu tiên của CSHS. Đó là hai quá trình khác nhau và trái ngược nhau.

1.1.1. Khái niệm tội phạm

Tội phạm là một hiện tượng xã hội mang tính chất hình sự - pháp lý, có nguồn gốc và nguyên nhân từ xã hội. Mặt khác, tội phạm là một phạm trù lịch sử, nó gắn liền với Nhà nước và giai cấp. Khái niệm tội phạm cũng luôn vận động và biến đổi cùng với những vận động của xã hội. Nghiên cứu hành vi tội phạm là nghiên cứu những hành vi mang tính cá biệt, phản xã hội của con người. Người ta có thể tiếp cận vấn đề tội phạm từ nhiều góc độ khác nhau của các ngành khoa học khác nhau.

Khái niệm tội phạm còn là một nền tảng quan trọng của lý luận về tội phạm, nắm vững khái niệm này giúp phân biệt chính xác và có căn cứ khoa học các loại tội phạm để từ đó phân loại các cấu thành tội phạm cụ thể trong phần riêng luật hình sự góp phần củng cố pháp chế và trật tự pháp luật, bảo vệ hữu hiệu các quyền và tự do của con người trong các mối quan hệ với các cơ quan tư pháp hình sự.

Tội phạm là một hiện tượng xã hội - pháp lý gắn liền với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật cũng như với sự sở hữu tư nhân và sự phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng. Trong quá trình xây dựng pháp luật của nước ta, các nhà nghiên cứu khoa học luật hình sự đã đưa ra rất nhiều quan điểm, khái niệm về tội phạm

Bên cạnh những đặc điểm truyền thống được ghi nhận giống như trong khái niệm tội phạm của BLHS của nhiều nước trên thế giới là: Tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự thì trong khái niệm tội phạm của BLHS Việt Nam năm 1999 các nhà làm luật còn quy định thêm tính có năng lực TNHS của chủ thể như là đặc điểm của tội phạm. Có thể nói đây là đặc điểm chưa từng được quy định trong luật hình sự của nhiều nước.

Tội phạm là một chế định chủ yếu và quan trọng, đồng thời là một trong những phạm trù cơ bản của Luật hình sự, tuy nhiên có rất nhiều ý kiến khác nhau về khái niệm này.

Theo PGS-TS Trần Văn Độ: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ cao hơn các vi phạm pháp luật khác” [Trần Văn Độ - Bộ luật hình sự 1999 và một số vấn đề về tội phạm - 134]

Theo quy TS Phạm Văn Lợi thì tội phạm được định nghĩa như sau: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện có lỗi và bị Bộ luật Hình sự quy định phải chịu hình phạt” [Tiến sĩ Phạm Văn Lợi - Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam - 136]

Định nghĩa khoa học của bất kỳ một khái niệm, phạm trù hoặc hiện tượng pháp luật nào phải đáp ứng được bốn tiêu chí: Chặt chẽ về mặt logic; Chính xác về mặt ngôn ngữ; Ngắn gọn về mặt cấu trúc; Đầy đủ về mặt nội dung. Như vậy một khái niệm khoa học về tội phạm phải đầy đủ các dấu hiệu trên ba khía cạnh: khách quan, chủ quan và hình thức.

Theo quan điểm của Giáo sư - Tiến sĩ Khoa học Lê Cẩm: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có lỗi (cố ý hoặc vô ý) [Lê Cẩm – Chuyên khảo: Những vấn đề cơ bản về Luật hình sự - 297]

Như vậy, từ các định nghĩa về tội phạm tham khảo trên, định nghĩa của Giáo sư Lê Cẩm là có tính tổng quát và phản ánh được đầy đủ nội hàm của khái niệm tội phạm về mặt nội dung (chỉ ra được bản chất xã hội – xâm hại đến những khách thể được nhà nước bảo vệ bằng pháp luật hình sự) và

mặt hình thức (chỉ ra được bản chất pháp lý - được quy định trong pháp luật hình sự.)

Hơn nữa khái niệm tội phạm trên đã thể hiện được đầy đủ cả ba khía cạnh tương ứng với năm dấu hiệu của tội phạm là: a) Mặt khách quan (nội dung) – Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội; b) Mặt pháp lý (hình thức) – Tội phạm là hành vi trái pháp luật; c) Mặt chủ quan – Tội phạm là hành vi do người có năng lực trách nhiệm hình sự - Đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự - Thực hiện một cách có lỗi.

Như vậy, khái niệm tội phạm là nền tảng quan trọng của lý luận về tội phạm, chúng có vai trò quan trọng trong công cuộc củng cố pháp chế và trật tự pháp luật, bảo vệ hữu hiệu các quyền tự do của con người trong các mối quan hệ với các cơ quan tư pháp hình sự.

Dưới góc độ khoa học Luật Hình sự Việt Nam, khái niệm tội phạm có thể được hiểu ngắn gọn như sau: Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ Luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có lỗi cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến một hoặc nhiều quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ. Từ khái niệm này chúng ta có thể chỉ ra các đặc điểm cơ bản của tội phạm như sau: Một là, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội; hai là, tội phạm được quy định trong Bộ Luật hình sự; ba là, tội phạm do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện; bốn là, người thực hiện hành vi phạm tội một cách có lỗi (cố ý hoặc vô ý) và năm là, tội phạm xâm phạm đến một hoặc nhiều quan hệ xã hội được Luật Hình sự ghi nhận và bảo vệ.[Chuyên khảo – Lê Cẩm]

Là hiện tượng tiêu cực mang thuộc tính xã hội – pháp lý, tội phạm luôn chứa đựng trong nó đặc tính chống đối lại Nhà nước, chống đối lại xã hội, đi ngược lại lợi ích chung của cộng đồng, trật tự xã hội, xâm phạm đến quyền, tự do và các lợi ích hợp pháp của công dân. Tội phạm cũng mang tính lịch sử, nó có nguồn gốc xã hội, tồn tại và phát triển cùng với lịch sử tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Vì vậy, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, đồng thời tìm ra nguyên nhân và điều kiện của nó phải xuất phát từ xã hội, cũng như việc đưa ra các biện pháp phải phù hợp và dựa trên những quy luật kinh tế – xã hội khách quan và có tính tất yếu gắn liền với từng giai đoạn tương ứng của xã hội.

1.1.2. Khái niệm tội phạm hóa

Tội phạm hoá, thì chữ “hoá” ở đây được hiểu là một khái niệm sẽ xuất hiện tương ứng, mà chúng ta hướng tới để xác định. Nói một cách “vĩ mô”, thì đó là cách nhà làm luật pháp diễn hoá những hành vi của con người chưa được coi là tội phạm, thành hành vi được coi là tội phạm, phải coi là tội phạm và quy định nó trong Bộ luật Hình sự. Nói một cách khác, chữ “hóa” trong khái niệm “tội phạm hóa” thể hiện một quá trình biến đổi, một quá trình nghiên cứu, tìm hiểu về các mặt liên quan trong đời sống xã hội như chính trị, văn hóa, lịch sử, tâm lý... của các nhà nghiên cứu khoa học luật hình sự để đưa một hành vi nào đó vào điều chỉnh trong Bộ luật hình sự.

Tội phạm hoá được hiểu là một hành vi nào đó do con người thực hiện tại thời điểm trước các nhà làm luật không cho rằng nó là hành vi có tính nguy hiểm cho xã hội hoặc tính nguy hiểm cho xã hội không đáng để bị coi là tội phạm nên hành vi ấy không cấu thành tội phạm nên người thực hiện hành vi ấy không bị coi là tội phạm, nhưng tại một thời điểm khác, cũng hành vi ấy các nhà làm luật dựa trên các căn cứ về lý luận, nhận thức, điều kiện tâm lý, kinh tế, xã hội, lịch sử... lại quy định đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đủ

điều kiện để cấu thành tội phạm nên người thực hiện hành vi đó bị coi là tội phạm.

Để tội phạm hoá một hành vi nào đó vào danh mục những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm và quy định nó là tội phạm thì các nhà làm luật phải căn cứ vào rất nhiều yếu tố để phân chia những hành vi đó thành các loại tội phạm khác nhau để qua đó xác định: Tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm; Mức độ gây nguy hại cho xã hội của tội phạm; Tính chất lỗi (hình thức lỗi) của tội phạm và Chế tài do luật định đối với việc thực hiện loại tội phạm tương ứng. Căn cứ vào các tiêu chí đó, các nhà làm luật có cơ sở đưa một hành vi nào đó vào một loại tội phạm nào đó hoặc tội phạm đó phải chịu mức hình phạt thế nào là phù hợp.

Phân loại tội phạm trong khoa học Luật Hình sự nhằm đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm đồng thời giúp quá trình tội phạm hóa một hành vi nào đó gây nguy hiểm cho xã hội được chính xác và đảm bảo tính nhân đạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

Theo từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam: Tội phạm hóa là khái niệm gồm cả quá trình lẫn kết quả của việc quy định loại hành vi này hay loại hành vi khác là tội phạm và bị trừng trị bằng các biện pháp hình sự. Đây là một trong những phương thức thể hiện và thực hiện chính sách hình sự của nhà nước.

Tội phạm hóa là sự ghi nhận trong pháp luật hình sự một hành vi nào đó là tội phạm và quy định trách nhiệm hình sự đối với việc thực hiện hành vi đó. Thông qua việc tội phạm hóa, nhà làm luật quy định trách nhiệm hình sự đối với loại hành vi nào đó mà trước đây hành vi đó chỉ bị coi là trái đạo đức hoặc hành vi vi phạm hành chính.

Nói tóm lại, tội phạm hóa là một chính sách hình sự của nhà nước và quá trình tội phạm hóa một hành vi nào đó trong một giai đoạn nào đó phải đủ sức ngăn chặn sự ảnh hưởng của hành vi ấy tác động đến những giá trị xã hội được pháp luật bảo vệ. Việc tội phạm hóa phải tuân thủ nguyên tắc không được trái với các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật quốc gia và các quy tắc, quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế. Đồng thời trong quá trình tội phạm hóa phải tham khảo có chọn lọc các thành tựu tiên tiến của khoa học pháp lý hình sự trên thế giới, đặc biệt là trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế của nước ta hiện nay.

1.1.3. Khái niệm phi tội phạm hóa

Trong trường hợp này, chữ “phi” có nghĩa là không, là không được coi, không được xác định một hành vi, một số hành vi nào đó được coi là hành vi tội phạm. Lý do của vấn đề này thì nhiều, nhưng lý do cơ bản nhất là các hành vi đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, không được coi là tội phạm, không bị xử lý bằng biện pháp hình sự, khi một ai đó thực hiện các hành vi này.

Phi tội phạm hóa được hiểu là, một hành vi nào đó do con người thực hiện, tại thời điểm trước nhà làm luật cho rằng, hành vi đó phải coi là tội phạm, phải được quy định là tội phạm trong Bộ luật Hình sự, và ai đó thực hiện nó, thì có thể bị coi là thực hiện tội phạm, nếu có đủ các dấu hiệu liên quan khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tại thời điểm hiện nay, vì nhiều lẽ khác nhau, hành vi đó không có tính nguy hiểm hoặc tính nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, và khi một ai đó thực hiện hành vi này, sẽ không cấu thành tội phạm, vì vậy hành vi đó không cần phải quy định trong Bộ luật Hình sự là tội phạm.

Hành vi được coi là tội phạm có tính lịch sử, nghĩa là, nó phát sinh, thay đổi và có thể chỉ bị coi là hành vi vi phạm hành chính hoặc hành vi thông

thường khác. Những hành vi hôm qua là nguy hiểm nên nhà làm luật quy định nó là tội phạm nhưng hôm nay, ngày mai xét theo quan điểm của nhà làm luật và tính nguy hiểm cho xã hội, cho cộng đồng thì hành vi đó không nguy hiểm nên không cần thiết phải coi là tội phạm, không cần thiết phải có hình phạt nghiêm khắc mà chỉ cần răn đe bằng hình phạt bớt nghiêm khắc hơn hoặc chỉ cần xử phạt bằng các chế tài ngoài hình sự nên hành vi ấy được quy định khung hình phạt ở mức độ nhẹ hơn hoặc chỉ bị xử phạt hành chính.

Theo từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam: Phi tội phạm hóa là việc bãi bỏ trách nhiệm hình sự đối với những hành vi này hay hành vi khác nguy hiểm cho xã hội trước đây bị coi là tội phạm. Đây là một trong những phương thức thể hiện và thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam.

Bản chất của quá trình phi tội phạm hóa là loại trừ ra khỏi pháp luật hình sự hiện hành một hành vi nào đó mà hành vi đó trước đây đã bị coi là tội phạm và hủy bỏ trách nhiệm hình sự, hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hành vi đó.

Bằng việc phi tội phạm hóa, nhà làm luật đưa ra khỏi pháp luật hình sự các loại hành vi mặc dù trước đây đã bị coi là tội phạm và hiện nay tuy vẫn còn nguy hiểm nhưng chỉ là những nguy hiểm nhỏ không đáng kể nên chỉ bị coi là vi phạm pháp luật và chỉ cần áp dụng chế tài pháp lý của ngành luật tương ứng khác ít nghiêm khắc hơn luật hình sự hoặc áp dụng hình phạt của Luật hình sự nhưng ở mức độ hình phạt giảm nhẹ hơn là đủ sức ngăn chặn. Cũng có loại hành vi mặc dù trước đây bị coi là tội phạm nhưng hiện nay đã hoàn toàn mất đi tính nguy hiểm cho xã hội nên không cần thiết phải xử lý bằng bất kỳ chế tài pháp lý nào vì giai đoạn này chỉ được coi là hành vi trái đạo đức do đó cả hành vi này không cần thiết phải tiếp tục bị cấm về hình sự nữa mà cần được loại ra khỏi lĩnh vực điều chỉnh của Luật hình sự. Nói một cách khác, do sự thay đổi của các yếu tố khách quan như các điều kiện cụ thể của đất nước về kinh tế - xã hội, chính trị, văn hóa, hoặc pháp luật... nên có

một số hành vi không cần áp dụng biện pháp tác động nào về mặt pháp luật hoặc chỉ cần áp dụng chế tài pháp lý của các ngành luật khác ít nghiêm khắc hơn Luật hình sự cũng đủ sức ngăn chặn nên các hành vi ấy không bị coi là tội phạm nữa.

Nói tóm lại, phi tội phạm hóa là một quá trình loại bỏ hoặc giảm nhẹ hình phạt của một tội nào đó trong bộ luật hình sự và quá trình này phải được các nhà làm luật nghiên cứu, tiến hành một cách cẩn trọng và phù hợp với quy luật vận động và phát triển của xã hội cũng như quá trình hội nhập khu vực và thế giới của nước ta.

Hiện nay xung quanh vấn đề hình sự hoá và tội phạm hoá cũng như phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá, vẫn còn những quan niệm khác nhau. Có ý kiến cho rằng, hình sự hoá và tội phạm hoá là một quá trình thống nhất, hay tội phạm hoá cũng chính là hình sự hoá. Tương tự như vậy, quá trình phi hình sự hoá và phi tội phạm hoá là một. Lại có ý kiến cho rằng các quá trình tội phạm hoá và hình sự hoá là khác biệt nhau, cũng như vậy, phi tội phạm hoá và phi hình sự hoá là khác nhau. Tuy nhiên, cả hai quan điểm nói trên đều còn những điểm đáng bàn. Có thể thấy rằng, phi tội phạm hoá là một trường hợp đặc biệt của phi hình sự hoá, là kết quả cuối cùng của quá trình phi hình sự hoá không ngừng một loại hành vi nào đó. Nói cách khác quá trình giảm hình phạt đến tối đa sẽ dẫn đến loại hành vi ra khỏi phạm vi áp dụng hình phạt và do đó, theo định nghĩa tội phạm đã được thừa nhận lâu nay, hành vi đó không còn là tội phạm nữa. Khi không còn hình phạt thì cũng có nghĩa là phi tội phạm hoá. Quá trình hình sự hoá và tội phạm hoá diễn ra ngược lại, tội phạm hoá là hệ quả của hình sự hoá, nhưng lại không phải là điểm cuối cùng, mà chỉ có ý nghĩa như một bước chuyển đổi về chất. [Hồ Trọng Ngũ - Hình sự hoá, tội phạm hoá và phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá - Tạp chí CAND, 6/ 2003].

1.2. SỰ CẦN THIẾT, VAI TRÒ, MỤC TIÊU, Ý NGHĨA CỦA TỘI PHẠM HÓA VÀ PHI TỘI PHẠM HÓA

Trong suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, vấn đề chính quyền và việc xây dựng, hoàn thiện một nhà nước kiểu mới, nhà nước dân chủ ở Việt Nam luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu, một nhiệm vụ trọng tâm của Đảng.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã đặc biệt coi trọng việc cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với điều kiện mới.

Chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sự khẳng định và thừa nhận Nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử; nó không chỉ là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản, mà là tinh hoa, sản phẩm trí tuệ của xã hội loài người, của nền văn minh nhân loại.

Quá trình đổi mới tư duy và hình thành quan điểm, tư tưởng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân gắn liền với quá trình hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới đất nước, xuất phát từ những tiền đề kinh tế - xã hội và những ảnh hưởng, tác động của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Nhà nước và pháp luật phải phản ánh, đại diện đầy đủ cũng như điều hoà được các lợi ích của các giai cấp, tầng lớp nhân dân trong xã hội. Nhà nước không còn là người bảo trợ, bao cấp cho xã hội, mà chỉ tạo ra các điều kiện, môi trường, định hướng cho xã hội phát triển; pháp luật không chỉ là công cụ của Nhà nước để quản lý xã hội mà còn là công cụ, là chỗ dựa vững chắc của người dân để họ sống và xử sự theo pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; pháp luật phải là hiện thân của nguyên tắc: công dân

được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; cán bộ, công chức cơ quan nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép. Thực tế đã đòi hỏi chúng ta phải nhìn nhận và xác định rõ vị trí, vai trò và chức năng của Nhà nước và pháp luật cho phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với hoàn cảnh mới, phải tạo ra những điều kiện, môi trường và các định chế pháp lý cần thiết cho việc bảo đảm các quyền tự do kinh doanh, quyền tự do, dân chủ của công dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tình hình quốc tế thay đổi và có những diễn biến phức tạp, đòi hỏi chúng ta phải có những đối sách thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới: một mặt, phải giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ được bản sắc và truyền thống của dân tộc trong quá trình phát triển; mặt khác, chúng ta phải biết tranh thủ, tận dụng những nhân tố mới và tinh hoa mới của thời đại. Kết hợp nhuần nhuyễn và hiệu quả giữa sức mạnh có tính quyết định của nội lực với sức mạnh của thời đại để tạo ra sức bật mới cho quá trình phát triển và hội nhập.

Pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng – an ninh, trật tự an toàn xã hội được tăng cường, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và bảo vệ môi trường được bảo đảm bằng pháp luật. Quan điểm về phát triển bền vững với sự kết hợp hài hoà phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường đang được xác lập và từng bước thể chế hoá bằng pháp luật.

1.2.1. Sự cần thiết của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa

Theo lý thuyết về tội phạm, xét về dấu hiệu nội dung thì tội phạm phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm luôn chịu sự chi phối của các điều kiện khách quan. Sự vận động của xã hội,

sự phát triển của các điều kiện về kinh tế, chính trị xã hội kéo theo sự thay đổi tính nguy hiểm của hành vi phạm tội. Khi tính nguy hiểm của hành vi phạm tội thay đổi thì việc áp dụng chế tài đối với hành vi đó cũng cần thay đổi theo. Vì vậy, việc đưa vào Bộ luật hình sự hành vi nguy hiểm cho xã hội (tội phạm hóa) hay ra khỏi Bộ luật hình sự hành vi không còn nguy hiểm (phi tội phạm hóa) là cần thiết. Bởi vì:

Trong từng giai đoạn phát triển tương ứng của xã hội, việc tội phạm hoá trong pháp luật hình sự, nhà làm luật cho ta thấy, nếu không quy định trách nhiệm hình sự đối với loại hành vi nào đó (mà trong giai đoạn trước đây chỉ bị coi là hành vi trái đạo đức) hoặc nếu chỉ tiếp tục áp dụng chế tài pháp lý của ngành luật tương ứng khác ít nghiêm khắc hơn luật hình sự đối với loại hành vi nào đó (mà trước đây chỉ bị coi là vi phạm pháp luật) thì sẽ không còn đủ sức ngăn chặn đối với loại hành vi đó nữa; mặt khác, loại hành vi nào đó mặc dù mới xuất hiện và trước đây chưa được quy định là vi phạm pháp luật trong bất cứ ngành luật nào, nhưng do tính nguy hiểm cho xã hội cao và tính phổ biến cao mà việc thực hiện loại hành vi đó bị lên án về mặt đạo đức và bị dư luận xã hội phản ứng gay gắt nên vì vậy, loại hành vi đó phải bị tuyên bố là tội phạm.

Thực tiễn xã hội, lịch sử của việc đấu tranh phòng và chống tội phạm cho thấy, hiệu quả của các quy phạm pháp luật hình sự đạt được không phải là bằng sự mở rộng phạm vi áp dụng hoặc tăng nặng hình phạt mà phải bằng việc phân hóa tối đa trách nhiệm hình sự và đảm bảo hoàn toàn nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm hình sự. Vì vậy, trong những điều kiện đầy phức tạp của nền kinh tế thị trường do sự tăng lên về số lượng của việc tội phạm hóa những hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhà nước thường bị thiệt hại không những về tinh thần, mà phần đáng kể hơn là về vật chất, khi một bộ phận lớn công dân bị loại ra khỏi lĩnh vực sản xuất ra của cải cho xã hội và

nhà nước phải bỏ ra các chi phí nuôi ăn và giáo dục, cải tạo những người bị kết án trong các nhà tù. Do đó, không phải ngẫu nhiên, khi chứng minh việc giảm nhẹ sự trấn áp về hình sự đối với những người phạm tội cũng như của việc kết hợp điều này với nguyên tắc nhân đạo, tính nhân văn của xã hội, nhà luật học C.Mac đã quan niệm rằng: “nhà làm luật thông minh là phải ngăn ngừa tội phạm để khỏi phải trừng phạt nó ... và đừng biến thành tội phạm hành vi nào chỉ mang tính vi cảnh”. Đây là quan niệm đúng đắn, thể hiện sự cần thiết và vai trò quan trọng của việc TPH và PTPH trong pháp luật hình sự.

1.2.2. Vai trò của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa

Nếu phát huy tốt vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội quá trình tội phạm hóa, phi tội phạm hóa sẽ góp phần cùng với hệ thống pháp luật về đấu tranh chống tội phạm và hoạt động thực tiễn của các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án củng cố niềm tin của nhân dân vào hiệu lực bộ máy Nhà nước, vào hiệu quả và sức mạnh của pháp luật và pháp chế, vào một loạt các tư tưởng pháp lý cao cả và tiến bộ được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại (công bằng, nhân đạo, dân chủ, pháp chế) cũng như vào thắng lợi huy hoàng của chính nghĩa đối với tàn bạo, của công lý đối với bất công, của cái thiện đối với cái ác, vào các giá trị quý báu của xã hội dân sự và các nguyên tắc được thừa nhận chung của nhà nước pháp quyền.

Tội phạm hóa và phi tội phạm hóa là hai quá trình trái ngược nhau và khác nhau song chúng đều có mối quan hệ chặt chẽ, hữu cơ và tác động tương hỗ lẫn nhau với tính chất là các biện pháp tư pháp để thực hiện chính sách hình sự, được thể hiện bằng một loạt các giai đoạn trong hoạt động xây dựng pháp luật hình sự của Nhà nước pháp quyền.

Thực hiện tội phạm hóa, phi tội phạm hóa trong quá trình xây dựng pháp luật là tôn trọng nguyên tắc pháp chế, bảo đảm sự thật khách quan của vụ án,

tôn trọng và bảo vệ các quyền lợi của bị can, bị cáo theo đúng chuẩn mực tối thiểu của cộng đồng quốc tế đã được thừa nhận chung bởi nhân loại tiến bộ.

Góp phần bảo vệ các cơ sở của chế độ hiến định, nhân thân cũng như các quyền tự do của con người của công dân, đồng thời bảo vệ pháp chế và trật tự pháp luật góp phần giữ gìn hòa bình an ninh của nhân loại trong khu vực và trên toàn thế giới.

Bản chất của quá trình tội phạm hóa là ghi nhận trong pháp luật hình sự một hành vi nào đó là tội phạm và quy định trách nhiệm hình sự đối với việc thực hiện hành vi đó, còn bản chất của quá trình phi tội phạm hóa là loại trừ khỏi pháp luật hoặc giảm nhẹ hình phạt của pháp luật hình sự hiện hành một hành vi nào đó và hủy bỏ hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi đó.

Cơ sở thực tiễn của việc đổi mới chính sách hình sự phục vụ cuộc đấu tranh với tội phạm nói chung, tội phạm kinh tế nói riêng là những kết luận được rút ra từ trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành Bộ Luật hình sự và những đạo luật hình sự trước đây. Đồng thời với sự tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp hình sự của các nước trong khu vực và trên thế giới. [Lê Cẩm – Chuyên khảo]

Cũng như đối với nhiều lĩnh vực khác, việc đổi mới chính sách hình sự thể hiện trong Bộ luật hình sự phải bảo đảm tính đồng bộ với các lĩnh vực khác, các đạo luật khác trong hệ thống pháp luật. Những đổi mới trong chế định tội phạm phải bảo đảm nhất quán với các chế định khác của Bộ Luật hình sự cũng như những quy định khác có liên quan trong các ngành luật, đạo luật. Đặc biệt vấn đề bảo đảm sự nhất quán với các chính sách được ghi nhận trong các văn kiện của Đảng và trong các đạo luật, Nghị quyết của Quốc hội đã ban hành.

Xu hướng đổi mới chính sách hình sự trong lĩnh vực đấu tranh toàn diện với tội phạm là phải góp phần thực hiện các nghĩa vụ quốc tế mà Nhà nước ta đã ký kết, phê chuẩn, đồng thời, tạo cơ sở pháp lý để tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là các tội phạm kinh tế xuyên quốc gia, tội phạm có tổ chức, tội phạm rửa tiền, tội phạm công nghệ cao...

Bảo đảm nhất quán giữa chính sách hình sự với đường lối phát triển đất nước trong thời kỳ mới, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự là một đòi hỏi khách quan và cấp thiết nhằm giúp phân khắc phục một bước những bất cập, hạn chế nói trên, đáp ứng yêu cầu bức xúc của thực tiễn đang đặt ra và bảo đảm hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2.3. Mục tiêu của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa

Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội; đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Các cơ quan tiến hành tố tụng trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình có nghĩa vụ nhân danh Nhà nước triển khai các hoạt động thực tiễn về điều tra, truy tố và xét xử trong lĩnh vực tư pháp hình sự để tích cực phòng ngừa, phát hiện nhanh chóng và kịp thời các tội phạm, xác định chính xác các mức độ lỗi để xử lý một cách công minh và theo đúng quy định của pháp luật những người đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm đảm bảo đúng người,

đúng tội, đúng pháp luật và không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Việc tội phạm hóa, phi tội phạm hóa một số các tội phạm trong Bộ luật hình sự qua các giai đoạn sửa đổi, bổ sung là để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật nhằm hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội, thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về trật tự an toàn xã hội, giữ vững kỷ cương phép nước, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nếp sống văn minh, làm việc theo Hiến pháp, pháp luật; làm giảm cơ bản các loại tội phạm, phục vụ có hiệu quả công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đây là mục tiêu cơ bản và lâu dài, có tính chiến lược.

Từng bước xây dựng môi trường sống lành mạnh tại các cộng đồng dân cư, trong các nhà trường và gia đình; tạo ra những chuyển biến rõ rệt về trật tự an toàn xã hội; nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của nhân dân; đẩy mạnh tính chủ động, sáng tạo của các cấp cơ sở trong công tác phòng, chống tội phạm.

Từng bước làm giảm các loại tội phạm có sử dụng bạo lực, đặc biệt là các tội phạm giết người, cướp tài sản, hiếp dâm, chống người thi hành công vụ, các tội phạm xâm hại trẻ em, lôi kéo trẻ em vào con đường sử dụng và nghiện hút ma túy, tội phạm người chưa thành niên và các loại tội phạm có tổ chức, có sử dụng vũ khí hoặc có tính chất côn đồ, hung hãn. Kiên quyết truy bắt bọn tội phạm còn lẩn trốn, thực hiện triệt để công tác thi hành án hình sự.

Nâng cao hiệu lực điều hành, quản lý của Chính phủ và chính quyền các cấp trong công tác quản lý hành chính nhà nước về trật tự xã hội và phòng, chống tội phạm.

Nói tóm lại quá trình tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Luật Hình sự Việt Nam có ba mục tiêu không thể tách rời nhau và gắn bó mật thiết với nhau đó là các mục tiêu:

- Bảo vệ chế độ xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, của tổ chức; bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa;
- Mục tiêu đấu tranh phòng và chống tội phạm;
- Giáo dục mọi người nâng cao ý thức, tuân theo pháp luật, nâng cao ý thức chống và phòng ngừa tội phạm.

Đây là mục tiêu xuất phát từ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, các nhiệm vụ của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền, Luật Hình sự không chỉ có mục tiêu trừng trị mà là một phương tiện để phòng ngừa tội phạm có hiệu quả với mục đích xây dựng nền tảng công bằng cho mỗi người dân trong xã hội.

1.2.4. Ý nghĩa của tội phạm hóa và phi tội phạm hóa

Tội phạm hoạt động, gây ra hậu quả xấu cho xã hội, ảnh hưởng tới trật tự an toàn xã hội, gây trở ngại cho việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân, gây ra bất ổn về mặt chính trị. Nhiều vấn đề hình sự đã trở thành vấn đề chính trị, gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia như: buôn lậu, tham ô tài sản với giá trị lớn, cố ý làm trái các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước... gây ra sự bất ổn cho xã hội... ở một số nước, nhiều vụ tham ô, hối lộ, sách nhiễu dân chúng dẫn đến làm suy sụp cả chế độ xã hội như ở Indônêxia, Philippin, Mêhicô...

Thực hiện tội phạm hóa và phi tội phạm hóa sẽ góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đảng ta chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng và an ninh với kinh tế. Thực hiện có hiệu quả tội phạm hóa và phi tội phạm hóa sẽ góp phần tạo ra một môi trường xã hội lành mạnh, ít tội phạm, ít tệ nạn xã hội để nhân dân yên tâm làm ăn, xây dựng và phát triển đất nước, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.

Thực hiện tội phạm hóa và phi tội phạm hóa góp phần làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện tội phạm hóa và phi tội phạm hóa sẽ góp phần hạn chế tội phạm, đẩy lùi các tệ nạn và tiêu cực xã hội, tạo ra một môi trường xã hội lành mạnh, mọi quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội và của công dân sẽ được tôn trọng và bảo vệ. Mọi hành vi phạm tội sẽ được điều tra, xử lý nghiêm minh trước pháp luật, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Tạo bước chuyển biến quan trọng của toàn xã hội trong nhận thức về trách nhiệm đấu tranh phòng chống tội phạm, các cấp, các ngành và đại bộ phận nhân dân đã thấy được trách nhiệm, quyền lợi trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, doanh nghiệp đều xác định rõ hơn trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, coi đấu tranh phòng chống tội phạm vừa là nghĩa vụ và cũng là quyền lợi của mỗi tổ chức, cá nhân.

Tạo được cơ chế phối hợp thực hiện đồng bộ, phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm. Từng bước tạo sự chuyển biến về trật tự an toàn xã hội, giữ vững kỷ cương pháp luật, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nếp sống và làm việc theo pháp luật, tạo khí thế mới và phát huy được nguồn lực to lớn

trong đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ an ninh trật tự tại cơ quan, đơn vị và địa bàn cơ sở. Động viên được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia phòng ngừa xã hội, giảm thiểu được những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế, xã hội. Đã xuất hiện nhiều tấm gương quần chúng nhân dân anh dũng, không quản nguy hiểm đến tính mạng, sẵn sàng tham gia truy bắt tội phạm; đã giáo dục, cảm hoá, cải tạo được nhiều đối tượng phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư giúp họ tái hoà nhập cộng đồng; đã điều tra, khám phá nhiều vụ án lớn về hình sự, kinh tế, ma tuý; bóc gỡ được nhiều đường dây, tổ chức phạm tội nghiêm trọng; làm rõ được nhiều vụ án tồn đọng kéo dài gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Từ năm 1999 đến nay, chúng ta đã liên tục kiểm chế được sự gia tăng của các loại tội phạm, làm giảm được một số loại tội phạm nghiêm trọng: Tội phạm hiếp dâm, cướp tài sản, cố ý gây thương tích được ngăn chặn và từng bước kiểm chế. Đây là kết quả quan trọng thể hiện sự chỉ đạo kiên quyết của Chính phủ và tinh thần quyết tâm của toàn xã hội trong phòng chống, tội phạm, giữ gìn trật tự xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và bước đầu đã tạo được sự đột phá, giải quyết được những vấn đề bức xúc nổi lên, lấy lại được lòng tin của quần chúng nhân dân trong phòng chống tội phạm.

1.3. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH TỘI PHẠM HÓA VÀ PHI TỘI PHẠM HÓA

1.3.1. Yếu tố chính trị - xã hội

Tội phạm là một hiện tượng xã hội mang tính chất hình sự - pháp lý, bởi thế nó chịu sự tác động sâu sắc của ý thức pháp quyền. Ý thức pháp quyền thể hiện ý chí của giai cấp thống trị xã hội, được thể hiện bằng pháp luật,

nhằm điều chỉnh hành vi của con người trong cộng đồng xã hội nhất định. Sự điều chỉnh đó luôn mang tính cưỡng chế thông qua hệ thống pháp luật của Nhà nước.

Trong một xã hội nếu có hệ thống pháp luật đầy đủ, pháp luật được thực hiện nghiêm minh, mọi công dân đều có ý thức tuân thủ pháp luật thì sẽ hạn chế được các hành vi phạm tội. Ngược lại, pháp luật không đầy đủ, thiếu đồng bộ, không được tôn trọng và thực hiện không nghiêm minh sẽ có nguy cơ làm tăng tình hình tội phạm.

Tội phạm là một hiện tượng xã hội, có nguồn gốc từ xã hội, bởi thế nó chịu ảnh hưởng trực tiếp của những nhân tố thuộc tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Sự thay đổi của tồn tại xã hội và ý thức xã hội sẽ làm cho tình hình tội phạm biến đổi cả về tình trạng lẫn động thái. Theo đó, nghiên cứu sự tác động của ý thức xã hội đối với vấn đề tội phạm không chỉ giúp ta tìm ra nguyên nhân xã hội của vấn đề tội phạm, mà còn là cơ sở khoa học giúp chúng ta đề ra các biện pháp xã hội nhằm ngăn chặn nguyên nhân phát sinh và phát triển tội phạm.

Đối với cơ quan lập pháp, việc quy định tội mới, sửa đổi, bổ sung hay hủy bỏ tội phạm phải được tiến hành một cách hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật và phải đảm bảo bốn nguyên tắc cơ bản sau:

Nguyên tắc Pháp chế xã hội chủ nghĩa;

Nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa;

Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa;

Nguyên tắc kết hợp hài hòa lợi ích quốc gia với lợi ích quốc tế

Tình hình phát triển tội phạm trong thời gian qua có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân vì thiếu quan tâm đến các nghiên cứu khoa

học về tội phạm học, khoa học hình sự, khoa học điều tra tội phạm nên đã không có những dự đoán khoa học về tội phạm, không có dự đoán dài hạn và dự đoán ngắn hạn trên cơ sở kết quả các nghiên cứu khoa học về tội phạm. Nếu có được những dự đoán khoa học về tội phạm thì việc đấu tranh với tội phạm sẽ hiệu quả hơn. Tội phạm là một quá trình tự phát, nhưng đấu tranh chống tội phạm phải là một cuộc đấu tranh có kế hoạch và có tổ chức. Cần có kế hoạch hóa cuộc đấu tranh chống tội phạm theo phạm vi cả nước, cả vùng hoặc địa bàn hành chính. Bên cạnh đó cần có kế hoạch đấu tranh chống tội phạm theo phạm vi đời sống xã hội trong các mặt của đời sống xã hội.

Tội phạm là một hiện tượng xã hội mang tính chất hình sự – pháp lý, có nguồn gốc và nguyên nhân từ xã hội. Mặt khác, tội phạm là một phạm trù lịch sử, nó gắn liền với Nhà nước và giai cấp. Khái niệm tội phạm cũng luôn vận động và biến đổi cùng với những vận động của xã hội. Nghiên cứu hành vi tội phạm là nghiên cứu những hành vi mang tính cá biệt, phản xã hội của con người. Người ta có thể tiếp cận vấn đề tội phạm từ nhiều góc độ khác nhau của các ngành khoa học khác nhau.

So với những hành vi trái đạo đức xã hội khác đang tồn tại trong giai đoạn hiện nay thì những hành vi bị TPH phải là hành vi có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao; còn ngược lại, nếu PTPH chúng thì những hành vi đó phải hoàn toàn không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Nếu không phải là mới xuất hiện mà là đang tồn tại trong giai đoạn hiện nay, thì những hành vi bị tội phạm hóa phải là hành vi mà việc áp dụng các chế tài pháp lý của các ngành luật khác ít nghiêm khắc hơn luật hình sự đã không còn đủ sức ngăn chặn chúng trong khi nếu áp dụng chế tài pháp lý hình sự lại có khả năng ngăn chặn chúng, còn ngược lại, nếu phi tội phạm hoá chúng, thì đối với những hành vi đó không cần đến mức phải bị xử lý bằng

các chế tài pháp lý hình sự nữa mà chỉ cần xử lý bằng các chế tài pháp lý của các ngành luật phi hình sự khác hoặc các biện pháp tác động xã hội là đủ.

Trách nhiệm hình sự đối với việc thực hiện những hành vi bị tội phạm hóa trong giai đoạn hiện nay chưa được quy định trong pháp luật hình sự, còn ngược lại, nếu phi tội phạm hóa chúng thì trách nhiệm hình sự đối với việc thực hiện những hành vi đó trong giai đoạn trước đây đã từng được quy định trong luật hình sự, nhưng nay thì nhà nước và xã hội có thể đấu tranh chống lại sự xâm hại của những hành vi đó bằng việc sử dụng các biện pháp tác động của các ngành luật khác ít nghiêm khắc hơn luật hình sự (như: luật hành chính, luật dân sự, luật môi trường...) hoặc các biện pháp tác động hành chính, xã hội khác như (kỷ luật, giáo dục..).

Những hành vi bị tội phạm hóa phải gây nên hoặc đe dọa gây nên thiệt hại đáng kể về vật chất, thể chất hoặc tinh thần cho con người, cho xã hội hoặc cho nhà nước; còn ngược lại, nếu phi tội phạm hoá chúng thì những hành vi đó phải là những hành vi không gây nên hoặc tuy có gây nên thiệt hại, nhưng thiệt hại không đáng kể cho các lợi ích đã nêu.

Hệ thống tư pháp hình sự của nhà nước phải có đủ khả năng đấu tranh chống lại những hành vi bị tội phạm hóa, ngược lại, nếu phi tội phạm hoá chúng thì những hành vi đó chỉ cần đấu tranh bằng hệ thống tư pháp phi hình sự (như tư pháp hành chính, tư pháp dân sự...) là đủ sức ngăn chặn được. Vì bằng các kết quả của thống kê hình sự và điều tra xã hội học cho phép khẳng định rằng, việc áp dụng các quy phạm về điều cấm đối với những hành vi đó trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự (nhất là thực tiễn xét xử) là rất hạn chế.

Việc tội phạm hoá hoặc phi tội phạm hóa những hành vi đó phải không được trái với các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật quốc gia, cũng như các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế. Đồng thời, trong quá trình tội phạm hoá hoặc phi tội phạm hoá cũng cần tham khảo có chọn lọc các thành tựu tiên tiến của khoa học pháp lý hình sự trên thế giới, đặc biệt là trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế của nước ta hiện nay.

So với những hành vi trái xã hội khác đang tồn tại trong giai đoạn hiện nay, thì những hành vi bị tội phạm hóa nhất thiết phải là những hành vi tương đối phổ biến, điển hình hơn và hay lặp đi lặp lại nhiều hơn, còn ngược lại, nếu phi tội phạm hóa chúng thì hành vi đó phải là những hành vi ít phổ biến hơn, không điển hình và ít lặp đi lặp lại.

Nói tóm lại, việc tội phạm hoá hoặc phi tội phạm hóa những hành vi nào đó cần phải phù hợp với các quy luật phát triển khách quan trong đời sống vật chất tinh thần của xã hội và việc tội phạm hoá hoặc phi tội phạm hóa những hành vi nào đó cần phải tương xứng với các tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

1.3.2. Yếu tố văn hóa – lịch sử

Theo tội phạm học, môi trường sống có tác động rất lớn đến việc hình thành nhân cách con người, vì vậy môi trường sống có tác động rất lớn đến tính cách của người phạm tội. Do đó, phẩm chất của cơ cấu xã hội, của các quan hệ xã hội có tính cách quyết định đến việc tội phạm có thể xảy ra hay không.

Tội phạm sẽ xảy ra ở những nơi tồn tại các quan hệ tự phát, thiếu kỷ luật, thói ích kỷ, coi thường lợi ích của người khác, lợi ích chung của xã hội.

Dưới khía cạnh tội phạm học, một trong những nguyên nhân làm phát triển các tội phạm về án mạng và thương tích là trong tình hình xã hội hiện nay, điều kiện phát triển nhân cách con người và điều kiện sống cơ bản, đã dễ dàng làm cho một số người phát sinh trong quan hệ sai trái là coi thường tính mạng và sức khỏe của người khác.

Quan niệm sai trái ấy bắt nguồn từ môi trường sống và hậu quả của nó là việc phạm tội. Như không khí gia đình không bình thường, giáo dục gia đình sai trái, trong gia đình có tư tưởng tham lam ích kỷ... Như trong trường học thì kỷ luật không nghiêm, dạy chữ và dạy đạo đức tách rời nhau, không quan tâm đến vấn đề giáo dục công dân, không phát huy, không tôn trọng sáng kiến của học sinh... Như trong cơ quan, doanh nghiệp thì kỷ luật lao động lỏng lẻo, thủ trưởng nhiều khuyết điểm, không công bằng, không dân chủ trong tập thể lao động... Trong xã hội thì phát hiện xử lý vi phạm không kịp thời, không nghiêm minh... Những mặt tích cực này đều là nguyên nhân, là điều kiện, là môi trường làm phát sinh tội phạm.

Nhu cầu là những đòi hỏi cần có của con người, của từng cá nhân, của một nhóm người hay của toàn xã hội, giúp cho con người tồn tại và phát triển không ngừng. Nhu cầu là kết quả của sự tác động qua lại giữa hoàn cảnh bên ngoài với trạng thái riêng của chủ thể. Nhu cầu sau khi nảy sinh sẽ trở thành động lực thúc đẩy con người hành động nhằm tìm phương tiện thoả mãn nhu cầu. Cái thoả mãn nhu cầu, đối với chủ thể hành động chính là lợi ích. Lợi ích là khâu trực tiếp hình thành nên động cơ tư tưởng thúc đẩy con người hành động.

Nhu cầu càng lớn thì sự hấp dẫn của chủ thể đối với lợi ích càng lớn, do đó, động cơ tư tưởng thúc đẩy hành động của con người càng mạnh

mẽ. C.Mác cũng đã nhận xét:”Tất cả cái gì mà con người đấu tranh để giành lấy, đều dính liền với lợi ích của họ”.

Việc tội phạm hoá và phi tội phạm hóa những hành vi nào đó cần phải được kết hợp một cách hài hoà với các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc, các di sản pháp lý tốt mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta.

Việc tội phạm hoá hoặc phi tội phạm hóa những hành vi nào đó cần phải phù hợp với mặt bằng của trình độ dân trí nói chung, cũng như với trình độ văn hóa pháp lý nói riêng của nhân dân ta.

Việc tội phạm hoá hoặc phi tội phạm hoá những hành vi nào đó cần phải tương xứng với ý thức pháp luật của đại đa số thành viên trong xã hội.

1.3.3. Yếu tố tâm lý

Sự kích thích mạnh mẽ của lợi ích có thể thúc đẩy hành động của con người theo những chiều hướng khác nhau. Theo chiều hướng tích cực, con người sẽ có những suy nghĩ, sáng kiến và hành động tích cực góp phần thúc đẩy sự tiến bộ chung của toàn xã hội. Theo chiều ngược lại, con người có thể hành động bất chấp luật lệ, chà đạp lên đạo lý phá vỡ mọi chuẩn mực xã hội và tìm mọi mưu mô, mánh khoé để đoạt lấy lợi ích cho bản thân mình. Những kẻ có hành vi phạm tội biết chắc chắn rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, chà đạp lên lợi ích của người khác, khi bị phát hiện chắc chắn sẽ chịu những hình phạt thích đáng của pháp luật, nhưng tiếng gọi của lợi ích lại có sức hấp dẫn lớn hơn những nguy hiểm đang chờ đợi.

Trong hoạt động của con người thì vấn đề môi trường tâm lý – xã hội cũng là một động lực thúc đẩy hành động của con người. Môi trường tâm lý – xã hội đều xuất phát từ các điều kiện kinh tế – xã hội, nhưng nó lại được hình thành từ các yếu tố tâm lý – xã hội như tâm trạng xã hội, tình cảm, phong tục,

tập quán, truyền thống văn hoá, đạo đức... Môi trường tâm lý – xã hội có tác động tích cực đến hoạt động của con người khi nó tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc phát huy tính tích cực của chủ thể hoạt động. Ngược lại, môi trường tâm lý – xã hội sẽ có tác động tiêu cực đến hoạt động của con người khi nó tạo ra các trạng thái tâm lý tiêu cực, buồn chán, mất niềm tin ở con người.

Nền kinh tế thị trường đã tạo nên những vấn đề tâm lý – xã hội mang tính đặc thù và có tác động lớn đến con người nói chung và vấn đề tội phạm nói riêng. Tâm lý tư hữu, thói tham lam, ích kỷ, vô tổ chức, coi thường pháp luật vốn là bạn đồng hành của nền sản xuất nhỏ, khi bước vào nền kinh tế thị trường chúng lại càng có điều kiện phát triển. Bản chất của kinh tế thị trường là cạnh tranh và tìm kiếm lợi nhuận. Cùng với sức kích thích của lợi nhuận, tâm lý chạy đua để làm giàu cũng ngày càng ngự trị trong đời sống xã hội. Có nhiều người làm giàu bằng những con đường chính đáng, tuân thủ pháp luật, nhưng cũng không ít người tìm cách làm giàu bằng mọi giá, bất chấp pháp luật và con đường dẫn đến phạm tội là tất yếu. Một điều tra xã hội học trên một tờ báo mạng ở nước ta cho thấy, có hơn 70% số đối tượng phạm tội cướp giật trộm cắp, lừa đảo đã trả lời: Phạm tội với mục đích kiếm tiền tiêu xài cho bản thân. Như vậy, theo tiếng gọi của đồng tiền, kẻ phạm tội sẵn sàng làm mọi việc, bất chấp đạo lý pháp luật để mưu cầu lợi ích cho cá nhân mình.

Là một hiện tượng xã hội, tội phạm chịu ảnh hưởng rất lớn bởi sự tác động của ý thức đạo đức, ý thức đạo đức là sự thể hiện những nguyên tắc, những chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh, đánh giá các hành vi ứng xử giữa con người với con người, con người với xã hội. Sự lên án mạnh mẽ các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức sẽ góp phần làm hạn chế sự gia tăng tội phạm. Ngược lại, tội phạm sẽ gia tăng khi chuẩn mực đạo đức bị thay đổi, các hành vi vi phạm chuẩn mực không bị dư luận xã hội lên án mạnh mẽ.

Ở nước ta, khi bước vào nền kinh tế thị trường, ý thức đạo đức cũng có nhiều thay đổi. Nếu như trước đây, những hành vi suy đồi về đạo đức như trai gái, đĩ điếm, gian dối, độc ác bị dư luận xã hội lên án mạnh mẽ thì ngày nay, sự phản ứng của dư luận cũng có mức độ. Nhiều giá trị đạo đức truyền thống như quan hệ cha con, vợ chồng, bạn bè bị biến động. Những hành vi lệch chuẩn trở nên phổ biến, đồng thời chuẩn mực đạo đức cũng có những thay đổi nhất định. Chính những thay đổi trong ý thức đạo đức đã có tác động trực tiếp đến tình hình tội phạm và các tệ nạn xã hội. Sự phát triển mạnh mẽ của các loại tệ nạn xã hội và sự gia tăng tội phạm trong những năm vừa qua một phần là do ảnh hưởng bởi sự thay đổi của ý thức đạo đức.

Do sự thay đổi của các yếu tố khách quan (về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá hoặc pháp luật...) nên so với những hành vi trái xã hội khác đang tồn tại trong giai đoạn hiện nay thì những hành vi bị tội phạm hoá phải là những hành vi mà mức độ bị lên án về mặt đạo đức lớn hơn cả và bị phản ứng của dư luận xã hội gay gắt hơn cả; còn ngược lại, nếu phi tội phạm hóa chúng thì hành vi đó phải là những hành vi mà mức độ bị lên án về mặt đạo đức không lớn và bị sự phản ứng của dư luận xã hội không còn gay gắt nữa.

Vì vậy, việc tội phạm hóa hoặc phi tội phạm hóa những hành vi nào đó không chỉ cần phải phù hợp với các quy phạm đạo đức, mà còn phải đáp ứng được cả tâm lý chung của đại đa số thành viên xã hội đồng thời không có nguy cơ dẫn đến các hậu quả tiêu cực trong đời sống xã hội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG I

Qua nghiên cứu một số vấn đề chung về TPH và PTPH trong quá trình hoàn thiện chính sách hình sự ở nước ta, có thể rút ra những kết luận sau:

1. TPH và PTPH trong BLHS phải bảo đảm nhất quán giữa chính sách hình sự với đường lối phát triển đất nước trong thời kỳ mới, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự là một đòi hỏi khách quan và cấp thiết nhằm giúp phần khắc phục một bước những bất cập, hạn chế nói trên, đáp ứng yêu cầu bức xúc của thực tiễn đang đặt ra và bảo đảm hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

2. Việc TPH hoặc PTPH những hành vi nào đó cần phải phù hợp với các quy luật phát triển khách quan trong đời sống vật chất tinh thần của xã hội và việc TPH hoặc PTPH những hành vi nào đó cần phải tương xứng với các tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

3. Việc TPH hoặc PTPH một hành vi nào đó phải phù hợp với các quy phạm đạo đức, và đáp ứng được cả tâm lý chung của đại đa số thành viên xã hội đồng thời không có nguy cơ dẫn đến các hậu quả tiêu cực trong đời sống xã hội. Những hành vi bị tội phạm hoá phải là những hành vi mà mức độ bị lên án về mặt đạo đức lớn hơn cả và bị phản ứng của dư luận xã hội gay gắt hơn cả; còn ngược lại, nếu phi tội phạm hóa chúng thì hành vi đó phải là những hành vi mà mức độ bị lên án về mặt đạo đức không lớn và bị sự phản ứng của dư luận xã hội không còn gay gắt nữa.

Chương 2:

QUÁ TRÌNH TỘI PHẠM HÓA VÀ PHI TỘI PHẠM HÓA TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ Ý NGHĨA CỦA QUÁ TRÌNH ĐÓ

2.1. SỰ THỂ HIỆN NỘI DUNG TỘI PHẠM HÓA VÀ PHI TỘI PHẠM HÓA TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999

2.1.1. Sự thể hiện nội dung tội phạm hóa và phi tội phạm hóa tại phần chung trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Các chính sách xã hội trong đó có chính sách về tội phạm và hình phạt là phạm trù thuộc kiến trúc thượng tầng được quyết định bởi điều kiện kinh tế do hạ tầng cơ sở quyết định.

Toàn bộ các sự kiện phức tạp do các qui luật và đặc điểm phát triển của xã hội gây nên có ảnh hưởng tới nội dung, khuynh hướng và tính chất của chính pháp luật. Các điều kiện kinh tế đóng vai trò chính trong toàn bộ các sự kiện đó. Trình độ phát triển kinh tế, sự đa dạng của các hình thức tư hữu, phương thức sản xuất và chiếm hữu của cải vật chất...đều có ảnh hưởng tới việc xác định những hành vi bị coi là tội phạm, cơ sở của trách nhiệm hình sự và tới hệ thống các biện pháp trừng phạt... Bên cạnh đó, các sự kiện xã hội như sự biến đổi cấu trúc xã hội, sự đô thị hoá và sự di dân, sự phát triển tiến bộ khoa học- kỹ thuật cũng gây ảnh hưởng rất lớn tới chính tội phạm và hình phạt. ở đây, “kích thích” mạnh nhất là cách mạng khoa học kỹ thuật mà những kết quả của nó có thể không chỉ có tác động tích cực về mặt xã hội, nhưng cũng có thể tiêu cực. Nguyên nhân tâm lý - xã hội và chế định tội phạm của các qui phạm pháp luật hình sự, truyền thống lịch sử, trình độ văn

hoá, kinh nghiệm phát triển việc lập pháp trong quá khứ, kinh nghiệm đấu tranh với tội phạm ở các nước khác cũng như nhiều yếu tố khác cũng có ý nghĩa lớn đối với chính sách về tội phạm và hình phạt. Đồng thời chính sách tội phạm và hình phạt ảnh hưởng tích cực tới sinh hoạt kinh tế, xã hội, chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội, kích thích cho sự hoàn thiện và phát triển của chúng theo chiều hướng cần thiết cho xã hội.

Cũng như chính sách đấu tranh phòng, chống tội phạm, chính sách tội phạm và hình phạt được thực hiện trong ba phương hướng (hình thức) chủ yếu: lập pháp hình sự, tổ chức áp dụng pháp luật, nâng cao ý thức luật pháp và trình độ luật pháp của nhân dân. Trong đó, hoạt động lập pháp của nhà nước có vị trí hàng đầu bởi vì các hình thức thể hiện khác của chính sách tội phạm và hình phạt đều phát sinh từ hoạt động lập pháp. Ý chí của nhà nước quyết định CSPL trước khi được thực hiện trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm phải được củng cố trong pháp luật. Lập pháp là quá trình thường xuyên nghiên cứu và củng cố chuẩn mực các qui tắc quan hệ tương giao và hành vi của con người phản ánh ý chí của nhân dân. Trong CSPL, đạo luật hình sự là hình thức chủ yếu thể hiện khách quan ý chí nhân dân. Bởi vậy việc lập pháp hình sự cần phải phản ánh tối đa được tình trạng xã hội và nhu cầu của xã hội. Khả năng tác động có hiệu quả tốt nhất tới các quan hệ xã hội được điều chỉnh bởi luật hình sự là mục tiêu trực tiếp của công tác lập pháp hình sự.

BLHS là yếu tố chính của hệ thống pháp luật đấu tranh phòng, chống tội phạm. BLHS ghi nhận những nguyên tắc chủ yếu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; quy định phạm vi điều chỉnh của pháp luật hình sự vào đời sống của các công dân, những tiêu chí buộc tội và không buộc tội, cơ sở của trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự, hệ thống các hình phạt và trình tự áp dụng hình phạt. Việc ghi nhận trực tiếp những yếu tố quan

trọng nhất này trong BLHS là một trong những điều kiện bảo đảm sự thắng lợi cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

CSPL là những định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong đó cũng giải quyết các vấn đề hình sự trong việc sử dụng pháp luật hình sự vào lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chính sách về tội phạm và hình phạt là một bộ phận cấu thành của CSPL, là tổng hợp toàn bộ các quan điểm, chủ trương, đường lối của chính sách đó trong đạo luật hình sự quy định về tội phạm và sử dụng hình phạt trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chính sách về tội phạm là quan điểm trong việc xem xét, đánh giá dưới góc độ pháp luật các hành vi nguy hiểm xảy ra một cách khách quan trong xã hội. Việc đánh giá, giải quyết các vấn đề này như thế nào sẽ chi phối toàn bộ quá trình hoạch định, triển khai và thực hiện chính sách đó. Mối liên hệ chặt chẽ giữa tội phạm và hình phạt đã khiến cho tính phải chịu hình phạt trở thành một trong những thuộc tính của tội phạm. Chính sách về trách nhiệm hình sự và hình phạt là hệ quả tất yếu của chính sách về tội phạm. Việc sử dụng pháp luật hình sự để đấu tranh chống các hành vi nguy hiểm cho xã hội đều xuất phát từ nhu cầu bảo vệ các quan hệ tiến bộ của xã hội. Tính nguy hiểm cho xã hội của một loại hành vi này hay loại hành vi khác luôn luôn được xác định, đánh giá từ góc độ lợi ích của Nhà nước và của nhân dân, của việc tăng cường và phát triển các quan hệ xã hội mới tiến bộ. Trong lập pháp hình sự, khi ban hành một quy phạm, một chế định pháp luật hình sự thì việc nắm bắt nhu cầu của xã hội để từ đó đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi là vấn đề rất quan trọng. Việc nhận thức đúng chính sách về tội phạm là bước thứ nhất, còn vấn đề cơ bản, mấu chốt là làm thế nào để chuyển hóa, triển khai, quy định nó thành những quy phạm, chế định pháp luật cụ thể trong đạo luật hình sự. Trong số đó, quá trình thực hiện TPH, PTPH là những công cụ, phương tiện để thể chế hóa CSHS về tội phạm. Những quá trình này

tạo cơ sở pháp lý cho việc vận dụng, thực hiện chính sách đó trong đời sống xã hội. Việc đánh giá hiệu quả chính sách về tội phạm và hình phạt là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Việc đánh giá này phải dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn, xem xét những vấn đề đặt ra để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện.

BLHS năm 1999 đã thể chế hoá chính sách hình sự về tội phạm, nghĩa là chính sách trong việc cân nhắc, đánh giá về mặt pháp luật các hành vi nguy hiểm xảy ra một cách khách quan trong xã hội, thông qua quá trình TPH, PTPH cả ở phần chung cũng như trong phần các tội phạm. Về TPH, Bộ luật hình sự đã sử dụng các hình thức mở rộng phạm vi trách nhiệm hình sự tại các chế định phần chung: Quy định thêm tội danh mới (so với Bộ luật hình sự năm 1985); Phân hoá tội danh trước thành các tội danh mới.

Về PTPH, Bộ luật hình sự cũng có thể sử dụng cách thức tương tự với chiều ngược lại, đó là: Thông qua các quy định ở phần chung thu hẹp đối tượng áp dụng trách nhiệm hình sự và các hành vi phạm tội; Bỏ bớt (loại bỏ) một số tội danh ở phần các tội phạm cụ thể; Quy định thêm điều kiện đối với yếu tố nào đó của cấu thành tội phạm [34, tr 148].

2.1.1.1. Nội dung tội phạm hóa

Việc thực hiện tội phạm hóa tại phần này của Bộ luật Hình sự năm 1999 được thể hiện tại một số điều sau:

Tại Điều 23 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự tương ứng với Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1985 đã thêm một mức thời hiệu truy cứu nữa đó là “Hai mươi năm đối với các tội đặc biệt nghiêm trọng” so với mức tối đa tại Bộ luật Hình sự năm 1985 là 15 năm. Điều này thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật Hình sự Việt Nam.

Tại Điều 24 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự tương ứng với Điều 47 Bộ luật Hình sự

năm 1985 đã tăng số lượng tội không được áp dụng thời hiệu không truy cứu trách nhiệm hình sự từ 4 tội lên thành 19 tội.

Tại Điều 28 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng với Điều 21 Bộ luật Hình sự năm 1985 quy định thêm một hình phạt bổ sung là “Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính”

Việc tội phạm hóa một số điều tại Bộ luật Hình sự năm 1999 thể hiện tính chất nghiêm khắc, quyết tâm trừng trị tội phạm nhằm đảm bảo trật tự, an toàn xã hội với mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền của chúng ta.

2.1.1.2. Nội dung phi tội phạm hóa

Đối với quá trình này, GS – TSKH Đào Trí Úc đã thống kê các hành vi được phi tội phạm hóa trong BLHS năm 1999, cụ thể như sau:

Việc thực hiện phi tội phạm hóa tại phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999 chính là sự loại ra khỏi giới hạn tác động của pháp luật hình sự các hành vi trước đây bị coi là tội phạm. Khi quy định những căn cứ chung của trách nhiệm hình sự, việc loại bỏ những căn cứ cụ thể chính là việc đưa ra khỏi Bộ luật Hình sự các hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Tại phần chung, việc phi tội phạm hóa cũng được thực hiện thông qua các quy phạm, chế định như khi thực hiện tội phạm hóa cụ thể như sau:

Phi tội phạm hóa thông qua quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự: Theo Bộ luật Hình sự năm 1985 người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội nghiêm trọng do cố ý còn theo Bộ luật Hình sự năm 1999 ở lứa tuổi đó một người phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Bộ luật Hình sự năm 1985 quy định tội phạm nghiêm trọng là tội phạm

gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là từ năm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Tại Bộ luật Hình sự năm 1999 Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội và mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù.

Như vậy, so sánh hai điều luật ta có thể khẳng định rằng một loạt hành vi của người chưa thành niên trong lứa tuổi từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi so với trước đây nếu mức hình phạt cao nhất của tội danh mà hành vi đã đưa ra không quá 7 năm tù (bao gồm mức cao nhất trước đây cho tội nghiêm trọng là năm năm tù) sẽ không còn bị coi là tội phạm.

Phi tội phạm hóa thông qua các quy định về Chuẩn bị phạm tội (Điều 17) Không tố giác tội phạm (Điều 22). Việc phi tội phạm hóa ở Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 1999 được thể hiện tương tự như cách xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với một loại tội nào đó. Điều này có nghĩa là so với điều kiện của trách nhiệm hình sự được quy định cho hành vi chuẩn bị phạm tội được quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 1985 thì một loạt hành vi đã không còn là tội phạm nếu điều luật quy định về hành vi phạm tội tương ứng với mức hình phạt cao nhất là trên năm năm tù.

Việc phi tội phạm hóa thông qua quy định không tố giác tội phạm được thể hiện như sau: Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Điều 313 Bộ luật Hình sự 1999. Nếu so sánh điều 313 với điều 246 Bộ luật Hình sự năm 1985 thì chúng ta thấy rằng rất nhiều các hành vi đã được đưa ra khỏi danh mục các tội phạm bởi quy định trên.

Tại Khoản 2 Điều 22 Bộ luật Hình sự năm 1999 Không tố giác tội phạm so với Điều 19 Bộ luật Hình sự năm 1985 đã phi tội phạm hóa một phần

đối với đối tượng không tố giác tội phạm: “là ông, bà, cha, mẹ, con cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội đặc biệt nghiêm trọng”. Sự phi tội phạm hóa ở Điều này làm giảm đi trách nhiệm hình sự của những người là thân nhân của người phạm tội vì theo Bộ luật hình sự năm 1985 tất cả hành vi không tố giác tội phạm đều phải chịu trách nhiệm hình sự còn tại Bộ luật Hình sự 1999 thì thân nhân của tội phạm chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội đặc biệt nghiêm trọng.

Tại Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999 so với Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 1985 tương ứng về thi hành án tử hình đã phi tội phạm hóa với trường hợp người phạm tội là phụ nữ đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ. Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “Không thi hành án tử hình đối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Trong trường hợp này hình phạt tử hình chuyển sang tù chung thân” là một quyết định nhân đạo và nhằm bảo vệ quyền trẻ em.

Tại Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng với Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 1985 đã đưa thêm hai tình tiết giảm nhẹ cho người phạm tội nếu người phạm tội đã lập công chuộc tội và là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác.

Tại Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về Tái phạm, tái phạm nguy hiểm tương ứng với Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 1985 đã phi tội phạm hóa một phần với tội phạm được coi là tái phạm nguy hiểm.

Tại Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về Tù có thời hạn tương ứng với Điều 64 Bộ luật Hình sự năm 1985 quy định về thời hạn tù đối

với người chưa thành niên phạm tội đã được điều chỉnh giảm về mặt thời gian.

2.1.2. Sự thể hiện nội dung tội phạm hóa và phi tội phạm hóa tại phần các tội phạm trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

2.1.2.1. Nội dung tội phạm hóa

Sự thể hiện chính sách về tội phạm và hình phạt trong phần riêng thể hiện trong Bộ luật hình sự năm 1999 đã làm tăng một số lượng tội danh khá lớn thông qua việc quy định tội danh mới.

Tại Chương XI - Các tội xâm phạm an ninh quốc gia: Không có điều luật nào được TPH.

Trước hết, đó là các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người tại Chương XII - Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người có 10 điều được tội phạm hóa, trong đó có hai tội danh mới là tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117) và tội cố ý lây truyền HIV qua người khác (Điều 118). Sự bổ sung này phản ánh một nhu cầu mới và cấp bách trong việc đấu tranh phòng chống lây truyền HIV - đại dịch của thời đại ngày nay, đặc biệt là nhằm vào những kẻ vì những động cơ đê hèn mà dùng HIV như là công cụ để xâm phạm tính mạng sức khỏe người khác. Cụ thể như sau:

| STT | Tên tội | Bộ luật Hình sự năm 1999 | Bộ luật Hình sự năm 1985 | Hướng tội phạm hóa |
|------------|--|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| 1 | Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh | Điều 95 | | Bổ sung |
| 2 | Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính | Điều 95 | Điều 104 | Tăng nặng |

| | | | | |
|----|--|----------|----------|-----------|
| 3 | Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh | Điều 105 | Điều 109 | Tăng nặng |
| 4 | Tội hiếp dâm trẻ em | Điều 112 | | Bổ sung |
| 5 | Tội cưỡng dâm | Điều 113 | Điều 113 | Tăng nặng |
| 6 | Tội giao cấu với trẻ em | Điều 115 | | Bổ sung |
| 7 | Tội dâm ô với trẻ em | Điều 116 | | Bổ sung |
| 8 | Tội lây truyền HIV cho người khác | Điều 117 | | Bổ sung |
| 9 | Tội cố ý lây truyền HIV cho người khác | Điều 118 | | Bổ sung |
| 10 | Tội mua bán người | Điều 119 | | Bổ sung |

Tại Chương XIII - Các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân có 3 điều được tội phạm hóa, cụ thể như sau:

| STT | Tên tội | Bộ luật Hình sự năm 1999 | Bộ luật Hình sự năm 1985 | Hướng tội phạm hóa |
|------------|--|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| 1 | Tội xâm phạm chỗ ở của công dân | Điều 124 | Điều 120 | Tăng nặng |
| 2 | Tội xâm phạm bí mật thư tín hoặc điện tín, điện thoại của người khác | Điều 125 | Điều 121 | Tăng nặng |
| 3 | Tội làm sai lệch kết quả bầu cử | Điều 127 | | Bổ sung |

Tại Chương XIV – Các tội xâm phạm sở hữu có 9 điều được tội phạm hóa theo hướng tăng nặng hình phạt. Những bổ sung cần thiết này phản ánh

nhu cầu tội phạm hoá những hành vi xâm phạm thô bạo quyền tác giả xảy ra trong thời kỳ mới, khi mà tài sản trí tuệ đã trở thành đối tượng bảo vệ cần thiết của pháp luật, phù hợp với những quy định khác của hệ thống pháp luật nước ta (Phần 6 Bộ luật dân sự quy định về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ từ điều 747 đến điều 805), cụ thể như sau:

| STT | Tên tội | Bộ luật Hình sự năm 1999 | Bộ luật Hình sự năm 1985 | Hướng tội phạm hóa |
|------------|---|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| 1 | Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản | Điều 134 | Điều 152 | Tăng nặng |
| 2 | Tội cưỡng đoạt tài sản | Điều 135 | Điều 153 | Tăng nặng |
| 3 | Tội cướp giật tài sản | Điều 136 | Điều 154 | Tăng nặng |
| 4 | Tội trộm cắp tài sản | Điều 138 | Điều 155 | Tăng nặng |
| 5 | Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản | Điều 140 | Điều 158 | Tăng nặng |
| 6 | Tội chiếm giữ trái phép tài sản | Điều 141 | Điều 159 | Tăng nặng |
| 7 | Tội sử dụng trái phép tài sản | Điều 142 | | Bổ sung |
| 8 | Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hại tài sản | Điều 143 | Điều 160 | Tăng nặng |
| 9 | Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản | Điều 145 | Điều 161 | Tăng nặng |

Tại Chương XV – Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình có 2 điều được tội phạm hóa đó là Tội đăng ký kết hôn trái pháp luật (Điều 149) và Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng (Điều 152)

Tại Chương XVI – Các tội xâm phạm quản lý trật tự kinh tế có 11 điều được tội phạm hóa chủ yếu theo hướng quy định các tội phạm mới và tăng nặng hình phạt. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã đề ra đường lối phát triển kinh tế của cả nước là: “Nền kinh tế thị trường ở nước ta đã hình thành và phát triển trong một thời gian với tất cả những đặc trưng của nó. Đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối nhất quán của chiến lược phát triển đất nước”. Để cho nền kinh tế phát triển, một mặt cần tạo ra những yếu tố cần và đủ cho thị trường; mặt khác, cần chống những hành vi vi phạm các chế độ quản lý kinh tế. Do đó ngoài việc tiếp tục duy trì quy định trách nhiệm hình sự đối với những hành vi nguy hiểm như buôn lậu, trốn thuế làm hàng giả... trong tình hình mới, Bộ luật hình sự năm 1999 đã kịp thời tội phạm hoá những hành vi nguy hiểm đã xuất hiện phổ biến trong những năm gần đây, cụ thể như sau:

| STT | Tên tội | Bộ luật Hình sự năm 1999 | Bộ luật Hình sự năm 1985 | Hướng tội phạm hóa |
|------------|---|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| 1 | Tội sản xuất, vận chuyển, buôn bán hàng cấm | Điều 155 | | Bổ sung |
| 2 | Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh. | Điều 157 | | Bổ sung |
| 3 | Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi | Điều 158 | | Bổ sung |
| 4 | Tội trốn thuế | Điều 161 | Điều 169 | Tăng nặng |
| 5 | Tội lừa dối khách hàng | Điều 162 | Điều 170 | Tăng nặng |

| | | | | |
|----|---|----------|----------|-----------|
| 6 | Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng | Điều 165 | Điều 174 | Tăng nặng |
| 7 | Tội lập quỹ trái phép | Điều 166 | Điều 175 | Tăng nặng |
| 8 | Tội quảng cáo gian dối | Điều 168 | | Bổ sung |
| 9 | Tội cố ý làm trái quy định về phân phối hàng cứu trợ | Điều 169 | | Bổ sung |
| 10 | Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp | Điều 170 | | Bổ sung |
| 11 | Tội vi phạm các quy định về quản lý rừng | Điều 176 | Điều 181 | Tăng nặng |

Bộ luật hình sự năm 1999 có một chương hoàn toàn mới quy định các tội phạm về môi trường (Chương XVII). Có 10 tội danh trước đây chưa được quy định tại Bộ luật hình sự năm 1985, đó là: Gây ô nhiễm không khí (Điều 182); Gây ô nhiễm nguồn nước (Điều 183); Gây ô nhiễm đất (Điều 184); Nhập khẩu công nghiệp, máy móc thiết bị, phế thải hoặc các chất không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường (Điều 185); Làm lây lan bệnh nguy hiểm cho người (Điều 186); Làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 187); Huỷ hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 188); Huỷ hoại rừng (Điều 189); Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm (Điều 190); Vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 191);

Chương XIX Bộ luật hình sự năm 1999 quy định một số tội mới về giao thông; tội tổ chức đua xe trái phép (Điều 206), tội đua xe trái phép (Điều

207), tội vi phạm quy định về duy tu, sửa chữa, quản lý các công trình giao thông (Điều 220).

Tội phạm hóa các tội phạm tại Chương XVIII - Các tội phạm về ma túy gồm có 9 tội từ Điều 192 đến Điều 201

Tội phạm hóa các tội phạm tại Chương XIX – Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng gồm có 45 điều từ Điều 203 đến điều 256. So với Bộ luật hình sự năm 1985, trong số các hành vi xâm phạm an toàn công cộng, Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định một số cấu thành mới nhằm tội phạm hoá những hành vi nguy hiểm chỉ mới phát sinh và biểu hiện khá phổ biến ở nước ta, đó là:

Tạo ra và lan truyền, phát tán các chương trình vi rút tin học (Điều 224); Vi phạm các quy định về vận hành, khai thác và sử dụng mạng máy tính điện tử (Điều 225); Sử dụng trái phép thông tin trên mạng và trong máy tính (Điều 226); Vi phạm các quy định về sử dụng lao động trẻ em (Điều 228); Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ (Điều 233); Vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình thủy điện (Điều 241); Phá thai trái phép (Điều 243).

Trong số các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định một số tội mới so với Bộ luật hình sự năm 1985. Việc tội phạm hoá này thể hiện nhu cầu đấu tranh chống các hành vi nguy hiểm mới trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập quốc tế. Chúng ta có thể thấy rõ mục đích đó của nhà làm luật qua các quy định của Điều 251 về tội hợp pháp hoá tiền, tài sản do người khác phạm tội mà có. Trong hoạt động kinh tế hành vi này được gọi là "rửa tiền". Nó thể hiện bằng việc thông qua các nghiệp vụ tài chính, ngân hàng hoặc các giao dịch khác để hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có hoặc sử dụng tiền, tài sản đó vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động kinh tế khác.

Danh mục các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Chương XX BLHS năm 1999) có thêm ba tội danh mới so với các quy định tại mục C của Chương III Bộ luật hình sự năm 1985, đó là tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ (Điều 260) và tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới (Điều 273). Ngoài ra, Bộ luật hình sự năm 1999 cũng đã thực hiện tội phạm hoá một loại hành vi là: ở lại Việt Nam trái phép (tại Điều 274) trước đây đã không có trong Điều 90 Bộ luật hình sự năm 1985

Tại Chương XXI – Các tội phạm về chức vụ, có 18 điều được tội phạm hóa chủ yếu theo hướng tăng nặng hình phạt, cụ thể như sau:

| STT | Tên tội | Bộ luật Hình sự năm 1999 | Bộ luật Hình sự năm 1985 | Hướng tội phạm hóa |
|------------|--|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| 1 | Tội tham ô tài sản | Điều 278 | | Bổ sung |
| 2 | Tội nhận hối lộ | Điều 279 | Điều 226 | Tăng nặng |
| 3 | Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ | Điều 281 | Điều 221 | Tăng nặng |
| 4 | Tội giả mạo trong công tác | Điều 284 | Điều 224 | Tăng nặng |
| 5 | Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội | Điều 294 | | Bổ sung |
| 6 | Tội ra bản án trái pháp luật | Điều 295 | Điều 232 | Tăng nặng |
| 7 | Tội ra quyết định trái pháp luật | Điều 296 | Điều 232 | Tăng nặng |
| 8 | Tội ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật | Điều 297 | Điều 233 | Tăng nặng |
| 9 | Tội dùng nhục hình | Điều 298 | Điều 234 | Tăng nặng |
| 10 | Tội bức cung | Điều 299 | Điều 235 | Tăng nặng |

| | | | | |
|----|---|----------|----------|-----------|
| 11 | Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án | Điều 300 | Điều 236 | Tăng nặng |
| 12 | Tội thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn | Điều 301 | Điều 237 | Tăng nặng |
| 13 | Tội tha trái pháp luật người đang bị giam, giữ | Điều 302 | Điều 238 | Tăng nặng |
| 14 | Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn giam giữ người trái pháp luật | Điều 303 | Điều 239 | Tăng nặng |
| 15 | Tội khai báo gian dối hoặc cung cấp tài liệu sai sự thật | Điều 307 | Điều 241 | Tăng nặng |
| 16 | Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật | Điều 309 | Điều 243 | Tăng nặng |
| 17 | Tội vi phạm việc niêm phong kê biên tài sản | Điều 310 | Điều 244 | Tăng nặng |
| 18 | Tội đánh tháo người bị giam giữ, người đang bị dẫn giải, người đang bị xét xử | Điều 312 | | Bổ sung |

Tại Chương XXIII - Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân có 1 điều được tội phạm hóa, cụ thể như sau:

Tội vi phạm chính sách đối với thương binh, tử sĩ trong chiến đấu tại Điều 336 Bộ luật Hình sự năm 1999 tương ứng với Điều 271 Bộ luật Hình sự năm 1985

Nói tóm lại, tại Bộ luật Hình sự năm 1999 đã có 121 điều được các nhà làm luật tội phạm hóa chủ yếu theo hai hướng: Tăng nặng hình phạt và bổ sung những tội mới trước đây chưa quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1985. Quá trình tội phạm hóa này đã thể hiện tinh thần kiên quyết đấu tranh với tội

phạm nhằm thực hiện mục tiêu dân chủ, công bằng, văn minh trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền của Đảng ta.

2.1.2.2. Nội dung phi tội phạm hóa

Tại Phần các tội phạm, trong quá trình hoàn thiện pháp luật các nhà làm luật đã thực hiện phi tội phạm hóa một số tội phạm, cụ thể như sau:

Tại chương XI: “Các tội xâm phạm an ninh quốc gia” đã không còn “Tội chống nhà nước xã hội chủ nghĩa anh em” được quy định tại Điều 86 BLHS năm 1985. Việc PTPH này phản ánh tình hình thực tế hiện nay trên thế giới trong Chương này đã không quy định “Tội phá hủy tiền tệ” được quy định tại Điều 98 – BLHS năm 1985.

Đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, BLHS năm 1999 đã thực hiện PTPH một số hành vi xâm phạm an ninh quốc gia bằng cách chuyển các tội danh đó vào các loại tội khác. Đây là hành vi không có mục đích làm suy yếu hoặc đe dọa sự tồn tại của chính quyền nhân dân, xâm phạm độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Ở một ý nghĩa nhất định nào đó thì đây cũng là sự PTPH bởi vì các hành vi được PTPH này không còn là tội phạm từ góc độ các tội xâm phạm an ninh quốc gia, mặc dù đối với pháp luật hình sự, chúng vẫn là những hành vi tội phạm. Ở mức độ khác của BLHS thì đây là một hình thức phi hình sự hóa với nghĩa chuyển các tội danh từ mức độ “nặng” xuống mức độ “giảm nhẹ” tội hơn. Ta có thể liệt kê các tội danh được chuyển từ các Tội xâm phạm an ninh quốc gia thành các Tội xâm phạm trật tự kinh tế như sau:

- Tội buôn lậu (Điều 97 BLHS năm 1985 tương ứng với Điều 153 BLHS năm 1999);

- Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 97 BLHS năm 1985 tương ứng với Điều 154 BLHS năm 1999);

- Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả (Điều 98 BLHS năm 1985 tương ứng với Điều 180 BLHS năm 1999);

- Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá trị khác (Điều 98 BLHS năm 1985 tương ứng với Điều 181 BLHS năm 1999).

Các tội được coi là các tội xâm phạm an toàn công cộng:

- Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy (Điều 211 BLHS năm 1999);

- Tội điều khiển phương tiện hàng hải vi phạm các quy định về hàng hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 223 BLHS năm 1999).

Các tội được coi là tội xâm phạm trật tự công cộng:

- Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 230 BLHS năm 1999);

- Tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 231 BLHS năm 1999);

- Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ (Điều 232 BLHS năm 1999);

- Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ (Điều 236 BLHS năm 1999);

- Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc (Điều 238 BLHS năm 1999);

- Tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy (Điều 253 BLHS năm 1999);

Các tội được coi là các tội xâm phạm trật tự hành chính:

- Tội cố ý là lộ bí mật Nhà nước, tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước (Điều 263 BLHS năm 1999);

- Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước (Điều 264 BLHS năm 1999);

- Tội xuất cảnh, nhập cảnh trái phép, tội ở lại nước ngoài hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 274 BLHS năm 1999);

- Tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 275 BLHS năm 1999);

Trong số các tội phạm về kinh tế, Bộ luật Hình sự năm 1999 đã loại bỏ một số hành vi đã phát sinh và đã từng là hành vi nguy hiểm cho xã hội trong thời kỳ trước. Đó là các tội:

- Cản trở việc thực hiện các quy định về cải tạo xã hội chủ nghĩa (Điều 164 BLHS năm 1985);

- Lưu hành sản phẩm kém phẩm chất (Điều 177 BLHS năm 1985);

- Sản xuất hoặc buôn bán rượu, thuốc lá trái phép (Điều 183 BLHS năm 1985);

- Lạm sát gia súc (Điều 184 BLHS năm 1985);

Trong số các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính đã loại bỏ hai tội danh liên quan đến lao động công ích:

- Tội trốn tránh nghĩa vụ lao động công ích (Điều 209 BLHS năm 1985);

- Tội làm trái hoặc cản trở việc thực hiện nghĩa vụ lao động công ích (Điều 210 BLHS năm 1985);

Trong số các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quân nhân tội “Vắng mặt trái phép” (Điều 261 BLHS năm 1985) đã được loại bỏ.

Như vậy đã có chín (9) tội danh không được quy định lại trong BLHS năm 1999, điều này có nghĩa là có chín (9) loại hành vi được PTPH và 14 tội danh tại Mục B Chương I BLHS năm 1985 đã được PTPH cục bộ từng phần.

Thông qua việc quy định thêm những điều kiện nhất định của trách nhiệm hình sự tại Phần quy định của điều luật về cấu thành tội phạm như: Tiền án, tiền sự hành chính, tiền sự về kỷ luật, về giáo dục; mức độ nghiêm trọng của hậu quả tội phạm. Nội dung của việc PTPH này cần được hiểu là nếu hành vi ấy phát sinh trong mọi điều kiện thì hiện nay trách nhiệm hình sự đối với hành vi ấy phát sinh khi hành vi ấy có đầy đủ những yếu tố, những dấu hiệu như:

Trường hợp cần có tiền án, tiền sự hành chính, kỷ luật, giáo dục

Tại chương XIII: “Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân” có ba cấu thành tội phạm đòi hỏi dấu hiệu này, các cấu thành tương ứng trước đây của BLHS năm 1985 đã không quy định:

- Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín (Điều 125 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 121 BLHS năm 1985);

- Tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân (Điều 129 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 124 BLHS năm 1985);

- Tội xâm phạm quyền tác giả (Điều 131 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 126 BLHS năm 1985);

Tại Chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu” có 5 trường hợp:

- Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 131 và Điều 154 BLHS năm 1985);

- Tội trộm cắp tài sản (Điều 138 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 132 và Điều 155 BLHS năm 1985);

- Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 134, Điều 134a và Điều 157 BLHS năm 1985);

- Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140 BLHS năm 1999 tương ứng với các Điều 135 và Điều 158 BLHS năm 1985);

- Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143 BLHS năm 1999 tương ứng với các Điều 138 và Điều 160 BLHS năm 1985);

Tại Chương XV: “ Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình” có 4 trường hợp:

- Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ (Điều 136 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 143 BLHS năm 1985);

- Tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng (Điều 147 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 145 BLHS năm 1985);

- Tội tổ chức tảo hôn, tội tảo hôn (Điều 148 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 145 BLHS năm 1985);

- Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng (Điều 151 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 147 BLHS năm 1985);

Tại Chương XVI “Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế” có 7 trường hợp:

- Tội buôn lậu (Điều 153 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều BLHS năm 1985);

- Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 154 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 97 BLHS năm 1985);

- Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm (Điều 155 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 166 BLHS năm 1985);

- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 156 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 167 BLHS năm 1985);

- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi (Điều 158 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 167 BLHS năm 1985);

- Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 174 BLHS năm 1985);

- Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền hàng cứu trợ (Điều 169 BLHS năm 1999 tương ứng với Điều 178 BLHS năm 1985);

Chương XVII “ Các tội phạm về môi trường” có 8 trường hợp, gồm các tội được quy định tại các Điều 182 – 185, 187 – 189 và 191 đều có yếu tố “đã bị xử phạt hành chính” trong khi đó Điều 195 tương ứng với các tội này không có yếu tố trên (Điều 195 có cấu thành tổng quát và đã được phân hóa thành các điều 182 – 191 của BLHS năm 1999)

Chương XIX “ Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng” có 11 trường hợp:

- Các tội cản trở giao thông đường sắt (Điều 209), tội cản trở giao thông đường hàng không (Điều 217), so với điều tương ứng với các điều này là Điều 187 của BLHS năm 1985;

- Các tội “đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông ...” được quy định ở các điều 210 (về đường sắt), Điều 214 (về đường thủy) so với Điều 188 tương ứng đã quy định về cấu thành tổng quát về tội “đưa vào sử dụng

các phương tiện giao thông vận tải không bảo đảm an toàn hoặc điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông vận tải”;

- Tội vi phạm các quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế thuốc, cấp phát thuốc, bán thuốc, hoặc dịch vụ y tế khác (Điều 242 của BLHS năm 1999 so với Điều 196 tương ứng);

- Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245 so với Điều 198 tương ứng);

- Tội hành nghề mê tín, dị đoan (Điều 247 so với điều 199 tương ứng);

- Các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (Các điều 248, 249 so với Điều 200 tương ứng có cấu thành tổng quát).

Chương XX “Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính” có 2 trường hợp:

- Tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 266 so với Điều 211 tương ứng);

- Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh (Điều 272 so với Điều 216 tương ứng).

Chương XXI “Các tội phạm về chức vụ” có 1 trường hợp: Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi (Điều 291 so với Điều 228 tương ứng).

Như vậy, nếu chỉ so với các cấu thành tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã quy định thêm vào các cấu thành tương ứng đó dấu hiệu tiền án, tiền sự về hình sự, về hành chính, kỷ luật (chủ yếu là tiền sự hành chính) trong 43 trường hợp. Đây là một quá trình phi tội phạm hóa rất lớn trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Với các cấu thành đã đề cập trên đây, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng việc phi tội phạm hóa đã được thực hiện xuất phát từ tình hình thực

tế với những đặc điểm và nhận thức sau đây trong đường lối đấu tranh phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật:

Những hành vi này thường xảy ra ở các lĩnh vực và môi trường mà ở đó phương thức tác động đặc trưng trước hết phải là kiên trì giáo dục, thuyết phục từ phía các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm cũng như của cộng đồng. Chỉ cần đến việc quy định trách nhiệm hình sự tức là dùng pháp luật hình sự để đấu tranh khi các biện pháp nêu trên đã tỏ ra không có hiệu lực và hiệu quả.

Đó thường là những hành vi phạm pháp nhỏ, tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn lắm nhưng nếu chỉ dùng giáo dục, thuyết phục và các biện pháp xử phạt hành chính và kỷ luật thì có thể để tình trạng vi phạm kéo dài trở thành thói quen và hành vi nguy hiểm cho xã hội. Khi đó cần có sự quan tâm, can thiệp nặng hơn từ phía pháp luật tức là trách nhiệm hình sự.

Trong một số lĩnh vực, một số hiện tượng và quá trình mới phát sinh trong xã hội ta, một số hành vi vi phạm pháp luật thường là hậu quả của sự thiếu am tường về sự việc và hoạt động cụ thể, hoặc các biện pháp, phương tiện ngăn chặn, phòng ngừa còn thiếu và yếu thì việc sử dụng trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm phải rất thận trọng, do đó, việc áp dụng các hình thức xử lý nhẹ hơn phải đặt lên trước.

Trường hợp phải có những mức độ cao hơn của hậu quả do hành vi gây ra. Nói khác đi, sự đòi hỏi cao hơn trong mức độ hậu quả là dấu hiệu phi tội phạm hóa vì nó đã đặt một loạt hành vi tương ứng ra khỏi phạm vi các tội phạm nếu các hành vi này có hậu quả thấp hơn mức do điều luật quy định.

Điều kiện về mức độ nghiêm trọng của hậu quả tội phạm được xác định bởi các phạm trù “gây hậu quả nghiêm trọng” hoặc “gây hậu quả rất

ng nghiêm trọng”. Do đó sự phi tội phạm hóa tại Bộ luật hình sự 1999 đã được thực hiện bằng các sau đây:

Phần quy định của cấu thành tương ứng thuộc BLHS năm 1985 chưa có yếu tố “gây hậu quả nghiêm trọng” hoặc “gây hậu quả rất nghiêm trọng” thì nay tại phần quy định của cấu thành do BLHS năm 1999 đã có yếu tố đó. Ví dụ: Điều 179 – BLHS năm 1985 quy định: “Người nào vi phạm các quy định của Nhà nước về nghiên cứu, thăm dò, khai thác và bảo vệ tài nguyên... thì bị phạt tù từ...” Trong khi đó tại Điều 172 BLHS năm 1999 quy định đối với tội danh tương ứng như sau: “Người nào vi phạm các quy định của Nhà nước về nghiên cứu, thăm dò, khai thác và bảo vệ tài nguyên... gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ...”

Cách làm này được thể hiện cụ thể tại BLHS năm 1999 như sau:

Chương XV “Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình” có hai tội danh ở hai điều:

Điều 147 BLHS năm 1999 “Tội vi phạm chế độ một vợ một chồng” so với Điều 144 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 151 BLHS năm 1999 “Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình” so với Điều 147 BLHS năm 1985 về tội tương ứng.

Chương XVI “Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế” có 3 điều:

Điều 158 BLHS năm 1999 “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả” so với Điều 167 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 162 BLHS năm 1999 “Tội lừa dối khách hàng” so với Điều 170 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 172 BLHS năm 1999 “Tội vi phạm các quy định về thăm dò, khai thác tài nguyên” so với Điều 179 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Chương XIX “ Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng” là chương có rất nhiều quy định loại này gồm có 21 cấu thành:

Điều 202 BLHS năm 1999 “Tội vi phạm các quy định về điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ” và các Điều 208, 212 của BLHS năm so với Điều 186 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 203 và các Điều 209, 213, 217 so với Điều 187 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 204, 211, 214 BLHS năm 1999 so với Điều 188 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 205, 211, 215 BLHS năm 1999 so với Điều 188 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 229 BLHS năm 1999 “Tội vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” so với Điều 191 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 234 BLHS năm 1999 “Tội vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ” so với Điều 191 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 235 BLHS năm 1999 “Tội thiếu trách nhiệm trong việc giữ vũ khí, vật liệu nổ...” so với Điều 193 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 239 BLHS năm 1999 “Tội vi phạm quy định về quản lý chất cháy, chất độc” so với Điều 192 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 240 BLHS năm 1999 “Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy” so với Điều 194 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 242 BLHS năm 1999 “Tội vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế thuốc, cấp phát thuốc, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác” so với Điều 196 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 244 BLHS năm 1999 “Tội vi phạm quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm” so với Điều 197 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 245 BLHS năm 1999 “Tội gây rối trật tự công cộng” so với Điều 198 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Chương XX “Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính” có một cấu thành “Tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và tài liệu của cơ quan, tổ chức” so với Điều 211 BLHS năm 1985 về “Tội giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan Nhà nước, của tổ chức xã hội”;

Chương XXI “Các tội phạm về chức vụ” có một cấu thành tại Điều 291 “Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi” so với Điều 288 BLHS năm 1985 về “Tội giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan Nhà nước, của tổ chức xã hội”;

Chương XXII “Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân” có một cấu thành tại Điều 338 BLHS năm 1999 “Tội quấy nhiễu nhân dân” so với Điều 273 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Như vậy, trong 29 trường hợp, so với BLHS năm 1999 đã có một bước mới trong việc phi tội phạm hóa theo các quy định thêm điều kiện về “gây hậu quả nghiêm trọng”. Trong số 29 trường hợp phi tội phạm nêu trên, có một trường hợp yếu tố đánh giá “hậu quả nghiêm trọng”, “hậu quả rất nghiêm trọng” được dùng kết hợp với một số yếu tố định lượng. Ví dụ Điều 156 BLHS năm 1999 quy định “Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị từ ba mươi triệu đồng đến dưới

một trăm năm mươi triệu đồng hoặc dưới ba mươi triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính ... thì bị phạt ...”

Một số các quy định thực hiện việc phi tội phạm hóa ở Bộ luật Hình sự 1999 cho thấy một cách phi tội phạm hóa khá đặc biệt liên quan đến yếu tố hậu quả định tính của hành vi , đó là trường hợp những hành vi mà hậu quả là gây thiệt hại cho tính mạng và sức khỏe, tài sản của công dân, cụ thể hơn đó là có “Dấu hiệu thiệt hại về sức khỏe”.

Trong phần quy định của một số điều luật của BLHS năm 1985 quy định hành vi tội phạm là hành vi “Gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe người khác hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản” ta có thể hiểu rằng: Hành vi cấu thành tội phạm sẽ là hành vi:

- Gây thiệt hại đến tính mạng (Làm chết người) hoặc
- Gây thiệt hại cho sức khỏe (Gây thương tích) hoặc
- Gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản

Còn trong phần quy định tại các điều luật tương ứng của BLHS năm 1999 có quy định “Gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác” thì có thể hiểu rằng hành vi cấu thành tội phạm theo BLHS năm 1999 là hành vi:

- Gây thiệt hại cho tính mạng (Làm chết người) hoặc
- Gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe (Gây thương tích) hoặc
- Gây thiệt hại nghiêm trọng cho tài sản.

Như vậy, theo BLHS năm 1999 thì hành vi nếu chỉ là gây thiệt hại cho sức khỏe, tài sản mà chưa gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản thì không phải là hành vi tội phạm. Bằng cách này, BLHS năm 1999 đã loại ra khỏi danh mục tội phạm 22 hành vi so với BLHS năm 1985 và chủ yếu tập

trung ở Chương XIX “Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng”

Việc quy định một số điều kiện nhất định về định tính, định lượng làm dấu hiệu bắt buộc của việc phát sinh trách nhiệm hình sự. Với cách này nếu so sánh với các quy định trước đây, một số hành vi chưa có dấu hiệu bắt buộc này sẽ không còn là tội phạm. Ví dụ tại Điều 155 của BLHS năm 1999 về “tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm” quy định “Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh với số lượng lớn, thu lợi bất chính ... thì bị phạt ...” và tương ứng là Điều 166 BLHS năm 1985 về “Tội buôn bán hàng cấm” quy định “Người nào buôn bán hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh thì bị phạt...” So sánh hai điều luật trên ta thấy tại BLHS năm 1985 cấm mọi hình thức buôn bán hàng hóa Nhà nước cấm còn tại BLHS năm 1999 chỉ quy định hành vi tội phạm là hành vi diễn ra với hàng hóa bị Nhà nước cấm kinh doanh và với số lượng lớn, thu lợi bất chính. Chính vì vậy hành vi chỉ đơn thuần là buôn bán hàng hóa Nhà nước cấm đã được phi tội phạm hóa.

BLHS năm 1999 đã tiến hành phi tội phạm hóa bằng cách đó cho năm hành vi, cụ thể như sau:

Điều 155 BLHS năm 1999 “Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm” so với Điều 166 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 158 BLHS năm 1999 “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi” so với Điều 167 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 159 BLHS năm 1999 “Tội kinh doanh trái phép” so với Điều 168 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 160 BLHS năm 1999 “Tội đầu cơ” so với Điều 165 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Điều 164 BLHS năm 1999 “Tội làm tem giả, vé giả, tội buôn bán tem giả, vé giả” so với Điều 173 BLHS năm 1985 về tội tương ứng;

Như vậy trong tổng thể tại phần Các tội phạm, các nhà làm luật đã tiến hành phi tội phạm hóa trong 99 trường hợp. Điều đó nói lên rằng BLHS năm 1999 đã đi theo hướng giải phóng ra khỏi phạm vi tác động của nó một loạt các hành vi vi phạm nhỏ, mức độ nguy hiểm chưa đáng kể và việc đấu tranh phòng chống các vi phạm đó có thể được tiến hành bằng các biện pháp khác mà chưa cần đến áp dụng hình phạt của Luật Hình sự.

2.2. SỰ THỂ HIỆN NỘI DUNG TỘI PHẠM HÓA VÀ PHI TỘI PHẠM HÓA TRONG LẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2009

2.2.1. Nội dung tội phạm hoá

Trong lần pháp điển hoá Luật Hình sự lần này, các nhà làm luật đã thực hiện tội phạm hoá bằng các hình thức sau:

Đưa thêm các hành vi tội phạm vào diện điều chỉnh của Luật Hình sự, cụ thể là các tội sau:

Tại Điều 119 Tội mua bán người - BLHS năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung theo hướng tội phạm hoá bằng cách thêm hành vi của người phạm tội, hành vi được các nhà làm luật đưa vào điều chỉnh là “mua bán người để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân.”

Tương tự, tại Khoản 2 Điều 120 Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em cũng được sửa đổi, bổ sung theo hướng tội phạm hoá hai hành vi phạm tội “Đối với nhiều trẻ em” và “Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân.”

Tại Điều 190: Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ: Được tội phạm hoá bằng các đưa thêm hành vi “buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật đó”;

Tại Điều 202: Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ: Điều chỉnh theo hướng tăng nặng vì tại điểm b khoản 2 cũ quy định tình trạng của người phạm tội là “Say rượu, bia” còn tại lần sửa đổi này chỉ cần “Sử dụng rượu, bia” vượt quá nồng độ cho phép đã bị xử phạt;

Tại Điều 225: Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet, thiết bị số: Tội phạm hoá theo hướng đưa thêm hành vi vào diện điều chỉnh của Bộ luật Hình sự;

Tại Điều 226: Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet: Tội phạm hoá bằng cách đưa thêm các hành vi vào diện điều chỉnh của Bộ luật Hình sự;

Tại Điều 251: Tội rửa tiền: Tội phạm hoá theo hướng bổ sung thêm hành vi phạm tội;

Tại Điều 119: Tội mua bán người: Tội phạm hoá bằng cách mở rộng đối tượng bị xâm hại.

Đưa thêm các tội mới vào Bộ luật Hình sự, cụ thể là các tội sau:

Tại Điều 164a : Tội in, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước;

Điều 164b: Tội vi phạm các quy định về bảo quản, quản lý hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước;

Điều 170a: Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;

Điều 181a: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động chứng khoán;

Điều 181b: Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán;

Điều 181c: Tội thao túng giá chứng khoán;

Điều 182b: Tội vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường;

Điều 191a: Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại;

Điều 226a: Tội truy cập bất hợp pháp vào mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet, thiết bị số của người khác;

Điều 226b: Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet, thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản;

Điều 230a: Tội khủng bố;

Điều 230b: Tội tài trợ khủng bố;

Tăng lượng tiền phạt tại các tội cũ đã được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình kinh tế của đất nước nhằm mục đích nâng cao tính răn đe, cụ thể là các tội sau:

Tại Khoản 1 Điều 160 Tội đầu cơ – BLHS năm 1999 các nhà làm luật đã tội phạm hoá bằng cách đưa thêm mục đích của hành vi và tăng tiền phạt lên mức cao hơn khi xử phạt hành vi này. Số tiền đã thay đổi từ “năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng” (năm 1999) thành mức mới là “Từ hai mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng” (năm 2009);

Tại Điều 171: Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp: Số tiền phạt tại các khoản đã được tăng lên;

Tại Điều 174: Tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai: Số tiền phạt đã tăng từ “năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng” (năm 1999) thành “Từ mười triệu đồng đến một trăm năm mươi triệu đồng” (năm 2009);

Tại Điều 182: Tội gây ô nhiễm môi trường: Số tiền phạt đã tăng từ “năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng” (năm 1999) thành “từ mười triệu đồng đến một trăm năm mươi triệu đồng” (năm 2009);

Tại Điều 185: Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam: Đã được TPH theo hướng tăng mức tiền phạt tại tất cả các khoản;

Tại Điều 190: Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ: Đã được TPH theo hướng tăng mức tiền phạt và thời gian phạt tù;

Tại điều 191: Tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên: Số tiền phạt đã tăng từ “hai triệu đồng đến hai mươi triệu đồng” (năm 1999) thành “Từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng” (năm 2009);

Tại Điều 224: Tội phát tán vi rút, chương trình tin học có tính năng gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet, thiết bị số: TPH theo hướng tăng hình phạt và tăng lượng tiền phạt;

Tại Điều 225: Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet, thiết bị số: TPH theo hướng tăng hình phạt và tăng lượng tiền phạt;

Như vậy, tại lần sửa đổi bổ sung này các nhà làm luật đã thực hiện TPH 27 tội danh trong đó bổ sung thêm 12 tội danh mới nhằm mục đích theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế và để phù hợp với quá trình hội nhập và phù hợp với các điều ước quốc tế được ký kết với cộng đồng quốc tế. Đây là một sự thay đổi phù hợp với yêu cầu chung và thể hiện được quyết tâm phòng chống tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người dân trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Tuy nhiên, đây là lĩnh vực mới nên rất cần các văn bản của các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn để cách áp dụng pháp luật được thống nhất về

các dấu hiệu định tội, định khung của một số cấu thành tội phạm như các cụm từ ‘Số lượng lớn’; ‘thu lợi bất chính lớn’; ‘Gây hậu quả nghiêm trọng’; ‘gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng’.

Với các tội phạm liên quan đến môi trường:

Điều 191 Tội vi phạm chế độ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên : Chính sửa theo hướng đưa một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Bổ sung thêm ba tội mới trong lĩnh vực môi trường để góp phần tạo tạo cơ sở pháp lý để xử lý và phòng ngừa các hành vi phạm tội có khả năng gây hậu quả rất lớn cho xã hội, gây hậu quả nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của con người.

Ngoài ra, còn sửa đổi và điều chỉnh theo hướng nâng mức phạt tiền đối với các tội xâm phạm về môi trường: nâng mức “từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng” lên thành “từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng” (Khoản 1 điều 182).

Đối với nhóm tội xâm phạm đến quyền con người, Luật sửa đổi bổ sung đã thực hiện TPH hành vi mua bán người (bao gồm cả phụ nữ, trẻ em nam và nữ). Trước đây Bộ luật Hình sự năm 1999 chỉ quy định Tội mua bán phụ nữ (Điều 119) và Tội mua bán, chiếm đoạt, đánh tráo trẻ em (Điều 120) nên không có cơ sở xét xử đối với hành vi buôn bán nam giới từ đủ 16 tuổi trở lên. Luật sửa đổi bổ sung đã sửa Điều 119 thành Tội mua bán người để mở rộng đối tượng mua bán là con người nói chung bao gồm cả nam và nữ và bổ sung thêm một số tình tiết tăng nặng trong loại tội phạm này.

2.2.2. Nội dung phi tội phạm hóa

Nội dung sửa đổi, bổ sung trong Luật Hình sự lần này bao gồm sửa đổi nội dung 43 điều luật, sửa đổi về kỹ thuật 01 điều luật và bổ sung thêm 13 điều luật cụ thể như sau:

Phi tội phạm hóa đối với hình phạt tử hình trong một số tội phạm của Luật hình sự. Tử hình là hình phạt nghiêm khắc nhất trong hệ thống hình phạt của Bộ luật Hình sự Việt Nam và chỉ được áp dụng đối với người phạm một số tội đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên hiện nay cùng với sự phát triển của văn minh nhân loại, xu hướng chung của thế giới hiện nay là thu hẹp phạm vi áp dụng và tiến tới xóa bỏ hoặc chỉ giữ lại rất ít tội phải áp dụng hình phạt tử hình. Ngoài ra Nghị quyết số 08/NQ-TW và Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị đã thể hiện rõ chủ trương từng bước hạn chế phạm vi áp dụng hình phạt tử hình, giảm tối đa quy định hình phạt tử hình đối với các tội phạm. Để thể hiện một bước chủ trương này, Luật sửa đổi đã bỏ quy định hình phạt tử hình trong 8 tội phạm cụ thể như sau:

Điều 111 – Tội hiếp dâm;

Điều 139 – Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Điều 153 – Tội buôn lậu

Điều 180 – Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Điều 197 – Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

Điều 221 – Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy

Điều 289 – Tội đưa hối lộ

Điều 334 – Tội phá hủy vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân

sự

Việc bỏ hình phạt tử hình ở các tội phạm nói trên xuất phát từ năm tiêu chí: Tính chất nghiêm trọng của tội phạm và đặc điểm nhân thân của người phạm tội; yêu cầu bảo vệ khách thể bị tội phạm xâm hại đến; thực tiễn áp dụng hình phạt tử hình đối với các tội phạm cụ thể đó; khả năng trấn áp tội phạm bằng các biện pháp khác ngoài tử hình; xu hướng chung trên thế giới là thu hẹp dần tiến tới bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình. Để bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật, Luật sửa đổi đã sửa cụm từ “hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình” thành “hai mươi năm hoặc chung thân” tại các điều luật nói trên. Xu hướng chung này trên thế giới được các nhà khoa học cho rằng sẽ đạt được mục đích đề cao và bảo vệ được giá trị tính mạng của con người, xóa bỏ tính chất tàn bạo của hình phạt tử hình là tiền đề của sự nảy sinh nguy cơ sự bất công trong tố tụng, gây chia rẽ và làm tổn hại đến giá trị đạo đức trong xã hội, giúp loại bỏ được tính chất trái với nguyên tắc khoan dung, nhân đạo trong hoạt động tư pháp mà vẫn đạt được hiệu quả trong phòng ngừa tội phạm, tránh vi phạm những tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người. [Trịnh Tiến Việt]

Việc sửa đổi nâng mức định lượng tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một số tội phạm của Bộ luật Hình sự nhằm góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, cũng như căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của từng loại hành vi phạm tội và dựa trên cơ sở điều kiện kinh tế xã hội hiện nay.

Trong thời gian qua, tình hình kinh tế - xã hội nước ta đã có sự thay đổi, phát triển mạnh mẽ. Giá tiêu dùng hàng năm biến động mạnh dẫn đến tốc độ lạm phát trung bình từ năm 2004 đến nay là trên 9%/năm. Mức lương tối thiểu cũng liên tục tăng qua các năm. Trước tình hình này, các mức định lượng theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 không còn phù hợp nên Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1999 ngày 19-6-

2009 đã điều chỉnh nâng mức định lượng tài sản của 13 loại tội phạm cụ thể như sau:

Sửa đổi cụm từ “Năm trăm nghìn đồng” thành cụm từ “Hai triệu đồng” tại khoản 1 các tội:

Điều 137: Công nhiên chiếm đoạt tài sản;

Điều 138: Tội trộm cắp tài sản;

Điều 139: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Điều 143: Tội hủy hoại hặc cố ý làm hư hỏng tài sản;

Điều 278: Tội tham ô tài sản;

Điều 279: Tội nhận hối lộ;

Điều 280: Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản;

Điều 283: Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi;

Điều 289: Tội đưa hối lộ;

Điều 290: Tội làm môi giới hối lộ;

Điều 291: Tội lợi dụng ảnh hưởng của người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi;

Điều 140: Sửa đổi cụm từ “một triệu đồng” thành cụm từ “bốn triệu đồng” của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản;

Khoản 1 Điều 141: Sửa đổi cụm từ “năm triệu đồng” thành cụm từ “mười triệu đồng” của Tội chiếm giữ trái phép tài sản.

Không xử lý hình sự đối với người thực hiện một trong các hành vi được quy định tại Khoản 1 các điều sau:

Điều 137 – Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản;

Điều 138 – Tội trộm cắp tài sản;

Điều 139 - Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Điều 278 – Tội tham ô tài sản;

Điều 279 – Tội nhận hối lộ;

Điều 280 – Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản;

Điều 283 – Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi;

Điều 289 – Tội đưa hối lộ;

Điều 290 – Tội làm môi giới hối lộ;

Điều 291 – Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi.

Khi mà tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới 4 triệu đồng

Không xử lý hình sự với hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới mười triệu đồng với tội quy định tại Khoản 1 Điều 141 – Tội chiếm giữ trái phép tài sản;

Không xử lý hình sự đối với hành vi tại Khoản 1 Điều 143 - Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản khi thiệt hại xảy ra dưới hai triệu đồng.

Điều 16: Tội trốn thuế: Đã sửa đổi mức định lượng “từ năm mươi triệu đồng đến dưới một trăm năm mươi triệu đồng” thành “từ một trăm năm mươi triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng” (khoản 1) và “từ một trăm năm mươi triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng” thành “từ ba trăm triệu đồng đến dưới sáu trăm triệu đồng” (khoản 2) và “từ năm trăm triệu đồng” thành “sáu trăm triệu đồng” (khoản 3) nên đã phù hợp với thực tiễn xã hội và phù hợp với tình hình phát triển của nền kinh tế.

Luật sửa đổi, bổ sung cũng đã sửa đổi bổ sung tội xâm phạm quyền tác giả (Điều 131) theo hướng bỏ loại tội phạm này và chuyển thành Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 170a) với sự sửa đổi bổ sung gắn với quyền tác giả, quyền liên quan đang được bảo hộ ở Việt Nam để phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.

Sửa đổi tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo hướng quy định rõ ràng và gọn các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quyền sở hữu công nghiệp để thống nhất với Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 đồng thời đáp ứng yêu cầu của các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể như sau: Người nào cố ý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng hoặc cải tạo không giam giữ đến hai năm.

Ngoài ra, Luật sửa đổi, bổ sung còn phi tội phạm hóa đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197) để phù hợp với Luật Phòng, chống ma túy

PTPH hành vi ở lại nước ngoài trái phép (Điều 274) vì người ở lại trái phép tại một nước nào đó sau khi đã hết thời hạn ở lại đương nhiên sẽ bị nước đó xét xử và trục xuất về nước nên không cần phải xử lý trừ trường hợp ở lại nước ngoài trái phép với mục đích chống chính quyền nhân dân sẽ bị xử lý với các tội tương ứng tại Chương XI – Các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Tội đánh bạc cũng được phi tội phạm hóa một phần bằng cách nâng mức định lượng tài sản lên “từ một triệu đồng” thành “Từ hai triệu đồng” để phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của nền kinh tế nước ta hiện nay..

2.3. Các quan điểm về quá trình tội phạm hóa và phi tội phạm hóa ở nước ta hiện nay

Tình hình và những xu hướng chính của tội phạm ở nước ta hiện nay bắt nguồn từ tính chất và đặc điểm của sự phát triển kinh tế-xã hội và theo đó là các điều kiện tương ứng về văn hoá, đạo đức, lối sống. Tội phạm, xét đến cùng là sản phẩm của nghèo đói, khó khăn và mâu thuẫn xã hội chưa được khắc phục hoặc không được giải quyết đúng đắn.

Gần hai thập kỷ thực hiện đổi mới vừa qua, mặc dù nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn, đời sống của người dân được cải thiện căn bản trên nhiều mặt, dân chủ không ngừng được mở rộng, củng cố và phát huy, nhưng trước mắt còn nhiều khó khăn và thách thức lớn.

Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ, nguy cơ tụt hậu xa về kinh tế, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, "diễn biến hoà bình" do các thế lực thù địch gây ra đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen tác động lẫn nhau.

Biểu hiện của những nguy cơ, thách thức trên kể từ khi đổi mới cho đến nay vẫn là: Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp; Một số vấn đề văn hoá - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết, trong đó trước hết cần kể đến: tình trạng thất nghiệp cao cả ở thành thị và nông thôn; chất lượng giáo dục đào tạo thấp so với yêu cầu; khoa học, công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; môi trường sinh thái xuống cấp, ô nhiễm, nhiều nơi bị huỷ hoại nghiêm trọng; một số giá trị văn hoá, đạo đức xã hội suy giảm; mê tín, hủ tục gia tăng; y tế chưa thực hiện được nhiệm vụ cơ bản của mình; mức sống nhân dân, nhất là nông dân ở một số vùng quá thấp; chính sách tiền lương và phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý; sự phân hoá giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh chóng; tai nạn giao thông ở mức nghiêm trọng; các tệ nạn xã hội nhất là ma tuý và mại dâm lan rộng; trật tự an toàn xã hội chưa được đảm bảo vững chắc; Cơ chế chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển:

một số cơ chế, chính sách còn thiếu, chưa nhất quán, chưa sát với cuộc sống, thiếu tính khả thi; có những chính sách đúng bị biến dạng qua nhiều tầng nấc hành chính quan liêu; nhiều cấp, nhiều ngành chưa thay thế, sửa đổi những quy định về quản lý nhà nước không còn phù hợp; việc ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành luật rất chậm; Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí quan liêu còn khá phổ biến. Vì vậy, các quan điểm về quá trình TPH và PTPH cần dựa trên các yếu tố chủ yếu sau đây:

Tăng mức định lượng giá trị tài sản trong các cấu thành tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu:

CSHS của chúng ta trên lĩnh vực đấu tranh với tội phạm kinh tế cần có định hướng phi hình sự hoá những hành vi mặc dầu có đủ các dấu hiệu hành vi phạm tội hình sự, nhưng lại có tác dụng làm gia tăng sự năng động của cơ chế, khai thác mạnh các khả năng nguồn lực của mỗi chủ thể phục vụ cho phát triển, giải phóng năng lực tiềm tàng trong đội ngũ nhân lực của các cơ quan, doanh nghiệp. Theo hướng này cần xem xét phi hình sự hoá loại hành vi “cố ý làm trái” trong Bộ Luật hình sự hiện hành. Bởi vì trong cách quy định cấu thành tội phạm này các dấu hiệu “ cố ý làm trái” và “hậu quả nghiêm trọng” đều mang tính ước lượng rất cao, ít tính cụ thể. Nếu cần thiết, phải định hình rõ những hành vi nào, hoàn cảnh cụ thể, trách nhiệm pháp lý trực tiếp, cụ thể trong những hoàn cảnh đó để xác định trách nhiệm hình sự. Xử lý điểm này để khắc phục tình trạng thực tế nhiều khi các cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được hành vi của bị can, bị cáo, không xác định được mối liên hệ nhân

quả trực tiếp giữa hành vi và hậu quả nguy hiểm xã hội mà vẫn có thể xử lý hình sự, dẫn đến khả năng oan sai gia tăng; báo chí, dư luận xã hội bức xúc.

- Quan điểm sửa đổi bổ sung BLHS 1999 bởi Quốc hội khoá XII là chỉ chọn những vấn đề bức xúc nhất, bất cập nhất. Tuy nhiên điều đó không loại trừ nhu cầu xử lý đầy đủ những yếu tố tiềm tàng hành vi nguy hiểm xã hội trong các hoạt động, các cơ chế quản lý trên các lĩnh vực. Và vì thế, có những hướng chính có thể và cần thiết nghiên cứu xử lý và để xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm cơ sở cho việc tiếp tục tội phạm hoá, hình sự hoá hoặc phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá. Đó là:

+ Những hành vi lợi dụng cơ chế phân bổ và quản lý ngân sách Nhà nước giải ngân, theo cơ chế “xin cho”, tồn tại trên mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế có liên quan đến ngân sách;

+ Những vấn đề tiềm ẩn đằng sau cơ chế quản lý và đại diện chủ sở hữu Nhà nước trong các tập đoàn kinh tế có vốn nhà nước;

+ Trách nhiệm pháp lý hình sự của những chủ thể đứng đằng sau những thất thoát, mất mát lớn nguồn vốn Nhà nước của cơ quan, tổ chức (từ nguồn ngân sách, tín dụng nhà nước, vốn vay ODA, trái phiếu chính phủ...) mà họ trực tiếp quản lý, quyết định lâu nay mọi thất thoát này đều do Chính phủ hứng chịu;

+ Tội phạm hoá các hành vi can thiệp hình thành chính sách để vụ lợi; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch làm lợi cho bản thân hoặc người khác để vụ lợi; các hành vi liên quan đến điều chỉnh chế độ chính sách, phân bổ dự án, quyết định đầu tư, hình thành và điều chỉnh quy hoạch đầu tư xây dựng cơ bản; phân bổ nguồn vốn; những hành vi khác can thiệp vụ lợi vào các công đoạn của quá trình đầu tư xây dựng cơ bản;

- Thứ năm, khẳng định xu hướng cải cách mạnh mẽ hệ thống hình phạt theo xu hướng tăng cường tính nhân đạo, hướng thiện và sử dụng đòn bẩy lợi ích kinh tế, vật chất. Xoá bỏ các hình phạt tử hình đối với các tội phạm kinh tế; hạn chế áp dụng hình phạt tù và thay thế bằng các hình phạt tiền, hình phạt lao động công ích; tăng cường biện pháp tư pháp buộc phải phục hồi, bồi hoàn các giá trị vật chất.

Chương 3:

TÌNH HÌNH TỘI PHẠM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TỘI PHẠM HÓA, PHI TỘI PHẠM HÓA TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Có thể thấy, hoạt động của tội phạm có tổ chức tuy không còn công khai, trắng trợn, lộ liễu như trước nhưng vẫn diễn biến phức tạp, có sự móc nối giữa các băng nhóm, hoạt động trên nhiều lĩnh vực, liên quan đến nhiều địa phương. Các loại tội phạm hình sự nguy hiểm như hiếp dâm, chống người thi hành công vụ, tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên... còn xảy ra ở nhiều nơi.

Bảng 3.1:

Tình hình tội phạm xâm phạm trật tự xã hội từ năm 1999 đến 2005

| Năm | Tổng số vụ phát hiện | | Kết quả điều tra | | Số đối tượng bị bắt |
|------|----------------------|-------------|------------------|-----------|---------------------|
| | Số vụ | So sánh (%) | Số vụ | Tỷ lệ (%) | |
| 1999 | 62.742 | -5,04 | 34.452 | 56,81 | 45.550 |
| 2000 | 53.406 | - 13,5 | 25.189 | 47,16 | 32.552 |

| | | | | | |
|------|--------|--------|--------|-------|--------|
| 2001 | 55.533 | + 3,8 | 31.472 | 56,67 | 35.418 |
| 2002 | 53.644 | - 3,4 | 29.790 | 55,53 | 36.281 |
| 2003 | 49.270 | - 8,15 | 30.759 | 62,42 | 35.233 |
| 2004 | 47.477 | - 5,6 | 28.640 | 60,32 | 34.748 |
| 2005 | 49.252 | + 2.3 | 29.541 | 65,21 | 35.156 |

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an năm 2006)

Tội phạm hình sự xảy ra chủ yếu ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, cụm các tỉnh Đông Bắc, miền Đông và Tây Nam Bộ, Tây Nguyên và dọc tuyến quốc lộ 1A.

Tội phạm giết người do nguyên nhân xã hội tuy có giảm nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao. Một số loại tội phạm như: tội phạm sử dụng công nghệ thông tin, tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài... tiếp tục diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Đối tượng có tiền án phạm tội tuy giảm, song phương thức thủ đoạn hoạt động phạm tội ngày càng tinh vi và thiệt hại gây ra ngày càng lớn.

Tệ nạn tham nhũng chưa được ngăn chặn, đẩy lùi và đã lan rộng sang nhiều lĩnh vực, kể cả lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội, nông nghiệp nông thôn, các ngành kinh tế trọng điểm, các cơ quan bảo vệ pháp luật... gây bất bình trong dư luận xã hội, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, cản trở việc thực hiện hiệu quả NQ 09/CP và CTQG phòng chống tội phạm trong những năm qua. Một số vụ án tham nhũng đã phát hiện xử lý không nghiêm minh hoặc để kéo dài. Một số chủ trương, biện pháp phòng chống tham nhũng chưa được thực hiện kiên quyết, triệt để. Tội phạm buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất hàng giả, tội phạm về ma túy và các tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Công tác đấu tranh ngăn chặn nguồn ma túy từ nước ngoài vào Việt Nam đạt hiệu quả thấp.

- Tình hình tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và chức vụ (tội phạm kinh tế)

Tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và chức vụ trong thời gian qua đã xảy ra với tính chất ngày càng nghiêm trọng, gây thiệt hại rất lớn cho Nhà nước. Số liệu thống kê cho thấy, từ năm 1999 đến năm 2005 đã phát hiện 70.776 vụ án thuộc loại tội phạm này, trung bình mỗi năm xảy ra 11.796 vụ án, gây thiệt hại 6.933.575 triệu đồng.

Bảng 3.2:

Tình hình tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và chức vụ (tội phạm kinh tế)

| Năm | Tổng số vụ | Xâm phạm sở hữu XHCN | Chiếm tỷ lệ (%) | Thiệt hại (triệu đồng) | Phạm tội kinh tế khác | Chiếm tỷ lệ (%) | Thiệt hại (triệu đồng) |
|------|------------|----------------------|-----------------|------------------------|-----------------------|-----------------|------------------------|
| 1999 | 14.117 | 1.669 | 11.9 | 1.068.405 | 12.448 | 88.1 | 432.406 |
| 2000 | 11.851 | 1.390 | 11.7 | 575.851 | 10.461 | 88.3 | 152.432 |
| 2001 | 12.646 | 1.420 | 11.2 | 607.257 | 11.226 | 88.8 | 272.269 |
| 2002 | 14.778 | 1439 | 9.73 | 1.143.796 | 13.349 | 90.67 | 244.657 |
| 2003 | 9.437 | 785 | 8.32 | 881.218 | 8.652 | 91.68 | 307.854 |
| 2004 | 7.937 | 802 | 10.10 | 943.627 | 7.135 | 89.90 | 312.803 |
| 2005 | 8.125 | 902 | 10.12 | 987.526 | 7.925 | 90.1 | 421.908 |

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an năm 2006)

Từ thực tế qua thời gian triển khai thực hiện NQ 09/CP và CTQG phòng chống tội phạm của Chính phủ có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Công tác phòng chống tội phạm chỉ đạt hiệu quả cao khi phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, được sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền, phát huy vai trò tham mưu, hướng dẫn và nòng cốt thực hiện của lực lượng công an và sự ủng hộ, tham gia tích cực của các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cùng

các tầng lớp nhân dân. Bám sát mục tiêu, chỉ đạo quyết tâm, thống nhất và sử dụng sức mạnh, biện pháp đồng bộ, tổng hợp, tạo khí thế mạnh mẽ trong phòng chống tội phạm.

Công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia thực hiện có vai trò rất quan trọng, được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với từng loại đối tượng và địa bàn cụ thể; phát huy tối đa ưu thế của các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin nội bộ và vai trò của các đoàn thể quần chúng trong tuyên truyền vận động toàn dân tích cực tham gia thực hiện.

Lực lượng Công an phải xây dựng thế trận phòng chống tội phạm, làm tốt chức năng thường trực, tham mưu, hướng dẫn thực hiện NQ 09/CP, CTQG phòng chống tội phạm vừa là lực lượng nòng cốt, xung kích trong tấn công trấn áp tội phạm, đồng thời phải làm tốt công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên các lĩnh vực, thì công tác phòng, chống tội phạm mới đạt hiệu quả cao.

Kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn. Phòng ngừa phải đi đôi với đấu tranh, trấn áp mạnh mẽ, xử lý nghiêm minh tội phạm theo phương châm phòng ngừa là cơ bản, xử lý nghiêm minh tội phạm là quan trọng và phải tuân thủ đúng nguyên tắc không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Phát huy tinh thần làm chủ và vai trò to lớn của nhân dân trong phòng, chống tội phạm, nhất là trong phát hiện, tố giác tội phạm, cảm hoá, giáo dục người làm lỗi tại cộng đồng dân cư; coi trọng vai trò của gia đình, nhà trường, các đoàn thể quần chúng, phát huy tính tích cực của các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở.

Thường xuyên sơ kết, tổng kết, phát hiện nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến; kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc, trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

Tại từng địa bàn, địa phương cụ thể việc chọn vấn đề đột phá và điểm đột phá là rất quan trọng; qua đó tập trung chỉ đạo giải quyết cho được những vấn đề bức xúc nổi lên tạo sự chuyển biến làm tiền đề cho các hoạt động phòng chống tội phạm ở cơ sở.

Việc triển khai thực hiện NQ 09/CP, CTQG phòng chống tội phạm phải lồng ghép với các chương trình kinh tế - xã hội khác thì mới đạt hiệu quả cao, đặc biệt là với Chương trình hành động phòng, chống ma túy, Chương trình hành động bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, Chương trình phòng, chống tệ nạn xã hội, Chương trình xoá đói giảm nghèo, Chương trình tạo việc làm; hoặc với các hoạt động, các phong trào thiết thực ở địa phương như phong trào 3 giảm (thành phố Hồ Chí Minh), phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư...

3.1.1. Thực trạng tình hình tội phạm ở nước ta trong giai đoạn 10 năm qua

Trong thập niên qua, thế giới và khu vực đã chứng kiến nhiều sự kiện quan trọng, tình hình kinh tế - xã hội toàn cầu diễn ra phức tạp. Hậu quả cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính ở Châu Á năm 1997 đã dẫn đến sự suy giảm kinh tế ở nhiều nước. Đặc biệt sự kiện 11/9/2001 tại Mỹ kéo theo là cuộc chiến tranh tại Afghanistan và Irắc do Mỹ đứng đầu; các cuộc xung đột sắc tộc, ly khai dân tộc, diễn ra ở nhiều khu vực với nhiều hình thức mới đã tác động sâu sắc làm thay đổi cục diện tình hình an ninh, chính trị thế giới. Tình trạng khủng bố xảy ra ở nhiều quốc gia với tính chất và quy mô khác nhau. Lợi dụng chiêu bài chống khủng bố, Mỹ và các nước đồng minh tăng cường các hoạt động can thiệp vào công việc nội bộ các nước làm cho tình hình ngày càng phức tạp, tác

động ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh trật tự nước ta. Dịch bệnh các loại hoành hành ở nhiều nơi, giá cả các mặt hàng chiến lược không ổn định và tăng cao đã gây ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội nhiều nước trong khu vực và trên thế giới trong đó có Việt Nam. ở trong nước, các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình"; lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, kích động bạo phản động và các đối tượng cực đoan tăng cường các hoạt động chống phá, chia rẽ đoàn kết dân tộc, làm cho tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, ngoại giao... Cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội được đẩy mạnh; an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thế và lực của Việt Nam ngày càng được củng cố, vững mạnh hơn bao giờ hết, vị trí Việt Nam ngày càng được khẳng định trên trường thế giới, hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện.

Tuy nhiên, tình hình tội phạm ở nước ta vẫn còn diễn biến phức tạp. Những năm gần đây, mỗi năm phát hiện trung bình trên 70 ngàn vụ phạm tội các loại, trong đó khoảng 50 ngàn vụ phạm tội về trật tự xã hội, trên 10 ngàn vụ phạm tội về kinh tế và gần 10 ngàn vụ phạm tội về ma tuý. So với các nước trên thế giới và trong khu vực thì tình hình tội phạm ở Việt Nam chỉ ở mức trung bình thấp, nhưng tính chất phức tạp. Đáng lưu ý, tỷ lệ tội phạm ẩn ở nước ta cao, đặc biệt là trong lĩnh vực tội phạm về kinh tế, ma tuý.

Tội phạm tập trung chủ yếu ở các thành phố, thị xã, thị trấn. Các tuyến, địa bàn tội phạm xảy ra nhiều: năm thành phố lớn là Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ; các tuyến Hà Nội và các tỉnh Đông Bắc (Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Giang...), thành phố. Hồ Chí Minh – các tỉnh miền Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Dương,

Bà Rịa - Vũng Tàu...), các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (An Giang, Kiên Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang...), các tỉnh miền Trung - Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hoà, Bình Định...).

Các loại tội phạm hình sự nguy hiểm, sử dụng bạo lực, hình thành các băng, ổ nhóm, hoạt động có tổ chức phức tạp, tính chất, mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng, có sự móc nối với một số cán bộ công chức nhà nước, hoạt động lưu động, công khai, trắng trợn, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong nhân dân và thường tập trung vào một số loại tội phạm như: giết người; cướp tài sản; cố ý gây thương tích, giết người thuê; bảo kê nhà hàng, khách sạn, vũ trường, tổ chức các sòng bạc, cá độ, ma túy, mại dâm...

Xu hướng liên kết hình thành các băng, nhóm tội phạm ngày càng gia tăng rõ rệt, hoạt động có tính chất lưu động ở nhiều địa bàn khác nhau, gây nhiều loại án khác nhau. ở một số địa phương xuất hiện loại tội phạm có tổ chức, hoạt động theo kiểu "xã hội đen" núp dưới nhiều vỏ bọc công khai như khách sạn, nhà hàng, nghiệp đoàn, doanh nghiệp tư nhân... Với tính chất côn đồ hung hãn, thủ đoạn tinh vi như bảo kê nhà hàng, cho vay nặng lãi, xiết nợ thuê, đâm thuê, chém mướn... hoạt động ngang nhiên, trắng trợn, táo bạo, thách thức pháp luật như: ở TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Quảng Ninh, Nam Định, Nghệ An, Khánh Hoà, Bình Thuận... Điển hình là tổ chức tội phạm do Trương Văn Cam cầm đầu tại thành phố Hồ Chí Minh, băng nhóm tội phạm Hà Lê (Khánh Hoà), Hai Chi (Bình Thuận)...

Tội phạm xuyên quốc gia, có tính quốc tế, tội phạm có yếu tố nước ngoài có chiều hướng gia tăng, đã xuất hiện một số băng nhóm tội phạm là người nước ngoài, hoặc các đối tượng là người Việt Nam câu kết với các đối tượng người nước ngoài để thực hiện các hành vi phạm tội như giết người, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép các chất ma túy, đưa người ra nước ngoài

bất hợp pháp.... Từ sau khi đẩy mạnh điều tra triệt phá một số băng, nhóm tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu xã hội đen lớn, đặc biệt là băng nhóm Năm Cam và đồng bọn, tình hình các băng, nhóm tội phạm có xu hướng “co lại” không còn hoạt động công khai, trắng trợn, thách thức pháp luật như trước nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Gần đây, đã phát hiện sự móc nối giữa các băng nhóm hoạt động trên nhiều tuyến, địa bàn, lĩnh vực; nổi lên một số băng, nhóm thanh, thiếu niên tụ tập, ăn chơi mâu thuẫn dẫn đến dùng dao, mã tấu đâm, chém lẫn nhau diễn ra phức tạp ở nhiều địa phương.

Bảng 3.3: Tình hình tội phạm ma túy:

| Năm | Tổng số vụ | So sánh % | Đối tượng | So sánh % | Khối lượng Hê-rô-in thu được | Thuốc phiện | Cần sa | Tân dược | Ma túy tổng hợp |
|------|------------|-----------|-----------|-----------|------------------------------|-------------|--------|----------|-----------------|
| 1999 | 11.768 | - 6.58 | 22.835 | -4.37 | 65.69 | 495.35 | 279.5 | 103.274 | 27.943 |
| 2000 | 10.300 | - 12.47 | 19.500 | -14.60 | 57.41 | 618.21 | 326.5 | 117.643 | 25.936 |
| 2001 | 12.627 | +22.59 | 20.862 | +6.98 | 33.75 | 509.00 | 888.5 | 121.148 | 37.252 |
| 2002 | 13.959 | +10.5 | 22.842 | +9.5 | 54.69 | 548.82 | 243 | 107.534 | 44.428 |
| 2003 | 12.031 | -5.93 | 19.205 | -1.59 | 140.00 | 26.58 | 733.5 | 236.830 | 25.031 |
| 2004 | 12.068 | +0.99 | 18.160 | -9.45 | 400.00 | 300.00 | 251.0 | 273.065 | 37.326 |
| 2005 | 12.452 | +1.00 | 19.250 | +4.50 | 450.00 | 358.00 | 258.0 | 290.000 | 39.456 |

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an năm 2006)

Cũng đã xuất hiện một số băng, nhóm tội phạm là người nước ngoài, hoặc các đối tượng là người Việt Nam câu kết với các đối tượng người nước ngoài để thực hiện các hành vi phạm tội như giết người, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép các chất ma túy, đưa người ra nước ngoài bất hợp pháp...

Các loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có giảm, nhưng còn diễn biến phức tạp Tội phạm giết người, trung bình mỗi năm xảy ra khoảng 1.000 vụ.

Mặc dù số vụ án giết người đã được kiềm chế và có xu hướng giảm, nhưng tính chất ngày càng nghiêm trọng, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, gây ra tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Trong các vụ án giết người, giết người do nguyên nhân xã hội chiếm tỷ lệ cao, có nhiều vụ nguyên nhân rất đơn giản chỉ vì mâu thuẫn, cãi, chửi nhau dẫn đến phạm tội. Đáng chú ý, tình trạng người thân trong gia đình giết nhau, như vợ giết chồng, chồng giết vợ, bố giết con, con giết bố, cháu giết ông... có xu hướng tăng. Số vụ giết người để cướp tài sản chỉ chiếm tỷ lệ thấp hơn. Tội phạm chống người thi hành công vụ gia tăng, xảy ra nghiêm trọng ở nhiều địa phương.

Tội phạm hiếp dâm, nhất là hiếp dâm trẻ em gia tăng. Đặc biệt tình trạng hiếp dâm trẻ em xảy ra hết sức nghiêm trọng, trung bình mỗi năm xảy ra 600 vụ. Có một số vụ hiếp dâm tính chất rất nghiêm trọng. Thời gian gần đây, các vụ hiếp dâm, kể cả hiếp dâm trẻ em xảy ra nhiều ở khu vực, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Tội cướp tài sản trung bình mỗi năm xảy ra khoảng 1.600 vụ. Tuy nhiên, những vụ cướp đặc biệt nghiêm trọng, có sử dụng vũ khí nóng xảy ra nhiều, có những vụ diễn ra công khai, trắng trợn tại trung tâm thành phố, thị xã, thị trấn, đặc biệt là tình trạng dùng súng cướp các tiệm vàng giữa ban ngày ở khu vực đông dân cư và sẵn sàng chống trả quyết liệt khi bị phát hiện, truy bắt. Tình trạng cướp xe ô tô, cướp xe tắc xi xảy ra nhiều ở một số địa phương. Đặc biệt là các vụ cướp xe máy bằng thủ đoạn sử dụng thuốc mê; dùng gậy, vật cứng, bất ngờ tấn công chủ phương tiện rồi cướp xe, nhất là ở các địa bàn giáp ranh Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và một số địa phương khác. Đáng lưu ý là xu hướng hình thành các băng, nhóm tội phạm cướp mang tính tổ chức, hoạt động lưu động ở nhiều tỉnh, có nhiều đối tượng tham gia (làm quen qua chat, hoặc lập kế hoạch rủ nhau đi cướp thông qua mạng..) .

Tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên tăng cao trong những năm gần đây, thậm chí hình thành những băng nhóm học sinh dùng dao lê, côn, kiếm... đâm chém, sát phạt lẫn nhau. Hoạt động cờ bạc, cá độ bóng đá xảy ra phức tạp, đã phát hiện một số đường dây cá độ bóng đá lớn (vụ cá độ bóng đá ở TP. Hồ Chí Minh do Hồ Thị Ngọc Lan cầm đầu với số tiền 2,3 tỷ đồng và 903.870 USD; vụ cá độ, dàn xếp tỷ số liên quan đến nhiều trọng tài, cầu thủ, huấn luyện viên...).

Tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em có chiều hướng gia tăng và ngày càng nghiêm trọng. Theo số liệu thống kê từ năm 1998 đến năm 2006, cả nước đã phát hiện khoảng 5 ngàn phụ nữ, trẻ em bị buôn bán. Đối tượng phạm tội chủ yếu là bọn lưu manh chuyên nghiệp và có tiền án, tiền sự về buôn bán phụ nữ, trẻ em, thường câu kết với những đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới tạo thành đường dây khép kín để lôi kéo, câu móc, lừa gạt đưa phụ nữ, trẻ em ra nước ngoài. Đối tượng phạm tội là người nước ngoài ngày càng gia tăng chủ yếu là công dân Đài Loan, Campuchia, Hàn Quốc, Trung Quốc, Châu Phi. Thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm này thường triệt để lợi dụng số phụ nữ, trẻ em ở các vùng nông thôn nghèo, có trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thất nghiệp thiếu việc làm để lừa đảo đưa qua biên giới bán cho các chủ chứa hoặc các tổ chức tội phạm ở nước ngoài ; chúng còn lợi dụng chính sách mở cửa và hội nhập của nước ta, lợi dụng sơ hở của pháp luật trong vấn đề tư vấn môi giới hôn nhân với người nước ngoài, cho nhận con nuôi, du lịch, thăm thân, đi hợp tác lao động để lừa gạt phụ nữ, trẻ em ra nước ngoài bán. Đặc biệt, bọn tội phạm tích cực lợi dụng công nghệ viễn thông hiện đại, thông qua Internet, chat, game... để thiết lập đường dây buôn bán phụ nữ, trẻ em, các đường dây gái gọi qua mạng, qua điện thoại di động, tổ chức các chuyến du lịch tình dục xuyên quốc gia nên nhiều phụ nữ, trẻ em, kể cả sinh viên cũng bị lừa đưa ra nước ngoài bán.

Về tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, mặc dù Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương chính sách và tập trung chỉ đạo quyết liệt chống loại tội phạm này nhưng tình trạng tiêu cực, tham nhũng còn xảy ra phổ biến, nhất là trong các ngành và lĩnh vực kinh tế trọng điểm gây thất thoát lớn tài sản của Nhà nước và nhức nhối cho xã hội. Nổi lên một số nét cụ thể:

Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại và lợi dụng chính sách hoàn thuế VAT vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Các vụ buôn lậu xảy ra nhiều ở khu vực biên giới, tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia qua các đường buôn bán tiểu mạch, tại các cửa khẩu, đường biển, đường hàng không vào Việt Nam xảy ra rất nghiêm trọng mà chưa có giải pháp hữu hiệu để giải quyết tình trạng này. Tội phạm buôn lậu thường kéo theo cùng với một số loại tội phạm khác như kinh doanh trái phép, làm hàng giả, trốn thuế và đi cùng với tội đưa và nhận hối lộ làm tha hoá một số lớn đội ngũ cán bộ công chức nhà nước trong các ngành thuế vụ, hải quan, công an v.v... Điển hình như vụ án Tân Trường Sanh, truy tố 86 bị can, trong đó hơn một nửa là cán bộ hải quan; vụ buôn lậu xăng, dầu ở Tiền Giang cũng tương tự. Thời gian gần đây, lợi dụng chính sách hoàn thuế giá trị gia tăng, nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng các kẽ hở của pháp luật, lập hồ sơ giả, kê khai không, lừa đảo chiếm đoạt hàng ngàn tỷ đồng từ ngân sách của Nhà nước.

Tình hình sản xuất, buôn bán hàng giả; vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ tiền giả diễn ra phức tạp ở hầu hết các vùng, miền trong cả nước. Hình thành những tổ chức, đường dây sản xuất, vận chuyển ở thôn Thống Nhất xã Thủ Sỹ tiêu thụ tiền giả mang tính chuyên nghiệp ở từng cung đoạn khác nhau. Bên cạnh tiền Đồng Việt Nam giả, các loại ngoại tệ, séc, thẻ tín dụng giả xuất hiện và có chiều hướng gia tăng. Tội phạm lừa đảo trong lĩnh vực đưa người đi xuất khẩu lao động, tội phạm tẩy rửa tiền, tội phạm sử dụng công nghệ cao, ... đã xuất hiện trong những năm gần đây.

Tội phạm tham nhũng, tình trạng tiêu cực xảy ra ở nhiều cấp, nhiều ngành, nhất là trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư, xây dựng cơ bản, vi phạm quản lý đất đai..., gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Có một số vụ án lớn, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng như: vụ Tân Trường Sanh, EPCO - Minh Phụng; vụ Dệt Nam Định, vụ thủy cung Thăng Long, vụ Mường Tè - Lai Châu, PMU 18... gây thiệt hại hàng ngàn tỷ đồng. Nguy hiểm hơn là chúng đã làm tha hoá một bộ phận cán bộ công chức trong các cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang... làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Trong những năm qua, mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều giải pháp đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, nhưng hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện, đưa ra ánh sáng còn ít.

Gần đây xuất hiện loại tội phạm làm giả cổ phiếu chứng khoán, lừa đảo trong đầu tư chứng khoán, lừa đảo qua mạng, thâm nhập vào mạng để lấy cắp tiền ở tài khoản của cá nhân hoặc của ngân hàng, lấy cắp thông tin cá nhân để làm thẻ tín dụng giả hoặc bán cho đối tượng phạm tội khác...

Tội phạm về ma túy ngày càng diễn biến phức tạp. Nguồn ma túy từ nước ngoài vào Việt Nam chưa giảm, tập trung trên các tuyến biên giới, phần lớn là các tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy (chiếm 71%); tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy chiếm 12%. Thành phần người phạm tội ma túy cũng rất phức tạp: Thanh thiếu niên học sinh, sinh viên, đảng viên, công nhân viên chức, người nước ngoài, nông dân, phụ nữ, thậm chí có cả trẻ em phạm tội.

Thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm ma túy thường rất tinh vi, xảo quyệt, được tổ chức một cách chặt chẽ, sẵn sàng sử dụng bạo lực, tấn công, chống trả quyết liệt với các lực lượng đấu tranh chống tội phạm ma túy, kể cả giết người bịt đầu mối (ở Lai Châu chúng đã giết chết Trung úy Phạm Văn

Cường, cán bộ phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Lai Châu).

Tỷ lệ người nghiện ma túy phạm tội ngày càng cao, đặc biệt là trong lứa tuổi thanh thiếu niên. Hiện nay cả nước có khoảng 170 ngàn người nghiện ma túy, đây là số liệu người nghiện có hồ sơ quản lý, còn số người nghiện thực tế lớn hơn nhiều. Mặt khác, do phương pháp điều trị, cai nghiện của chúng ta hiệu quả còn thấp, tỷ lệ tái nghiện cao (có nơi tỷ lệ tái nghiện lên đến 90%) nên số các đối tượng nghiện các chất ma túy thường xuyên được bổ sung, tạo ra sức ép rất lớn trong mối quan hệ “cung - cầu” các chất ma túy, dẫn đến tình trạng buôn bán, vận chuyển các chất ma túy ngày một gia tăng.

Thời gian gần đây xuất hiện một số tổ chức tội phạm tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép các chất ma túy với số lượng lớn, phạm tội nhiều lần, liên quan đến cả đối tượng là người nước ngoài tham gia. Thí dụ vụ buôn ma túy ở Quảng Trị phát hiện 185 bánh Heroin, vụ buôn lậu ma túy ở thành phố Hồ Chí Minh có các các đối tượng người Campuchia, người Úc gốc Việt Nam...

Tình trạng sử dụng trái phép các chất ma túy, đặc biệt là ma túy tổng hợp diễn ra phức tạp ở nhiều địa phương, nhất là ở các thành phố lớn, một số tụ điểm hoạt động trong thời gian dài, công khai, trắng trợn, có sự bảo kê của một số cán bộ cơ sở... Nhiều tụ điểm tổ chức sử dụng ma túy tổng hợp, ăn chơi thác loạn trong các nhà hàng, vũ trường, quán bar, karaoke (Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Bình Dương...). Đối tượng chủ yếu là học sinh, sinh viên (85% trong lứa tuổi 16-25, cá biệt có đối tượng 14 tuổi), có vụ hàng trăm đối tượng tham gia.

Hiện tượng tình chế, sản xuất heroin có dấu hiệu xuất hiện tại Việt Nam (vụ Trịnh Nguyên Thủy tại Hà Nội). Tình trạng tái trồng cây thuốc

phiện xảy ra ở một số địa phương (Yên Bái, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Thanh Hoá, Đồng Tháp...).

Tình hình tội phạm xảy ra như trên đã tác động làm xuất hiện một số vấn đề xã hội bức xúc như mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân tuy đã được tập trung giải quyết, nhưng vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt là tình hình khiếu kiện, tranh chấp đất đai hình thành điểm nóng, ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở một số địa phương. Các loại tệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc... chưa giảm, hoạt động dưới nhiều hình thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi. Tội phạm vi phạm trật tự an toàn giao thông, đua xe trái phép, vấn đề tai nạn giao thông đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội.

Đấu tranh phòng chống tội phạm là nhiệm vụ vô cùng quan trọng nhằm ổn định chính trị, tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, đạt mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh”. Để đạt được điều đó đòi hỏi phải đấu tranh kiên quyết với tất cả các loại tội phạm, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, từng bước loại bỏ chúng ra khỏi đời sống xã hội. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của mọi cấp, mọi ngành, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đại hội X của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội đã đề ra trong kế hoạch 5 năm 2006 – 2010.

3.1.2. Một số đặc điểm tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay

3.1.2.1. Sự hình thành các tổ chức, băng, nhóm tội phạm có chiều hướng gia tăng

Để tồn tại và tiếp tục hoạt động, tránh được sự phát hiện, điều tra, xử lý của các cơ quan bảo vệ pháp luật, bọn tội phạm thường tìm cách móc nối, liên kết, hỗ trợ nhau, bổ sung cho nhau trong quá trình hoạt động phạm pháp, tạo thành các tổ chức, băng, nhóm tội phạm. Đây là một xu hướng phát triển của tội phạm hiện nay không chỉ ở nước ta mà ở hầu hết các nước trên thế

giới như: Liên bang Nga, Mỹ, Italia, Đức, Pháp, Nhật Bản, Đài Loan, Ma Cao... Bọn tội phạm đã liên kết hình thành các tổ chức tội phạm, thâm nhập sâu rộng vào nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội ở nhiều nước và đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia, trở thành những tổ chức tội phạm mang tính quốc tế như: các băng “Hội Tam Hoàng”, “Trúc Liên Bông”, “Tai Huen Chai”, Hội 14K ở Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, “Quân đội đỏ Nhật Bản” ở Nhật Bản...

Hoạt động của tội phạm có tổ chức không chỉ diễn ra trong một số lĩnh vực nhất định mà đã thâm nhập sâu rộng vào nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là trong hoạt động buôn bán ma túy, buôn lậu, giết người, bảo kê, cố ý gây thương tích... Sự liên kết, trở thành các tổ chức, băng, nhóm tội phạm xảy ra không chỉ trong một xã, phường, thị trấn, thị xã hay một quận, huyện... mà đã diễn ra trong phạm vi rộng hơn nhiều, trở thành những tổ chức, băng, nhóm tội phạm hoạt động liên tỉnh, trong phạm vi cả nước. Một số trường hợp còn vượt ra khỏi biên giới quốc gia, trở thành tội phạm xuyên quốc gia, đa quốc gia, tội phạm mang tính quốc tế...

3.1.2.2. Tính chất các loại tội phạm ngày càng nghiêm trọng, phức tạp, hậu quả của tội phạm ngày càng lớn

Xu hướng các loại tội phạm xảy ra với tính chất ngày càng phức tạp, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi và xảo quyệt. Bọn tội phạm luôn tìm mọi cách để thực hiện hành vi phạm tội một cách nhanh gọn, tránh sự phát hiện, điều tra, xử lý của các cơ quan chuyên môn. Chúng dùng cả kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp và ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ vào quá trình phạm tội. Có trường hợp, chúng còn giả tạo hiện trường, đánh lạc hướng sự điều tra của các cơ quan chuyên môn, hoặc tự tử, thủ tiêu, giết người bịt đầu mối...

Hậu quả, tác hại do tội phạm gây ra ngày một lớn hơn so với trước, nhất là trong các vụ phạm tội kinh tế. Những năm trước, trong các vụ án, hậu quả xảy ra không nhiều, thiệt hại không lớn (chỉ vài chục triệu đồng, hoặc vài trăm triệu đồng), nhưng những năm gần đây, số vụ phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra ngày càng nhiều, có vụ gây thiệt hại đến hàng nghìn tỷ đồng như vụ EPCO - Minh Phụng, Tân Trường Sanh (khoảng trên 7 ngàn tỷ đồng)...

3.1.2.3. Tội phạm sử dụng thành tựu của khoa học - công nghệ vào quá trình phạm tội ngày càng nhiều, số người phạm tội là người có trình độ học vấn cao ngày càng gia tăng

Trong điều kiện khoa học - công nghệ phát triển ở mức cao, trình độ nhận thức của người dân được nâng lên, khoa học phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ngày càng phát triển. Các cơ quan điều tra tội phạm được trang bị nhiều công cụ, phương tiện, kỹ thuật hiện đại, nhất là trong quá trình nghiên cứu, phát hiện, thu, bảo quản, giám định các loại dấu vết hình sự. Mọi dấu vết do tội phạm gây ra đều có thể được phát hiện, nghiên cứu, khai thác, sử dụng nhằm chứng minh tội phạm. Do đó, để thực hiện hành vi phạm tội, tránh được sự phát hiện, điều tra, xử lý của các cơ quan chuyên môn, bọn tội phạm thường nghiên cứu sử dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ để thực hiện hành vi phạm tội một cách trót lọt, đạt được mục đích và khó bị phát hiện. Hơn nữa, chúng còn sử dụng thành tựu của khoa học - công nghệ để tiêu huỷ chứng cứ, gây khó khăn cho quá trình điều tra. Số người phạm tội có trình độ học vấn cao ngày càng tăng, nhất là trong các vụ phạm tội về kinh tế, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, giết người, cố ý gây thương tích...

3.1.2.4. Tội phạm ngày càng gắn với tệ nạn ma túy

Phần lớn các vụ phạm tội đều liên quan tới ma túy và các đối tượng nghiện ma túy, đặc biệt là các vụ trộm cắp, giết người, cướp của, cướp giật tài sản...

Tổng kết cho thấy: (70 - 80)% số vụ phạm tội ít nhiều có liên quan đến ma túy và người nghiện ma túy. Riêng tội phạm cướp, cướp giật có tới 95% số vụ do các đối tượng nghiện ma túy gây ra.

3.1.2.5. Tính xã hội của tội phạm ngày càng thể hiện rõ nét, thể hiện những đặc trưng riêng của nền kinh tế thị trường phát triển

Phần lớn các vụ việc phạm tội xâm phạm trật tự an toàn xã hội đều có nguyên nhân từ các mâu thuẫn, tranh chấp, thù tức, ghen tuông, xích mích (nguyên nhân xã hội)... các vấn đề này thường nảy sinh nhiều trong cuộc sống, đặc biệt trong điều kiện kinh tế thị trường đang phát triển như hiện nay, nếu không được giải quyết kịp thời thường dẫn đến những hành vi phạm tội nghiêm trọng. Riêng trong các vụ án giết người thì giết người do nguyên nhân xã hội chiếm tỷ lệ cao (khoảng 90%), có nhiều vụ nguyên nhân rất đơn giản chỉ vì mâu thuẫn, cãi, chửi nhau dẫn đến phạm tội giết người. Trong đó, 81% là do mâu thuẫn thù tức; 1,54% do mê tín dị đoan; 3,6% để bịt đầu mối... Đáng chú ý là tình trạng người thân trong gia đình giết hại lẫn nhau, như vợ giết chồng, chồng giết vợ, bố giết con, con giết bố... có xu hướng tăng chiếm 15% - 20% tổng số vụ xảy ra. Điều này phản ánh những hiện tượng tâm lý không bình thường của một bộ phận dân cư trong xã hội. Số vụ giết người để cướp tài sản chỉ chiếm khoảng 10%.

Một số loại tội phạm về kinh tế gắn liền với việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Hầu như khi ban hành một chính sách mới, sẽ xuất hiện một loại tội phạm đặc trưng, nếu như chúng ta không kịp thời phát hiện, bổ sung hoàn chỉnh những sơ hở, thiếu sót ngay từ khi ban hành cũng như trong quá trình thực hiện. Ví dụ, khi chúng ta

áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng (VAT), liền sau đó hàng loạt hành vi lợi dụng quy trình hoàn thuế, lập hồ sơ khống để lừa đảo rút tiền của Nhà nước gây thiệt hại hàng trăm tỷ đồng...

3.1.3. Nguyên nhân của tội phạm

3.1.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Tính chất giai cấp của tội phạm: Chừng nào xã hội còn phân chia giai cấp, chừng đó vẫn còn tội phạm, bởi nguyên nhân, điều kiện hình thành và phát triển tội phạm vẫn tiếp tục tồn tại. Tuy nhiên, mỗi xã hội, với những hình thái kinh tế xã hội khác nhau thì hình thức và mức độ hoạt động của tội phạm có khác nhau. Sự xuất hiện, tồn tại và hoạt động của tội phạm phụ thuộc vào nền tảng vật chất - kỹ thuật, mối quan hệ giữa kiến trúc thượng tầng với hạ tầng cơ sở và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội đó.

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, hạ tầng cơ sở - kỹ thuật còn nghèo nàn, lạc hậu; thượng tầng kiến trúc chưa phát triển đầy đủ, nhất là hệ thống các quy phạm pháp luật. Nhiều văn bản pháp luật còn thiếu, ý thức chấp hành pháp luật của người dân chưa cao; sự phân hoá giai cấp và phân tầng xã hội giữa người giàu, kẻ nghèo ngày càng gia tăng trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tình trạng thất học, mù chữ và tái mù chữ tiếp tục gia tăng; đạo đức xã hội bị xuống cấp. Một bộ phận dân cư chạy theo lối sống thực dụng, xa hoa trụy lạc, coi thường pháp luật, chạy theo giá trị của đồng tiền, làm giàu bất chính... Số người thất nghiệp, thiếu việc làm, việc làm không ổn định ngày một tăng (hiện nay 2/3 lao động ở nông thôn không đủ việc làm và cả nước có 7 - 8 triệu người không có việc làm và thiếu việc làm)... Các yếu tố đó đã ảnh hưởng, tác động đến sự hình thành và phát triển của tội phạm.

- Tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội trên thế giới diễn ra khá phức tạp, đã tác động xấu đến sự hình thành và phát triển tội phạm ở nước ta, làm nhiều loại tội phạm mới nảy sinh, phát triển như: tội phạm khủng bố quốc tế, tội phạm rửa tiền, sử dụng bom thư, phong bì thư có vi trùng gây bệnh, ăn cắp cước điện thoại qua vệ tinh; rút tiền ngân hàng bằng các thẻ tín dụng giả, phá sóng, gây nhiễu sóng điện thoại...

Cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính ở nhiều nước trên thế giới; sự kiện nước Mỹ bị tấn công (11-9-2001); chiến tranh chống khủng bố ở Afganistan và chiến tranh xâm lược Iraq do liên quân Mỹ - Anh phát động; các vụ khủng bố trên thế giới đã ảnh hưởng, tác động xấu đến tình hình kinh tế, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nhiều nước, trong đó có nước ta, làm tội phạm có điều kiện phát triển, gia tăng.

3.1.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác quản lý kinh tế - xã hội còn nhiều sơ hở, thiếu sót, chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Một số cơ chế, chính sách còn thiếu, chưa nhất quán, chưa sát với cuộc sống, thiếu tính khả thi. Những yếu kém, bất cập đó không chỉ ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung, mà còn là những điều kiện tốt để tội phạm, tệ nạn xã hội lợi dụng hoạt động, tiếp tục phát sinh, phát triển.

Trong lĩnh vực quản lý kinh tế: còn nhiều bất cập, nhất là trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính. Do chưa có cơ chế giám sát chặt chẽ, khắc phục những sơ hở, thiếu sót nên một số cơ quan, doanh nghiệp đã lợi dụng chiếm đoạt hàng nghìn tỷ đồng. Đặc biệt trong lĩnh vực hoàn thuế giá trị gia tăng, do chưa có kinh nghiệm, chưa loại bỏ được những sơ hở, thiếu sót, nhiều doanh

nghiệp đã lợi dụng, lập hồ sơ, chứng từ giả, rồi móc nối với nhân viên hải quan, thuế vụ chiếm đoạt hàng trăm tỷ đồng từ ngân sách nhà nước.

Trong quản lý văn hoá - tư tưởng: do chưa quản lý tốt các sản phẩm văn hoá, một số văn hoá phẩm có nội dung không lành mạnh, đồi trụy, kích động bạo lực,... đã gây ra những ảnh hưởng, tác động xấu đến một bộ phận dân cư, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Điều này làm cho một số chạy theo lối sống thực dụng, đề cao “sức mạnh” của đồng tiền, vị kỷ cá nhân, coi thường pháp luật, kể cả đi vào con đường phạm tội, hoạt động tệ nạn xã hội...

Trong quản lý nhà nước về an ninh, trật tự: chưa được thường xuyên quan tâm, đầu tư đúng mức. Có nơi, có lúc còn buông lỏng, chưa có các biện pháp hữu hiệu trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác...

Công tác quản lý, giáo dục cán bộ, công nhân viên, đoàn viên, hội viên, học sinh, sinh viên... trong các nhà trường, cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể nhân dân... còn chưa tốt. Sự phối kết hợp giữa các môi trường, các lực lượng xã hội trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm hiệu quả chưa cao. Việc quản lý, giáo dục con em trong các gia đình còn nhiều bất cập, nhất là trong điều kiện sống hiện đại.

Đạo đức xã hội bị xuống cấp, ý thức chấp hành pháp luật của người dân chưa cao do bị tác động của lối sống thực dụng, tiền tệ hoá các quan hệ xã hội. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật hiệu quả chưa cao, chưa tạo ra được thói quen "sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật", sống có văn hoá, tôn trọng kỷ cương, phép nước, không phạm tội, không hoạt động tệ nạn xã hội...

3.1.3.3. Các quan điểm chủ đạo trong phòng, chống tội phạm

a, Xã hội hoá công tác phòng, chống tội phạm

Phòng, chống tội phạm là nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của mọi cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của Ủy ban nhân dân, sự tham mưu hướng dẫn của lực lượng công an nhân dân... Quan điểm này được xây dựng trên cơ sở xác định “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và quần chúng là người làm nên lịch sử”. Theo logic đó, hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta là sự nghiệp của toàn dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tội phạm là hiện tượng xã hội tiêu cực và rất phức tạp. Vì vậy, để đấu tranh có hiệu quả đối với hiện tượng tiêu cực này, chúng ta phải dựa vào xã hội, huy động sức mạnh của toàn xã hội.

b, Công tác phòng, chống tội phạm phải được thực hiện trong sự lồng ghép chặt chẽ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước

Tội phạm là một vấn đề xã hội, có nguyên nhân kinh tế - xã hội, do đó để phòng, chống tội phạm, trước hết phải phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân nhằm khắc phục các nguyên nhân kinh tế - xã hội đó của tội phạm thì tội phạm sẽ từng bước bị giảm dần và dẫn đến triệt tiêu.

c, Chủ động phòng ngừa, tích cực tấn công trấn áp tội phạm, lấy phòng ngừa là cơ bản, đấu tranh trấn áp tội phạm là quan trọng

Mục đích của đấu tranh phòng, chống tội phạm là không để tội phạm xảy ra, gây hậu quả xấu cho xã hội, giảm thiểu số người bị xử lý bằng hình phạt. Đó chính là bản chất nhân đạo, tính nhân văn của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, cần phải chủ động phòng ngừa không để tội phạm xảy ra. Nhưng, khi đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa

mà tội phạm vẫn xảy ra thì phải kiên quyết điều tra làm rõ và xử lý nghiêm minh, đảm bảo không một hành vi phạm tội nào không bị phát hiện, không một người phạm tội nào không bị xử lý. Kết quả điều tra, xử lý nghiêm minh tội phạm còn có tác dụng giáo dục, răn đe những người phạm tội từ bỏ con đường phạm tội và những người khác không đi vào con đường tội phạm, tạo thế áp đảo và niềm tin cho nhân dân trong công tác phòng, chống tội phạm...

Như vậy, phương châm và quan điểm chủ đạo trong phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay là lấy phòng ngừa làm cơ bản, tạo thế chủ động tấn công trấn áp tội phạm, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội và toàn thể quần chúng nhân dân, thực hiện chương trình phòng, chống tội phạm trong sự đồng bộ với các chương trình kinh tế - xã hội.

3.2. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN TỘI PHẠM HÓA TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ NƯỚC TA

3.2.1. Tội phạm hóa trong lĩnh vực Kinh tế

Tình hình tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn Hà Nội cũng có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt khi ngành Ngân hàng trong thời điểm cực sôi động với thị trường giá vàng, giá ngoại tệ biến động nhiều và cơn sốt chứng khoán bùng nổ.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội thì các hoạt động tài chính ngân hàng cũng diễn ra sôi động. Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là hai thành phố lớn tập trung nhiều ngân hàng trong nước và quốc tế đặt trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch. Bên cạnh những mặt tích cực thì tình hình tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn Hà Nội cũng có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt khi ngành Ngân hàng trong thời điểm cực sôi động với thị trường giá vàng, giá ngoại tệ biến động nhiều và cơn sốt chứng khoán bùng nổ.

Hàng loạt vụ án và các hành vi vi phạm pháp luật trong các ngân hàng tại Hà Nội đã xảy ra, như các vụ: Phạm Chí Vinh, nguyên cán bộ Ngân hàng cổ phần Techcombank, chi nhánh Hoàn Kiếm đã biển thủ 1,28 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ và 8.000 USD để chi tiêu cá nhân; Vụ Hoàng Văn Luận, cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Gia Lâm đã chiếm đoạt 11 tỷ đồng của ngân hàng để cá độ bóng đá; Vụ tham ô tài sản xảy ra tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Long Biên với 5 đối tượng bị khởi tố đều là những người đứng đầu chi nhánh như giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng hành chính nhân sự, trưởng phòng dịch vụ marketing....

Thực tiễn điều tra các vụ án xảy ra trong ngân hàng cho thấy, các đối tượng phạm tội có nhiều phương thức, thủ đoạn rất tinh vi nhằm đối phó với các cơ quan chức năng. Chúng thường là những đối tượng được ngân hàng giao chức trách trực tiếp giao dịch với khách hàng, lợi dụng các kẽ hở trong việc kiểm tra, kiểm soát của ngân hàng để phạm tội, có hành vi diễn ra trong thời gian dài mới bị phát hiện. Điển hình là Lê Hoài Phương, nguyên là trưởng phòng giao dịch Đông Ngạc của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Cầu Giấy đã lợi dụng chức vụ và lòng tin của nhân viên để lấy mật khẩu truy cập và mã giao dịch để vào chương trình quản lý tiền của ngân hàng chiếm đoạt tài sản trong thời gian hơn 6 tháng với số tiền lên đến hơn 27 tỷ đồng;

Hay như Nguyễn Thanh Hà, cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Tam Trinh đã làm giả chứng từ của 51 khách hàng và 59 món tiền gửi tiết kiệm, không nhập kho quỹ và không hạch toán vào hệ thống của ngân hàng để chiếm đoạt gần 2 tỷ đồng... Các đối tượng phạm tội trong các ngân hàng thường tự kê khai trên giấy gửi tiền và ghi vào sổ

tiết kiệm đúng số tiền mà khách hàng gửi tiền tiết kiệm, ký tên, đóng dấu giao cho khách hàng giữ.

Tiếp đó hủy giấy gửi tiền mà khách hàng kê khai và làm giả giấy gửi tiền khác với số tiền ghi ít hơn số tiền gửi thực của khách hàng và lúc đó mới hạch toán vào hệ thống chứng từ của ngân hàng, chiếm đoạt số tiền chênh lệch ngoài sổ sách. Với những khách hàng gửi góp theo tháng, khi khách hàng đến gửi tiền tiết kiệm lần đầu, đối tượng thường hạch toán đầy đủ vào hệ thống chứng từ nhưng lần sau thì đối tượng không hạch toán số tiền gửi của khách hàng vào hệ thống chứng từ nữa mà chiếm đoạt luôn số tiền đó.

Cũng có trường hợp đối tượng làm giả giấy rút tiền, mạo tên khách hàng gửi tiền tiết kiệm để rút một phần tiền từ ngân hàng. Chúng cũng có thể hủy giấy gửi tiền của khách và làm giả giấy gửi tiền mạo tên người khác và ghi số tiền gửi ít hơn, tạo ra số tiền chênh lệch. Với những trường hợp rút tiền mặt bằng séc, đối tượng có thể sửa chữa, thêm số vào trước số tiền rút để chiếm đoạt...

Nguyên nhân của tình trạng này là sự thiếu chặt chẽ trong một số khâu của hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng, đặc biệt là tại khâu giao dịch khiến nhân viên giao dịch có thể lợi dụng. Bên cạnh đó là kẽ hở trong hệ thống bảo mật thông tin trong nội bộ ngân hàng. Nhiều ngân hàng thiếu kiểm tra, kiểm soát và thanh tra chặt chẽ nên có đối tượng không chỉ phạm tội trong thời gian ngắn mà trong thời gian rất dài, chỉ đến khi đối chiếu sổ sách cuối năm mới phát hiện.

Một số cán bộ quản lý và nhân viên ngân hàng cả tin, dễ dãi, không thực hiện đúng quy trình công tác theo quy định của khách hàng nên bị đồng nghiệp lợi dụng để hoạt động phạm tội. Đối với khách hàng gửi tiền, một số

người thiếu cẩn trọng hoặc quá cả tin nên đã không kiểm tra chữ ký, không thực hiện đúng các quy định về giao dịch tiền tệ khi gửi hoặc rút tiền, sử dụng séc, không kiểm tra tài khoản thường xuyên... đã bị một số đối tượng xấu lợi dụng.

Trước tình hình trên, Ngân hàng Nhà nước đã có khuyến cáo và các ngân hàng trên địa bàn Hà Nội đã có những động thái rà soát và chấn chỉnh lại quy trình công tác, gần bịt kín những sơ hở, thiếu sót trong hoạt động nghiệp vụ, tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cấp hệ thống phần mềm tự động quản lý tiền. Bên cạnh đó, các ngân hàng cũng thực hiện các biện pháp giáo dục tư tưởng và tác phong làm việc cho nhân viên các cấp, tăng cường tự giám sát và đề cao trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện hoạt động nghiệp vụ, với các nhân viên có biểu hiện vi phạm thì kiên quyết xử lý.

Lực lượng CSĐT tội phạm về TTQLKT và chức vụ thuộc Công an thành phố và các quận huyện cũng đã tăng cường phổ biến, đề nghị các ngân hàng tự đề cao cảnh giác, có biện pháp tự phòng chống vi phạm trong ngân hàng mình. Đồng thời, chủ động trong hoạt động trinh sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vụ án phạm tội trong lĩnh vực ngân hàng, phối hợp với các ngành nội chính nhanh chóng đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật, tạo sự răn đe.

Tuy nhiên, dự báo trong thời gian tới, cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước và Hà Nội thì tình hình tội phạm kinh tế nói riêng và tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn Hà Nội sẽ tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp và khó lường, nhiều thủ đoạn và phương thức phạm tội mới tinh vi hơn sẽ diễn ra. Do vậy, các ngân hàng và các cơ quan chức năng cần có các biện pháp kịp thời mang tính dự báo cao để chủ động phòng chống tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng nhằm đảm bảo sự trong sạch và uy tín trong các hoạt

động ngân hàng, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô trong thời gian tới.

Thủ đoạn hoạt động của tội phạm trên TTCK cũng có nhiều diễn biến phức tạp với thủ đoạn tinh vi hơn. Nhiều đối tượng đã sử dụng thủ thuật làm giá, lừa đảo, giao dịch nội gián trên thị trường chứng khoán. Một số nhân viên của các công ty chứng khoán bị nghi ngờ lợi dụng quá trình nhập lệnh để sót lệnh, mất lệnh, sửa đổi lệnh của các nhà đầu tư nhỏ lẻ để làm lợi cho một đối tượng “trùm” đứng phía sau chi phối.

Một số đối tượng là nhân viên môi giới, kế toán, quản trị tin học và nhân viên nhập lệnh câu kết với nhau sử dụng nghiệp vụ bán khống, mượn tạm chứng khoán, thậm chí là mượn tài khoản chủ đầu tư mở tại công ty mình để trục lợi. Có đối tượng trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi gian lận, lừa đảo, tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc bỏ sót thông tin cần thiết gây hiểu nhầm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến hoạt động chào bán chứng khoán ra công chúng, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, dịch vụ về chứng khoán và TTCK.

Công bố thông tin sai lệch nhằm lôi kéo, xúi giục mua bán chứng khoán hoặc công bố thông tin không kịp thời, đầy đủ về các sự việc xảy ra có ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán trên thị trường. Sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán cho chính mình hoặc cho người khác, tiết lộ, cung cấp thông tin nội bộ hoặc tư vấn cho người khác mua bán chứng khoán trên cơ sở thông tin nội bộ.

Thông đồng để thực hiện việc mua bán chứng khoán nhằm tạo ra cung cầu giả tạo, giao dịch chứng khoán bằng hình thức câu kết, lôi kéo người khác liên tục mua, bán để thao túng giá chứng khoán, kết hợp sử dụng các phương

pháp giao dịch để thao túng giá chứng khoán. Bên cạnh đó, các công ty chứng khoán chưa thực hiện đúng các quy định về quản lý nhân viên và quy trình quản lý nghiệp vụ còn lỏng lẻo, khiến các đối tượng xấu có thể lợi dụng để trục lợi.

Tuy nhiên, hiện nay tội phạm và vi phạm trên TTCK vẫn diễn biến phức tạp, những vi phạm bậc tỷ vẫn đã và có nguy cơ cao xảy ra. Trong khi việc kiểm tra, xử lý của các cơ quan chức năng còn chưa thực sự đạt hiệu quả. Qua 10 năm hoạt động của thị trường chứng khoán, cơ quan điều tra các cấp mới khởi tố được khoảng 10 vụ án trong lĩnh vực này.

Mức phạt hành chính cao nhất chỉ 70 triệu đồng/hành vi với công ty chứng khoán vi phạm chưa đủ sức răn đe. Các nhà đầu tư sau nhiều thăng trầm vẫn còn có tâm lý đầu tư theo đám đông, không hiểu về các quy tắc chứng khoán, tâm lý chủ quan, thiếu cảnh giác nên dễ bị các đối tượng lợi dụng hoặc đầu tư sai, thiệt hại rất lớn.

Dự báo trong thời gian tới, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế và xu hướng tất yếu của cổ phần hóa, thị trường chứng khoán sẽ hoạt động quy củ hơn theo hướng chuyên nghiệp hóa, nhưng cũng là mảnh đất mà các đối tượng cũng vẫn sẽ lợi dụng hoạt động với thủ đoạn tinh vi hơn, mới hơn.

Do vậy, rất cần một hành lang pháp lý chặt chẽ và sự quản lý, kiểm tra, giám sát hiệu quả hơn nữa của các cơ quan chức năng cùng sự cảnh giác, nâng cao kiến thức của các nhà đầu tư và toàn xã hội để đảm bảo cho hoạt động của thị trường chứng khoán thực sự lành mạnh, chuyên nghiệp, phục vụ tốt sự phát triển bền vững của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập sâu hơn với nền kinh tế thế giới.

3.2.2. Tội phạm hóa trong lĩnh vực Công nghệ thông tin

Theo nhận định của Đại tá Lê Văn Tam, Phó Giám đốc Công an Đà Nẵng, tín dụng là lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của ngân hàng và luôn đối phó với nhiều rủi ro. Trong đó, phần lớn là rủi ro chủ quan của ngân hàng trong tác nghiệp và một phần do bọn tội phạm lợi dụng sơ hở trong hoạt động ngân hàng để phạm tội. Đặc biệt, qua thực tế công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng của Công an Đà Nẵng cho thấy, các đối tượng phạm tội đang triệt để lợi dụng công nghệ cao để hoạt động với các thủ đoạn hết sức tinh vi, đa dạng.

Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Công thương Đà Nẵng (Vietin Bank Đà Nẵng) Đinh Xuân Nha cho hay, sau nhiều năm thống kê, các nhà nghiên cứu đã đúc kết hành vi phạm tội chủ yếu của loại tội phạm công nghệ cao là trộm cắp cước phí viễn thông, đánh cắp tiền trong tài khoản ngân hàng, lừa đảo trong thanh toán, đánh cắp dữ liệu trái phép; xâm nhập, theo dõi trái phép hoạt động của hệ thống máy tính khác; lợi dụng mạng máy tính để tiêu thụ ma túy, hoạt động mại dâm, tham gia thao túng thị trường chứng khoán; phao tin đồn nhảm, thất thiệt, tuyên truyền văn hoá phẩm độc hại, đòi truy...

Trong lĩnh vực ngân hàng, thủ đoạn chính của loại tội phạm này là tạo ra những vụ lừa đảo trên mạng máy tính. Chúng sử dụng thủ đoạn xâm nhập, bẻ khoá hệ thống bảo mật thông tin khách hàng, tạo website giả của các ngân hàng uy tín, yêu cầu khách hàng khai báo thông tin cá nhân và số thẻ tín dụng, mã số cá nhân. Sau đó chúng dùng những thông tin này để lấy tiền, thay đổi tên truy cập và mật mã rồi chiếm đoạt cơ sở dữ liệu thông tin, kết quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị, doanh nghiệp...

Tội phạm công nghệ cao thực hiện hành vi phạm tội chủ yếu với mục đích kinh tế. Đặc trưng của loại tội phạm này là không phô trương, tương đối am hiểu pháp luật và đặc biệt có kiến thức về kinh tế, thương mại. Chúng không phải là những người tiên phong về mặt kỹ thuật nhưng có sự kiên nhẫn, kỹ thuật hack có chiều sâu; chịu khó nghiên cứu hoạt động trong hệ thống ngân hàng và các nghi thức giao dịch thương mại, từ đó tìm ra cách để thu thập các dữ liệu có giá trị hay sửa đổi hệ thống, tấn công vào các ngân hàng để rút tiền.

Kiểu tấn công thông thường của tội phạm công nghệ cao vào lĩnh vực ngân hàng là xâm nhập. Khi xâm nhập thành công, chúng có khả năng sử dụng máy tính của hệ thống như những người quản trị hệ thống thực sự. Từ chối dịch vụ là kiểu tấn công bằng cách ngăn cản người đang sử dụng các dịch vụ của hệ thống, làm tràn ngập hệ thống mạng bằng những thông điệp, những yêu cầu khiến hệ thống phải mất nhiều thời gian trả lời, dẫn tới nghẽn mạng vì quá tải. Kiểu tấn công này cho phép tin tặc lấy được dữ liệu mà không cần trực tiếp sử dụng máy tính của hệ thống.

Theo dự báo, trong thời gian tới tội phạm liên quan đến hoạt động ngân hàng diễn ra hết sức phức tạp, nhất là một số loại tội phạm như tiền giả, lừa đảo và cố ý làm trái trong lĩnh vực ngân hàng, tội phạm trong hoạt động chứng khoán (lũng đoạn thị trường, tung tin đồn thất thiệt tác động tâm lý các nhà đầu tư để đẩy giá lên hoặc kéo giá xuống có lợi cho người tung tin...), tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực thẻ thanh toán, tội phạm cướp ngân hàng, rửa tiền....

Để góp phần đẩy lùi tội phạm công nghệ cao cần có giải pháp tổng thể về luật pháp, tổ chức, nghiệp vụ, kỹ thuật, truyền thông..., không chỉ nhằm vào những loại tội phạm đã xuất hiện mà còn phải dự báo được cả những loại tội phạm có thể xuất hiện trong tương lai. Đặc biệt là cần xây dựng Luật Phòng

chống tội phạm công nghệ cao, do các quy định chế tài răn đe và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này còn thiếu hoặc chưa đủ mạnh, nhất là đối với người nước ngoài phạm tội.

Lợi dụng sự lan truyền nhanh thông tin trên mạng và sự thiếu hiểu biết của một bộ phận người dân, bọn tội phạm đưa ra hình thức đầu tư tài chính với lợi nhuận hấp dẫn thông qua việc thiết lập các trang web (mang tên miền VN hoặc nước ngoài) và phần mềm hướng dẫn cách chơi đầu tư tài chính, lãi suất 2,7–3%/ngày.

Thủ đoạn của chúng là mở tài khoản cá nhân tại một số tổ chức tín dụng rồi yêu cầu người chơi chuyển tiền của họ và những người sau họ vào tài khoản này, sau đó rút ra bằng tiền mặt hoặc qua thẻ ATM để chiếm đoạt. Khi bị phát hiện, chúng đánh sập trang web để che giấu tung tích. Rất nhiều người dân ở Đà Nẵng và các địa phương khác bị lừa mất hàng chục tỷ đồng do thủ đoạn này.

Tuy nhiên, hiện chưa có văn bản nào quy định xử lý hình sự loại tội phạm này nên việc xử lý gặp rất nhiều khó khăn.

Để phòng chống tội phạm công nghệ cao có hiệu quả thì phải xây dựng các quy chế, quy trình phòng ngừa rủi ro tác nghiệp theo tiêu chuẩn ISO. Trong đó, phải nâng cao và tin học hoá hệ thống quản lý; nâng cấp công nghệ, bảo mật dữ liệu; ứng dụng SOA – tăng tính hiệu quả quy trình quản trị ngân hàng. Việc bảo vệ dữ liệu khách hàng và hệ thống chính là vấn đề cấp bách và thường xuyên đối với tất cả các tổ chức tài chính, ngân hàng.

Hệ thống mạng, ngoài việc đảm bảo an toàn trước những cuộc tấn công truy nhập bất hợp pháp ở trong và ngoài mạng ngân hàng – đang dần trở nên tinh vi và ngày càng đa dạng hơn – thì còn phải đảm bảo tính rõ ràng và ổn

định đối với người sử dụng. Hệ thống an ninh mạng hoàn hảo là tiêu chí hàng đầu để đảm bảo rằng ngân hàng của chúng ta hoạt động chuyên nghiệp, an toàn và thực sự tin cậy.

Bên cạnh đó, công tác quản lý tài chính còn nhiều thiếu sót, yếu kém dẫn đến tình trạng nhiều vụ việc nghiêm trọng xảy ra trong thời gian dài mới bị phát hiện. Cá biệt có một số ngân hàng còn che giấu thông tin về tội phạm đã xảy ra, sợ ảnh hưởng đến uy tín, khách hàng không tin tưởng.

3.2.3. Tội phạm hóa trong lĩnh vực Môi trường

Việc sửa đổi Bộ Luật hình sự nhằm khắc phục những bất cập trong cấu thành của các tội phạm về môi trường, bảo đảm phán ánh đúng đắn hơn bản chất pháp lý của các hành vi thuộc nhóm này. Theo quy định tại BLHS 1999, cấu thành của nhóm tội gây “nhiễm môi trường đòi hỏi phải có đồng thời 3 yếu tố mới xử lý hình sự được: Hành vi thái chất gây ô nhiễm môi trường trước đó bị xử phạt hành chính; người bị xử phạt hành chính cố tình không thực hiện các biện pháp khắc phục; do không thực hiện biện pháp khắc phục mà gây ra hậu quả nghiêm trọng. Quy định cấu thành vật chất trong các tội phạm này đã hạn chế khả năng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với nhiều hành vi nguy hiểm cao độ đối với xã hội. Sự bất hợp lý thể hiện ở chỗ các hành vi có độ nguy hiểm cao, khó khắc phục hậu quả thì ngay khi hành vi chưa hoàn thành đã nguy hiểm đối với xã hội, và đe dọa nguy hiểm cao độ đối với xã hội, lẽ ra phải quy định cấu thành hình thức, nhằm tăng cường khả năng phòng ngừa ngăn chặn, đồng thời có thể xử lý ngay cả khi tội phạm chưa dẫn đến hậu quả thiệt hại cho xã hội.

Việc quy định đủ cả 3 yếu tố nói trên đã làm lọt lưới nhiều hành vi nguy hiểm xã hội, và làm dẫn đến những hậu quả là rất khó khăn, nhất là trong việc xác định hậu quả về môi trường.

Những hành vi huỷ hoại môi trường môi sinh, xả chất thải công nghiệp ra môi trường tự nhiên có thể dẫn đến thảm họa đối với con người. Vì thế việc tội phạm hoá, hình sự hoá các hành vi mua bán, tái chế rác thải y tế hoặc rác thải công nghiệp chưa qua xử lý để sản xuất vật dụng tiêu dùng... là nhất quán với chính sách hình sự hiện đại, bảo vệ con người, tương lai của loài người.

Chính sách hình sự đối với các tội phạm môi trường ở Việt Nam hiện nay được Chính phủ định hướng nhằm giải quyết một số vấn đề trung tâm:

+ Tội phạm hoá một số hành vi xâm phạm môi trường bằng việc thải vào không khí, nguồn nước, chôn vùi vào đất các chất gây “nhiễm môi trường” không tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hợp nhất các hành vi gây ô nhiễm không khí, nguồn nước, đất vào một tội danh.

+ Tội phạm hoá những hành vi lợi dụng việc nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, hay thủ đoạn khác để đưa máy móc thiết bị lạc hậu, phế liệu hoặc hoá chất, chế phẩm sinh học các chất thải khác vào lãnh thổ Việt Nam;

Tội phạm hóa các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm; các hành vi vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên cho phù hợp với thực tiễn và quy định mới của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Tội phạm hoá những hành vi vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại; vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường ... có khả năng gây hậu quả rất lớn cho sức khỏe, tính mạng con người.

+ Điều chỉnh hệ thống hình phạt đối với nhóm tội này theo hướng nâng mức phạt tiền đối với các tội phạm về môi trường.

Theo nghiên cứu của Trung tâm Con người và thiên nhiên Việt Nam, thì luật pháp về môi trường của Việt Nam còn nhiều bất cập, một số quan điểm về tội phạm môi trường còn chưa rõ ràng, gây không ít khó khăn cho người thừa hành công vụ trong việc phát hiện, xử lý các vi phạm về môi trường. Vedan là một trong số các ví dụ điển hình.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 (sửa đổi) đã xác định: Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội, quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (Điều 4, Mục 2); và “Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật” (Điều 4, Mục 5).

Đây chính là quan điểm nhất quán về quyền và trách nhiệm của các chủ thể pháp luật đối với công tác Bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Điều 7 của Luật này cũng quy định 15 hành vi vi phạm môi trường cụ thể bị nhà nước nghiêm cấm.

Tuy nhiên, theo PanNature, đến nay, khái niệm về tội phạm môi trường vẫn chưa được luật hóa, mà mới chỉ được định nghĩa trong một số công trình nghiên cứu... Những vụ sai phạm rất điển hình như vụ Công ty Vedan Việt Nam, vụ Công ty Hyundai - Vinashin, vụ Nhà máy Miwon ở Phú Thọ... đều đã không bị xử lý hình sự.

Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với các trường hợp này, trên thực tế đã bộc lộ những bất cập của chính sách hình sự hóa vi phạm môi trường, cũng như sự yếu kém của bộ máy cơ quan nhà nước về quản lý

môi trường ở Trung ương và địa phương. Từ đó, dẫn đến những quan ngại cùng những nghi ngờ rằng, các trường hợp phạm tội đã lọt lưới pháp luật.

Cũng theo công trình nghiên cứu này, trong số 10 tội danh về phạm tội môi trường, đến nay ở Việt Nam chỉ có 2 tội danh bị khởi tố điều tra và đưa ra xét xử là hủy hoại rừng (Điều 189) và vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm (Điều 190).

Trước đây, quan điểm của Việt Nam trong vấn đề tội phạm môi trường là hạn chế hình sự hóa, lấy giáo dục, phòng ngừa là chính. Điều này đã và đang tạo nên những lỗ hổng lớn trong hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường cũng như bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, làm hạn chế tính răn đe và thực thi của luật pháp.

Nhiều chuyên gia cho rằng, đã đến lúc cần phải có những cách tiếp cận và nhận thức mới hơn để hoàn thiện cơ sở pháp luật về tội phạm môi trường cũng như công tác giám sát thực thi pháp luật về Bảo vệ môi trường tại Việt Nam.

Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn trong nước đã cho thấy, muốn bảo vệ được môi trường thì công lý môi trường phải trở thành một nội dung ăn sâu và bám rễ trong tiềm thức của người dân, trở thành một đạo lý tự nhiên của xã hội, cộng đồng. Đây mạnh hiệu quả thực thi pháp luật môi trường là một trong những cách để đảm bảo công lý môi trường. Và, muốn vậy thì pháp luật bảo vệ môi trường phải thực sự sắc bén và hữu hiệu.?

Theo Tiến sĩ Phạm Văn Lợi – Viện trưởng Viện Khoa học quản lý môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường, nếu so với yêu cầu đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 thì các quy định trong Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự năm 2009 vẫn chưa bao quát hết được

các hành vi vi phạm môi trường cần xử lý về mặt hình sự. Chẳng hạn, một số hành vi bị nghiêm cấm trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 (Điều 7) vẫn chưa được bổ sung trong lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự năm 2009 như hành vi gây tiếng ồn, độ rung vượt tiêu chuẩn cho phép; sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người; hành vi cản trở hoạt động bảo vệ môi trường..

Thêm vào đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 rất nhấn mạnh tới yêu cầu về công khai hóa thông tin bảo vệ môi trường, để đảm bảo quá trình dân chủ hóa hoạt động bảo vệ môi trường. Quy định này chắc chắn sẽ gặp phải phản ứng từ phía các chủ dự án. Vậy thì, để đảm bảo sự tuân thủ nghĩa vụ công khai hóa thông tin, việc chỉ xử lý về mặt hành chính là chưa đủ mà cần nghiên cứu để có phương án xử lý về mặt hình sự trong những trường hợp cố ý không cung cấp thông tin, hoặc cố ý cung cấp thông tin giả mạo, cản trở người dân tham gia, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường...

Và, một vấn đề cũng quan trọng không kém là Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự (sửa đổi) đã tăng thẩm quyền điều tra cho lực lượng cảnh sát môi trường, tuy nhiên, thời hạn trong điều tra hình sự đối với loại tội phạm này vẫn giống như các tội phạm thường. Vấn đề này sẽ gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động điều tra.

Thời gian gần đây tội phạm môi trường (TPMT) được nhắc đến rất nhiều - như một dạng tội phạm mới, nguy hiểm và có xu hướng ngày một gia tăng – một phần vì mức độ nghiêm trọng của loại tội phạm này và mặt khác do nhận thức của toàn xã hội về môi trường đã được nâng cao. Những hậu quả nghiêm trọng, mức độ ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài tới toàn xã hội từ những hành vi phạm tội này đã đặt ra một yêu cầu bức thiết đối với việc hoàn thiện

các cơ chế bảo vệ môi trường một cách hiệu quả. Và một trong những mắt xích chủ yếu của cơ chế này là chính sách hình sự đối với những hành vi xâm hại môi trường.

Năm 1999, chính sách hình sự về tội phạm môi trường của Việt Nam đã có bước đột phá quan trọng khi xây dựng một chương riêng trong bộ luật Hình sự 1999 cho các tội phạm về môi trường (chương XVII). Tuy nhiên, sau 10 năm BLHS 1999 có hiệu lực, sau nhiều nghiên cứu đánh giá về tình trạng ngày một gia tăng của loại hình tội phạm này và đặc biệt là sau những vụ xâm phạm môi trường nghiêm trọng gần đây bị phát hiện, hệ thống pháp luật hiện hành liên quan đến TPMT đã phân nào bộc lộ những thiếu sót cần khắc phục:

a, Quan điểm về TPMT chưa rõ ràng: Khái niệm chung về tội phạm về môi trường (TPMT) đến nay vẫn chưa được luật hoá mà mới chỉ được định nghĩa trong một số công trình nghiên cứu. Trong ấn phẩm *Tội phạm về môi trường: một số vấn đề về lý luận và thực tiễn*, TPMT được định nghĩa như sau: “Các tội phạm về môi trường là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được luật hình sự quy định, xâm phạm đến các quan hệ xã hội liên quan đến việc bảo vệ môi trường tự nhiên thuận lợi, có chất lượng, đến việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và việc đảm bảo an ninh sinh thái đối với dân cư”(1). Hoặc theo định nghĩa trong giáo trình giảng dạy của trường ĐH Luật Hà Nội: “Các tội phạm về môi trường là các hành vi nguy hiểm cho xã hội vi phạm các quy định của Nhà nước về môi trường, qua đó gây thiệt hại cho môi trường”(2).

Các khái niệm này, mặc dù đã nêu được bản chất của TPMT về cơ bản, song vẫn chưa thể hiện được đặc trưng của loại tội phạm này và phân biệt nó với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

Đây có thể coi là một rào cản lớn trong việc xác định chính xác TPMT để từ đó tiến hành truy tố được loại tội phạm này. Việc hình thành khái niệm “tội phạm môi trường” một cách hợp lý, khoa học, chính xác, sát thực tế sẽ là khởi điểm cần thiết để giải quyết về bản chất tất cả các vấn đề trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Bởi nếu không có sự nhận thức đúng đắn về loại tội phạm này, việc xây dựng được các hình thức chế tài, phạm vi và nhiệm vụ của hoạt động phòng ngừa sẽ còn nhiều khó khăn.

b, Hệ thống pháp luật hiện hành về TPMT: Chính sách hình sự về bảo vệ môi trường của Việt Nam được cụ thể hóa thông qua việc định nghĩa những hành vi phạm tội về môi trường cụ thể. Chương XVII - BLHS năm 1999 quy định đối với 10 hành vi phạm tội về môi trường : tội gây ô nhiễm không khí (Đ.182), tội gây ô nhiễm nguồn nước (Đ.183), tội gây ô nhiễm đất (Đ.184), tội nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, phế thải hoặc các chất không đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường (Đ.185), tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người (Đ.186), tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Đ.187), tội huỷ hoại nguồn lợi thủy sản (Đ.188), tội huỷ hoại rừng (Đ.189), tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm (Đ.190), tội vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên (Đ.191). (3)

Với đặc trưng là luật chi tiết và không có văn bản hướng dẫn thi hành dưới luật, mỗi điều khoản về TPMT trong BLHS 1999 đều xác định hành vi phạm tội rõ ràng, căn cứ để truy cứu hình sự, định khung và định hình.

Nội dung của 10 điều này đều tương thích với điều khoản xử lý vi phạm từ các luật liên quan khác trong lĩnh vực môi trường, cũng như các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên chính thức. Trong các luật khác như: Luật bảo vệ môi trường 2005 (điều 127); Luật bảo vệ và phát triển rừng 2004 (điều 85); Luật tài nguyên nước 1998 (điều 71); Luật thủy sản 2003 (điều 58)

đều có một điều về xử lý vi phạm, quy định những hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm tương ứng đối với từng luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tuân thủ một số công ước và hiệp ước quốc tế, các quy định về TPMT của Việt Nam cũng tuân thủ những điều kiện của các công ước này. Cụ thể như: việc tuân thủ công ước CITES thể hiện qua 2 điều 189 (tội huỷ hoại rừng) và điều 190 (tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm); tuân thủ công ước Basel về kiểm soát, vận chuyển xuyên biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu huỷ chúng thể hiện ở điều 185 (tội nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, phế thải hoặc các chất không đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường); tuân thủ Công ước đa dạng sinh học và Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học thể hiện qua điều 187 (tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người) và điều 188 (tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật).

c, Những vướng mắc và lỗ hổng trong quy định về TPMT: Thạc sỹ Nguyễn Mạnh Hiển, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao cho biết: Trong tổng số 10 tội danh về phạm tội môi trường quy định trong Bộ Luật hình sự, trên thực tế từ trước tới nay mới chỉ khởi tố điều tra và đưa ra xét xử đối với các hành vi vi phạm thuộc 2 tội danh: huỷ hoại rừng (Điều 189) và vi phạm quy định bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm (Điều 190)(4). Còn với các tội danh khác, trên thực tế, mặc dù có rất nhiều vụ việc bức xúc mà báo giới đã phanh phui, cơ quan chức năng đã vào cuộc, kết luận là có sai phạm nhưng không thể truy cứu trách nhiệm hình sự. Kết quả là rất nhiều trường hợp phạm tội đã lọt lưới pháp luật. (?!)

Luật được ban hành là để thực thi song thực tế lại gặp rất nhiều vướng mắc xuất phát từ chính những quy định của hệ thống pháp luật hiện hành. Thực trạng này cho thấy đã tới lúc cần đặt ra những câu hỏi về bộ luật hiện hành.

Cấu thành cơ bản tội phạm về môi trường có nên quy định tình tiết “đã bị xử phạt hành chính” là yếu tố bắt buộc để khởi tố vụ án hình sự hay không? Hiện nay, có tới 8/10 điều của chương XVII – BLHS năm 1999 (Điều 182, 183, 184, 185, 187, 188, 189, 191) có tình tiết này là yếu tố bắt buộc để truy cứu hình sự. Trong khi, việc xử phạt hành chính chỉ có thời hạn hiệu lực thi hành là 1 năm. Nếu sau 1 năm mà có vi phạm lặp lại sẽ coi như chưa từng bị xử phạt hành chính (Khoản 1, Điều 11- Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002) và lúc đó có vi phạm nghiêm trọng thì theo luật chưa chắc đã bị truy cứu hình sự.

Làm thế nào để xác định được hành vi xâm hại môi trường gây hậu quả “nghiêm trọng”, “rất nghiêm trọng” và “đặc biệt nghiêm trọng”? Công ty Vedan xả thải làm ô nhiễm sông Thị Vải cùng với nhiều doanh nghiệp khác . Vậy làm sao để xác định được % tác động của công ty này? Những chất thải đó ảnh hưởng thế nào đến sức khỏe cộng đồng cũng như sinh kế của họ?

Hay đối với việc dùng rác thải y tế để tái chế đồ nhựa cho tiêu dùng, cơ quan chuyên môn khẳng định, hành vi đó làm ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng. Thế nhưng, không phải ai dùng đồ nhựa tái chế cũng bị ảnh hưởng đến sức khỏe. Vậy làm thế nào để xác định những đối tượng tiêu dùng nhựa tái chế từ rác thải y tế. Nó làm giảm sút bao nhiêu % sức khỏe, có gây thiệt mạng đối với người dùng không? Do không có con số cụ thể cũng như những ước tính định lượng nên cơ quan pháp luật khó có thể truy cứu trách nhiệm hình sự, nhất là trong giới hạn kỹ thuật hiện nay của Việt Nam. Mới đây, Bộ Tài nguyên Môi trường đã ban hành dự thảo nghị định quy định về xác định thiệt hại do ô

nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường. Hi vọng việc xác định được các thiệt hại một cách định lượng như vậy sẽ mở ra cơ hội dễ dàng cho việc định khung, định hình cũng như tiến hành truy tố và xử lý những loại tội phạm về môi trường.

Việt Nam chưa có quy định truy cứu hình sự đối với đối tượng vi phạm là các công ty, tổ chức, tập đoàn... mang tư cách pháp nhân. Đây cũng là một điều cần bổ sung vào Bộ luật hình sự trong tương lai, để không còn những vụ lọt lưới pháp luật như trường hợp của công ty Trách nhiệm hữu hạn Vedan (Long Thành - Đồng Nai) thời gian qua.

Bên cạnh đó, có thể thấy trong Chương XVII. Tội phạm về môi trường (BLHS năm 1999) vẫn còn một số điểm bất hợp lý, thiếu sót, chưa bao quát hết thực tế. Trong bối cảnh tội phạm môi trường có xu hướng ngày một gia tăng với biến tướng và thủ đoạn tinh vi để “lách luật”, hơn bao giờ hết những bất cập này cần được khắc phục.

Thứ nhất, liên quan đến quy định về bảo vệ động vật hoang dã: Việc chấp nhận cấp phép cho các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã nguy cấp, hoặc thuộc nhóm 1B của nghị định 32 theo công văn số 970/BNN-KL có thể coi như “bản án tử hình” đối với các loài này. Điều này có nghĩa là sở hữu các loài động vật hoang dã (ĐVHD) cực kỳ nguy cấp và được bảo vệ không phải là một loại hình tội phạm. (6) Câu hỏi đặt ra ở đây là để có thể sở hữu một cá thể động vật hoang dã tại tư gia thì cá nhân đó phải làm những gì trước đó? Chắc chắn là phải tham gia ít nhất vào một trong các khâu săn bắn, vận chuyển, buôn bán ĐVHD - hành vi được coi là TPMT. Đây có phải là điều mâu thuẫn?

Thứ hai, có nên nói rộng khung áp dụng xử phạt hành chính? Việc nói rộng khung vi phạm đã góp phần thúc đẩy thực trạng vi phạm diễn ra phổ biến

và phức tạp hơn. Điển hình là đối với khung vi phạm tội phá rừng đốt nương làm rẫy trong tội danh huỷ hoại rừng. Theo Nghị định 139/2004/NĐ-CP về nội dung xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản được ban hành ngày 25/6/2004, cơ quan chức năng phải khởi tố khi các đối tượng phá rừng làm rẫy phá vượt mức (mỗi vụ) 5.000 m² đối với rừng đặc dụng, 7.500 m² đối với rừng phòng hộ và 10.000 m² đối với rừng sản xuất. Tuy nhiên, Nghị định 159/NĐ-CP thay thế cho nghị định trên, ban hành ngày 30/10/2007 đã nới rộng mức xử phạt, quy định phải khởi tố khi các đối tượng phá trên 7.500m² đặc dụng, trên 10.000 m² rừng phòng hộ và trên 15.000 m² rừng sản xuất.

Thứ ba, những vi phạm liên quan đến Báo cáo Đánh giá tác động môi trường: Những bản báo cáo kém chất lượng, không đúng sự thật, những quyết định vội vàng không cân nhắc, sự giám sát lỏng lẻo dự án là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường hiện nay và có xu hướng gia tăng trong tương lai. Khi những hậu quả môi trường trở lên quá lớn (những dòng sông chết như Thị Vải, Đồng Nai, Sài Gòn..., những làng ung thư như Thạch Sơn - Phú Thọ, sinh kế của người dân bị đe dọa...) thì việc hình sự hoá tội danh này càng trở nên cấp thiết hơn.

Thứ tư, hình thức tội phạm xuyên biên giới cũng cần chú ý. Việt Nam vừa đóng vai trò là nơi tiêu thụ vừa là trạm trung chuyển quan trọng, nhất là đối với các hoạt động buôn bán động, thực vật hoang dã quý hiếm và hoạt động vận chuyển, buôn bán chất thải, chất phóng xạ xuyên biên giới.

Hiện nay, năng lực thể chế cũng như năng lực kỹ thuật của các cơ quan chức năng liên quan đến TPMT còn yếu. Điển hình là đối với cơ quan giám sát thực thi pháp luật - cơ quan có vai trò quyết định trong việc phát hiện TPMT. *Về cơ sở pháp lý*: hiện nay vẫn chưa đầy đủ và còn nhiều lỗ hổng. Hoạt động

của thanh tra môi trường gặp nhiều khó khăn khi "chỉ được thanh tra khi có quyết định thanh tra". Còn cảnh sát môi trường vẫn chưa được công nhận là một cơ quan điều tra chuyên ngành.

Về lực lượng thực thi: mỏng và năng lực chưa đáp ứng yêu cầu . Do thiếu cán bộ có chuyên môn về môi trường ở cấp huyện và cấp xã để tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp nên hoạt động kiểm tra về bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các hộ gia đình, cá nhân chưa thể thực hiện được, các vi phạm pháp luật về BVMT chưa được xử lý kịp thời

Kinh phí: chi phí giám định môi trường trong hoạt động thanh tra, kiểm tra về BVMT rất lớn, vượt quá khả năng tài chính của nhiều Sở Tài nguyên môi trường.

Đặc biệt, mối quan hệ phối hợp, hỗ trợ giữa cơ quan điều tra và các cơ quan tổ chức, công dân trong quá trình điều tra tội phạm về môi trường còn rất lỏng lẻo, nếu không muốn nói rằng gần như không có

Trước đây, quan điểm của Việt Nam trong vấn đề tội phạm môi trường là hạn chế hình sự hoá, lấy giáo dục, phòng ngừa là chính. Hoặc nếu có hành vi vi phạm thì chủ yếu áp dụng biện pháp xử lý hành chính, chỉ xử lý hình sự trong những trường hợp cần thiết. Nhưng với tình trạng tội phạm môi trường ngày càng gia tăng như hiện nay, rõ ràng quan điểm và nội dung luật pháp về TPMT hiện tại là chưa đầy đủ và nghiêm minh. Điều này đã và đang tạo nên những lỗ hổng lớn trong hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường cũng như bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, làm hạn chế tính răn đe và thực thi của luật pháp. Thiết nghĩ, đã đến lúc cần phải có những cách tiếp cận và nhận thức mới hơn để hoàn thiện cơ sở pháp luật về TPMT cũng như công tác giám sát thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

3.3. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ PHI TỘI PHẠM HOÁ

3.3.1. Phi tội phạm hoá Tội đầu cơ (Điều 160)

Theo Khoản 1, Điều 160 của BLHS năm 1999, thì ngoài những điều kiện chung về năng lực chủ thể, một người có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đầu cơ phải thoả mãn đồng thời năm dấu hiệu sau: 1) lợi dụng tình hình khan hiếm hoặc tạo ra sự khan hiếm giả tạo; 2) trong tình hình thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh; 3) mua vét hàng hoá có số lượng lớn; 4) nhằm bán lại thu lợi bất chính; 5) gây hậu quả nghiêm trọng. Còn “Thuyết minh về phương án sửa đổi, bổ sung một số điều luật cụ thể” do Ban soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999 và Tờ trình số 155/TTr-CP ngày 09/10/2008 của Chính phủ về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999 (Tờ trình số 155/TTr-CP) khẳng định trong thời gian qua, tòa án xét xử rất ít các vụ án về đầu cơ, dù trên thực tế đã có nhiều hành vi lợi dụng tình thế khó khăn về kinh tế, gom hàng với số lượng lớn (nhất là những mặt hàng thiết yếu), chờ khi giá lên bán ra thu lời lớn. Đây là hành vi hết sức nguy hiểm, làm rối loạn thị trường, giá cả. Vì vậy, Ban soạn thảo đã dự kiến bổ sung vào dự luật trường hợp thực hiện hành vi đầu cơ “trong tình hình có khó khăn về kinh tế”. Có nhiều ý kiến khác nhau về việc quy định tội đầu cơ. Rất nhiều ý kiến tán thành với dự thảo Luật. Có ý kiến lại đề nghị không nên sửa Tội đầu cơ. Chúng tôi cho rằng, Tội đầu cơ không còn phù hợp trong điều kiện nền kinh tế thị trường, dẫn đến việc áp dụng pháp luật hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi đầu cơ là không khả thi. Việc phi tội phạm hoá hành vi đầu cơ nên được tiến hành căn cứ từ tính nguy hiểm cho xã hội của nó. Khi nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường, hành vi đầu cơ cũng có, nhưng tính nguy hiểm cho xã hội của nó là không đáng kể và có thể kiểm soát được. Gần đây có xảy ra vài trường hợp

gom hàng, tích trữ hàng chờ tăng giá đối với một số mặt hàng như xăng dầu, thép, phân bón, thuốc trừ sâu... nhưng tình hình không đến nỗi nghiêm trọng và khi có sự can thiệp của Nhà nước thì hầu như giá cả sẽ bình ổn trở lại theo quy luật cung cầu của thị trường, quyền lợi của người tiêu dùng vẫn được bảo đảm. Chẳng hạn, nếu có người mua vét lúa, gạo tạo ra sự khan hiếm lúa, gạo nhằm bán lại giá cao thu lợi bất chính, Nhà nước có thể mở kho dự trữ nhằm bình ổn giá cả hoặc Nhà nước điều chỉnh kế hoạch xuất khẩu gạo. Khi đó, hành vi đầu cơ lúa, gạo sẽ không thể gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội và người đầu cơ có thể bị phá sản. Đứng ở góc độ khác, việc coi hành vi đầu cơ là tội phạm trong giai đoạn hiện nay có thể làm giảm khả năng nghiên cứu nhu cầu thị trường, không khuyến khích hoạt động đầu tư kinh doanh của cá nhân và doanh nghiệp đối với một số mặt hàng thiết yếu của xã hội.

3.3.2. Phi tội phạm hóa một số tội liên quan đến hoạt động mại dâm

Khi mại dâm bị coi là tội phạm có nghĩa mại hoạt động mại dâm là bất hợp pháp và người bán dâm phải bị trừng phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, luật pháp thường đẩy mại dâm vào hoạt động trá hình, làm nguy hại cho xã hội. Người bán dâm dễ bị lạm dụng, dễ gặp khó khăn trong việc thuyết phục khách dùng bao cao su, tiếp cận dịch vụ sức khỏe, HIV và tìm kiếm việc làm, dẫn đến gia tăng sự lây nhiễm HIV trong cộng đồng. Mặt khác, chính phủ khó có thể quản lý được sự câu kết giữa thị trường tình dục, thị trường ma túy và tội phạm có tổ chức. Chính vì vậy, nhiều nước châu Âu theo mô hình này từ thế kỷ 19 nay đã chuyển sang các mô hình luật pháp khác mềm mỏng hơn.

Khi hợp pháp hóa mại dâm, pháp luật quản lý mại dâm chủ yếu dưới các hình thức: khoanh vùng, đăng ký, cấp giấy chứng nhận hành nghề và khám sức khỏe bắt buộc đối với người bán dâm. Những nước điển hình theo mô hình này là Hà Lan, Đức, Singapore và một số bang của Úc. Cơ sở lý luận

của mô hình này là dựa trên quyền con người, đồng thời rút kinh nghiệm của các nước đã thất bại theo mô hình cũ. Lợi thế của mô hình này là giữ gìn được trật tự xã hội, làm giảm bóc lột tình dục, buôn bán phụ nữ, mại dâm và kiểm soát được bệnh dịch tại nơi khoanh vùng. Tuy nhiên, mô hình này chưa giảm được mại dâm trá hình và đòi hỏi phải có sự phối hợp quản lý chặt chẽ giữa các cơ quan thực thi pháp luật. Việc khám sức khỏe bắt buộc đối với người bán dâm cũng dẫn đến sự chú quan của người mua dâm cho rằng nguy cơ nhiễm HIV là không đáng kể và do vậy làm gia tăng tình dục không an toàn.

Phi tội phạm hóa mại dâm là sự gỡ bỏ các tội phạm mại dâm ra khỏi luật hình sự, coi mại dâm là một nghề và thường không chịu sự quản lý gắt gao của nhà nước. Chính sách này giúp giảm phân biệt đối xử với người bán dâm, tăng cường trật tự xã hội và sức khỏe cộng đồng, giảm mại dâm trá hình. Tuy nhiên, điều này cũng dễ nảy sinh chông chéo về luật pháp. Đây là mô hình hiện được coi là tiên tiến, được nhiều tổ chức cộng đồng ủng hộ, các chính sách khác không chủ trương truy tố hay bắt bớ người bán dâm hoặc chủ chứa. Nếu có sự phối hợp tốt giữa chính phủ và các tổ chức cộng đồng, chính sách này sẽ giúp giảm đáng kể tỉ lệ lây nhiễm HIV, giảm tội phạm và bạo lực. Tuy nhiên, mô hình này đòi hỏi trách nhiệm cao của ngành công an và sự linh hoạt trong việc thực thi chính sách theo bối cảnh vùng, miền. Thái Lan thực hiện mô hình này khá thành công.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cải cách luật pháp, ma túy gia tăng và dịch HIV đang bùng nổ, Việt Nam không thể tiếp tục duy trì mô hình này. Việt Nam cũng khó có thể đi theo hai mô hình hợp pháp hóa và phi tội phạm hóa bởi vì các văn bản liên quan đến vấn đề mại dâm và cơ chế quản lý bộ, ngành hiện nay ở Việt Nam còn nhiều bất cập và chông chéo. Nguồn lực hạn chế cũng là một nhân tố cản trở để cải cách luật theo hướng hợp pháp hóa mại

dâm. Xét về khía cạnh văn hóa, mại dâm cũng chưa thể coi là một nghề vì việc này trái với thuần phong mỹ tục quốc gia. Chính vì vậy một cơ chế luật mới về mại dâm phải đáp ứng đủ ba điều kiện: tiên tiến nhưng phải phù hợp về văn hóa và phù hợp với tình hình thực tế.

3.3.3. Phi tội phạm hóa một số tội liên quan đến các hành vi đánh bạc và cá cược

Để phòng, chống tiêu cực trong lĩnh vực bóng đá, lãnh đạo Cục Cảnh sát điều tra về tội phạm trật tự xã hội (C14 - Bộ Công an) có kế hoạch trình Chính phủ đề án đấu tranh phòng, chống tội phạm đánh bạc và tổ chức đánh bạc, Bộ Công an đề xuất việc xây dựng các trung tâm cá cược bóng đá công khai vì ở VN, nhu cầu cá cược rất lớn, nên cần phải có hình thức tổ chức cá cược trong bóng đá một cách hợp pháp và nếu thành công, sẽ thu về khoản tiền rất lớn số tiền lợi nhuận này sau đó sẽ được đem đầu tư lại cho môn bóng đá và các môn thể thao khác.

Đây là hình thức hầu hết các nước đã làm và mang lại hiệu quả kinh tế rất cao. Cá cược bóng đá hợp pháp là một phần không thể thiếu của đời sống bóng đá và nên có. Tuy nhiên, đây là vấn đề hết sức phức tạp, cần phải có sự hiệp sức của nhiều bộ, ngành dưới sự giám sát của Chính phủ.

Công ty cá cược thể thao Singapore Pools (một trong những công ty cá cược hàng đầu thế giới), sau khi tìm hiểu kỹ hệ thống thi đấu của bóng đá VN đã khẳng định nếu quản lý tốt, VN sẽ thu được lợi nhiều hơn Singapore từ việc cá cược bóng đá. Được biết, lợi nhuận hằng năm mà LDBĐ Singapore thu được từ hoạt động cá cược lên đến gần 200 triệu đô la Singapore.

Trước tình hình người tham gia cá cược bất hợp pháp ngày càng nhiều ở VN, chủ yếu là cá độ bóng đá quốc tế, đại tá Hồ Sỹ Tiến - Phó cục trưởng C14 cho biết, chỉ riêng xổ số kiến thiết miền Bắc mỗi năm nộp cho ngân sách nhà nước 1.000 tỉ đồng và nếu thành lập được trung tâm cá cược tại VN - một

hình thức xổ số bóng đá công khai thì lợi nhuận sẽ rất lớn. Việc tổ chức cá cược thể thao sẽ giúp VN ngăn chặn và giám sát hiệu quả nạn cá độ bất hợp pháp. Tình hình cá độ bóng đá bất hợp pháp ở VN diễn biến rất phức tạp, chủ yếu các đối tượng sử dụng công nghệ cao, cá độ ở trên mạng nên rất khó phát hiện. Mặc dù Bộ Công an đã có Cục Điều tra công nghệ cao nhưng việc truy bắt tận gốc vẫn rất khó khăn. Để ngăn chặn nạn cờ bạc, trong đó có cá độ bóng đá bất hợp pháp, một trong những biện pháp hữu hiệu là có trung tâm cá cược hợp pháp ngay trong nước.

Cá cược trên mạng ngày càng phổ biến và ở VN đã có rất nhiều hãng cá cược xuất hiện. Thực ra, vì nhiều hãng cá cược lớn đã thấy tiềm năng cá cược từ VN, cũng như từ Thái Lan, Trung Quốc và nhiều quốc gia khác ở châu Á, nên quyết định tấn công dồn dập vào thị trường tiềm năng này. Do đó, cần có sự kiểm soát chặt chẽ việc cá cược để ngăn chặn tiêu cực, chứ không thể để tiền bị thất thoát ra các hãng cá cược nước ngoài như thế.

KẾT LUẬN

Lựa chọn đề tài “Tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999”, tác giả hướng tới mục đích nghiên cứu nhằm làm rõ thực trạng tội phạm của Việt Nam trong những năm từ 1999 đến năm 2009 và xu hướng tội phạm trong thời gian tới để làm cơ sở cho việc kiến nghị, đề xuất về TPH và PTPH trong thời gian tới. Với thời gian nghiên cứu hạn chế và giới hạn cho phép của một luận văn, tác giả đã đạt được một số kết quả khiêm tốn sau:

1. Phân tích được khái niệm, sự cần thiết, vai trò, mục tiêu, ý nghĩa của chính sách hình sự về TPH và PTPH trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật nước ta trong thời gian qua đồng thời nêu lên được các số liệu, nhận xét đánh giá, nguyên nhân của tình hình tội phạm của nước ta trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2009. Thực hiện chính sách hình sự liên quan đến TPH và PTPH là thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật Việt Nam trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền hướng tới mục tiêu bảo vệ quyền con người và xây dựng một nhà nước dân chủ, của dân, do dân và vì dân.

2. Thống kê, hệ thống các loại tội phạm và các hành vi cụ thể được TPH và PTPH và phân tích được mức độ TPH và PTPH của từng tội danh cụ thể trong Bộ luật Hình sự năm 1999 qua đó rút ra được đường lối đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật đó là:

- Chỉ quy định trách nhiệm hình sự, dùng pháp luật hình sự để đấu tranh, phòng, chống đối với những tội phạm mà các biện pháp khác như giáo dục, thuyết phục không có hiệu lực và hiệu quả;

- Cần quy định trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm kéo dài mà tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn nhưng các biện pháp khác như xử phạt hành chính, kỷ luật đã không còn tác dụng và các hành vi này có nguy cơ trở thành thói quen và hành vi nguy hiểm cho xã hội;

- Đối một số lĩnh vực, hiện tượng mới phát sinh trong đời sống mà các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa còn thiếu và yếu thì việc sử dụng trách nhiệm hình sự cần thận trọng và áp dụng dần dần bằng các biện pháp xử lý nhẹ hơn.

3. Luận văn đã phân nào vẽ lại được bức tranh tổng thể về tình hình tội phạm của Việt Nam trong thời đại hội nhập và xu hướng phát triển của tội phạm trong thời gian tới tại Việt Nam để từng bước đưa ra những kiến nghị, giải pháp ngăn chặn tình hình gia tăng của tội phạm bằng các biện pháp cấp thiết, phù hợp kết hợp giữa giáo dục với vận động ý thức tuân thủ pháp luật của người dân; kết hợp giữa ngăn chặn và phòng ngừa đối với những loại tội phạm manh nha phát triển do lợi dụng kẽ hở của pháp luật; kết hợp giữa tính pháp chế nghiêm khắc và tinh thần nhân đạo truyền thống của dân tộc Việt Nam trong quá trình giáo giục những người phạm tội từng bước đưa họ tái hòa nhập cộng đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được , luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các thầy cô giáo và bạn đọc.

Xin chân thành cảm ơn GS- TSKH Đào Trí Úc đã nhiệt tình hướng dẫn trong suốt quá trình tác giả viết luận văn. Xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong bộ môn Tư pháp Hình sự - Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội đã truyền thụ, giúp đỡ, cung cấp cho tác giả những kiến thức khoa học, những nhận định và những tài liệu quý để làm cơ sở cho sự thành công của luận văn. Xin cảm ơn toàn thể gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã giúp đỡ, tạo điều kiện về thời gian, động viên về tinh thần giúp tôi hoàn thiện luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo chương trình quốc gia phòng chống tội phạm (2000), *Các đề án chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*, Hà Nội.
2. Bộ Nội vụ, Tổng cục Cảnh sát nhân dân (1991), *Báo cáo tổng kết công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự giai đoạn 1975-1985*, Hà Nội.
3. *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1985)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung (1989)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung (1992)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Bộ Nội vụ - Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (1997), Thông tin chuyên đề: *Đấu tranh chống tội phạm hình sự*, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp (1994), *Bộ luật hình sự, thực trạng và phương hướng đổi mới*, Chuyên đề Thông tin khoa học pháp lý, Hà Nội.
9. Lê Cẩm (2002), *Một số đối tượng nghiên cứu cơ bản của chính sách hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Tạp chí khoa học chuyên san kinh tế - luật - Đại học quốc gia Hà Nội, số 03, Hà Nội.

10. Lê Cẩm (1999), *Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Lê Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia, Hà Nội.
12. Lê Cẩm(2000), *Tội phạm hoá và phi tội phạm hoá: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 5,
13. Nguyễn Đình Cung, *Báo cáo tổng quát về hiện tượng hình sự hoá giao dịch dân sự kinh tế*.
14. Trần Minh Chất, *Khắc phục tình trạng hình sự hóa các tranh chấp kinh tế và phi hình sự hóa*.
15. Chính phủ (1998), Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31-3-1998 về “*tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới*”, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02-01-2002 của Bộ Chính trị “*Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (1999), *Văn kiện hội nghị trung ương VI (lần 2) Ban chấp hành trung ương khóa VIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đại học Quốc gia Hà Nội (2002), *Chính sách hình sự trong giai đoạn nhà nước pháp quyền*, Tài liệu Hội thảo khoa học của Khoa Luật, Hà Nội.
20. Trần Ngọc Đường chủ biên (1998), *Lý luận chung về nhà nước pháp luật*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (2000)*, Nhà xuất bản Công an Nhân dân, Hà Nội, trang 463.

23. Phạm Hồng Hải chủ biên (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
24. Phạm Hồng Hải (2002), *Tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự phục vụ cho quá trình đổi mới và xu thế hội nhập ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 6, Hà Nội.
25. Lại Việt Hợp (2000), *Thực trạng tình hình hình sự hoá giao dịch dân sự, kinh tế hiện nay*, Báo Diễn đàn doanh nghiệp, số 63, Hà Nội.
26. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên (1997), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, T.I, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.205.
27. Nguyễn Văn Hiên, *Những biểu hiện của tình trạng hình sự hoá các giao dịch dân sự, kinh tế trong công tác xét xử và biện pháp khắc phục*.
28. TS. Trần Lê Hồng. *Nhận thức chung đối với tội phạm về môi trường và một số vấn đề liên quan*. <http://tinyurl.com/nhanthucchungveTPMT>
29. Trần Hữu Huỳnh (2000), *Hình sự hoá các quan hệ dân sự, kinh tế: nguyên nhân và giải pháp*, Tham luận tại Diễn đàn doanh nghiệp “Chống hình sự hoá các giao dịch dân sự, kinh tế”, TP HCM.
30. Nguyễn Mạnh Kháng (2000), *Hình phạt: một số vấn đề lý luận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 10, Hà Nội.
31. Lênin VI, *Toàn tập*, tập 33 (1978), Nhà xuất bản Tiến bộ, Hà Nội.
32. Lô Văn Lý (2000), *Tội phạm hoá và phi tội phạm hoá trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ Luật, Trường ĐH Luật TP HCM, tr.9 – 10.
33. TS. Phạm Văn Lợi chủ biên (2004). *Tội phạm về môi trường: một số vấn đề về lý luận và thực tiễn*. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 95.
34. M. Lisanxki và I. Maclôva (1999), *Sự điều chỉnh pháp luật quan hệ tín dụng ngân hàng*, Tạp chí “Kinh tế và pháp luật” số 4, Hà Nội tr.132 – 136.
35. Hồ Trọng Ngũ, *Một số vấn đề về hình sự hóa, phi hình sự hóa các hành vi phạm pháp trên lĩnh vực kinh tế trong chính sách hình sự hiện nay*.
36. Phạm Văn Lợi chủ biên (2007) *Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
37. Khuất Duy Nga (1999), *Phân chia loại tội phạm và một số vấn đề pháp lý hình sự trong Bộ luật hình sự sửa đổi*, Tạp chí kiểm sát số 04, Hà Nội.

38. Hồ Trọng Ngũ (2002), *Một số vấn đề cơ bản của chính sách hình sự dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. ThS. Phan Minh Phụng, *Một số suy nghĩ về tội phạm hóa và phi tội phạm hóa trong Bộ luật Hình sự năm 1999*
40. Đinh Văn Quế (1998), *Bình Luận án*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 53.
41. Phan Thị Hương Thủy, *Vai trò của Luật sư chống tình trạng hình sự hóa trong các quan hệ hình sự - kinh tế*.
42. Tòa án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác năm 2000, 2001, 2002*, Hà Nội.
43. Trịnh Quốc Toàn (2002), *Một số vấn đề về giai đoạn phạm tội chưa đạt*, *Tạp chí khoa học chuyên san kinh tế - luật*, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
44. Nguyễn Trung Thành (2002), *Tội phạm có tổ chức trong luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng chống*, luận án tiến sĩ luật học chuyên ngành luật hình sự và tố tụng hình sự năm 2002, Viện nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
45. Kiều Đình Thụ (1998), *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
46. Phạm Thư (2005), *Chính sách hình sự và việc thực hiện chính sách hình sự ở nước ta*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
47. Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV). *Bản tin về nạn buôn bán động vật hoang dã Việt Nam* (tháng 7/2008)
48. Đào Trí Úc (1997), *Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.558.
49. Đào Trí Úc (2001), *Mức độ phi tội phạm hóa trong Bộ luật hình sự 1999 và ý nghĩa của nó* – Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 8, Hà Nội.
50. Đào Trí Úc và tập thể tác giả (1994), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

51. Đào Trí Úc chủ biên (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Đào Trí Úc (1993), *Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
53. Đào Trí Úc và tập thể tác giả (1994), *Xã hội và pháp luật*, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
54. Nguyễn Văn Vân, *Về hiện tượng hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự trong lĩnh vực tín dụng - ngân hàng*.
55. Vũ Thế Vạc (10/11/2000), *Một số giải pháp khắc phục tình trạng hình sự hoá các quan hệ dân sự, kinh tế trong hoạt động ngân hàng*, Tham luận tại Diễn đàn doanh nghiệp “Chống hình sự hoá các giao dịch dân sự, kinh tế”, TP HCM.
56. Nguyễn Hồng Vinh (2007), *Hoạt động phòng ngừa tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân*, Nhà xuất bản tư pháp, Hà Nội.
57. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
58. Văn phòng Chính phủ (1998), *Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*, Hà Nội.
59. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Viện khoa học kiểm sát (Dự án VIE/95/108) (1998), *Bộ luật hình sự Tây úc 1995*, Hà Nội.
60. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác năm 2000, 2001, 2002*, Hà Nội.
61. Trịnh Tiến Việt (2006) *Nguyên tắc dân chủ trong Luật hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà nội.
62. Trịnh Tiến Việt (2004) *Khái quát về sự hình thành và phát triển của các quy phạm về miễn trách nhiệm hình sự trong Luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 12, Hà Nội.
63. Trịnh Tiến Việt (2009) *Những nội dung mới trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 19/6/2009 của Quốc hội Việt Nam*, Tạp chí Pháp luật và phát triển số 3+4 – Hà Nội.